

TỜ BÁO CỦA NHỮNG 'SUY TƯ' VÀ XÚC ĐỘNG TRỀ

chính văn

CHỦ NHIỆM KIỂM CHỮ BÙT : NGUYỄN MẠNH CÔN

QUẢN LÝ : ĐỖ THỊ HẢI

QUẢN TRỊ VIÊN : NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

TRỊ SỞ : 133 VÕ TẠNH - SAIGON - ĐIỆN THOẠI : 25.644

TÒA SOẠN : 215 B/34 CHI LĂNG - PHÚ NHUẬN - Đ.T. 41723

SỐ 1, THÁNG 6-1971

Đọc trong số này :

NGHĨ TRONG THÁNG

của Ký Giả LÓ RĂNG- ĐẶNG VĂN HẦU

ĐÊM HÈ

truyện ngắn của THANH TÂM TUYỀN

SỚM MAI

truyện của DƯƠNG NGHIÊM MẬU

BÈN KIA BIÊN RỘNG

truyện của MAI THẢO

Đặc biệt :

ĐÔNG NAM Á ĐI VỀ ĐÂU ?

của Đại tá NGUYỄN TỬ BỎA

QUỐC GIA NÀO CƯỜNG THỊNH

DÂN TỘC NÀO ANH HÙNG ?

lý thuyết của NGUYỄN MẠNH CÔN

CHÍNH VĂN, BÁO HÀNG THÁNG, VĂN CHƯƠNG VÀ CHÍNH TRỊ, XUẤT BẢN
NGÀY 15 MỖI THÁNG - MỖI SỐ 192 TRANG, BÌA OFFSET - SỐ 1 PHÁT HÀNH 25-000
TẬP. - QUẢN LÝ ĐỖ THỊ HẢI - BÀI VỞ GỬI TÒA SOẠN - THƯ TỬ GIAO DỊCH
VÀ NGÂN PHIẾU ĐỀ TÊN ONG NGUYỄN ĐỨC NHUẬN, SỐ 133 VÕ TẠNH - SAIGON

100đ

Mục Lục

9

Bức thư Chủ nhiệm	Nguyễn Mạnh Côn	5
Nghĩ trong tháng	Đặng Văn Hầu	9
Thư gửi các bạn Sinh viên	N. Mạnh Côn	17
Đêm hè	Thanh Tâm Tuyền	18
Nghĩ trong tháng	Ký giả Lô Răng	23
Quốc gia nào cường thịnh...	N.M.C.	26
Hồn thương	N.M.C.	42
Tăng cường bồi dưỡng chủ nghĩa tập thể kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân	Song Hào	48
Sớm mai	Dương Nghiễm Mậu	61
Lệ ai chan chứa hơn người	Doãn Quốc Sỹ	66
Về một chính sách dầu hỏa	Vương văn Bắc	70
Tình nữ	Hoàng Hải Thủy	75
Bài học cổ sử	N.M.C.	81
Kỷ nguyên không gian	Nguyễn Mạnh Côn	92
Bên kia biển rộng	Mai Thảo	100
Đông Nam Á đi về đâu ?	Nguyễn Tử Đóa	107

bức thư chủ nhiệm

Bạn thân mến,

1.— Đây là lần thứ hai tôi đứng ra làm một tờ báo. Lần trước, tờ Tin Báo bị đóng cửa, tôi đã tưởng sẽ không bao giờ làm báo nữa, mà bây giờ lại làm, thì tất nhiên đối với tôi, tình thế đã có đổi khác, và tôi đã có tin tưởng hơn ở chế độ.

2.— Thật thế, và mặc dù tôi nghĩ rằng những thử thách và nỗ lực của Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu vẫn chưa ra khỏi trạng thái «lăn mò mù lòa» — *tâtonnement aveugle*, theo Chardin — của thiện-chí-không-lý-thuyết, tôi thành thật tin tưởng ông có hoài bão tiến tới một cuộc cách mạng xã hội thật sự. Vào trường hợp này, tôi nghĩ bổn phận của mọi người là giúp ông hoàn thành sứ mạng, dù bằng cách chống đối, dù bằng cách ủng hộ — bằng ý kiến hay bằng hành động.

3.— Thêm nữa, không phải đợi Bắc Kinh mời phái đoàn thể thao Hoa Kỳ tôi mới nói Cộng sản sẽ đổi khác: 3 năm trước, ngay sau Tết Mậu Thân, tôi đã trình bày những lý lẽ khiến cho tôi nghĩ rằng Cộng sản đã thua ở Việt Nam. Sau đó, nhân dịp phát hành cuốn HÒA BÌNH... NGHĨ GÌ? LÀM GÌ? tôi lại trình bày thêm rằng trong vòng 5 năm Cộng sản sẽ mở rộng vào giới trí thức chuyên môn — bác học và nghệ sĩ — và guồng máy cán bộ sẽ bớt khô cứng, quyết liệt.

Bây giờ tôi thiết tưởng có thể nói thêm rằng Cộng sản, ở Á châu, sẽ dân chủ hóa dần dần. Lẽ tự nhiên muốn đạt tới kết quả đó, người Mỹ cần phải cung cấp yếu tố khách quan đầy đủ cho Bắc Kinh tự thấy được bảo

đảm về an ninh lãnh thổ. Nhưng chỉ có thể thôi không đủ. Vì chế độ cộng sản được xây dựng trên cơ sở một học thuyết, một chủ nghĩa, và chính học thuyết chủ nghĩa đó đã đưa họ tới sức mạnh — đồng thời cũng là sự bế tắc — hiện nay. Vì thế, cái tình thần cuồng tín hung hãn của họ, như một cái nút dây buộc chặt, cần được cởi mở lần lần, cho sợi dây chùng lại. Và đây là việc người Âu Mỹ không làm được, vì chìm đắm trong nền văn minh kỹ thuật, sự bế tắc của cộng sản thật ra cũng là của họ.

Về điểm này, tôi dám cả quyết với bạn đọc rằng chúng ta thông suốt sự bối rối, sự lo âu của Cộng sản hơn bất cứ một Honey, hay một Thompson nào khác. Bởi chúng ta đã chứng kiến sự hình thành của một trong những đảng cộng sản nhỏ bé nhất nhưng lại gây nhiều sóng gió nhất trên thế giới — đảng Cộng sản Việt Nam — và chúng ta đã theo dõi sự lớn mạnh của nó, và hiểu biết những thành công cùng những thất bại của nó. Màng trong tâm hồn tang tóc hàng triệu thanh niên và đau xót nỗi niềm tan vỡ của hàng chục vạn gia đình, chúng ta, hơn ai hết, ao ước được thấy, cần thiết được thấy sự đổi khác của chế độ cộng sản. Vì thế, không phải một mình tôi mà còn có rất nhiều người đề nghị những giải pháp thế này thế nọ. Cho nên tờ báo này có tác dụng thiết yếu trình bày ý thức hệ của tôi, dưới hình thức những bài tham luận về mọi vấn đề thực tế, nhưng nó sẵn sàng đón nhận những ý kiến khác biệt, trái ngược, của bạn đọc. Trước một đề tài trọng đại là tương lai của dân tộc, của nhân loại, quyết nhiên không thể có sự hơn thua trong một thời gian ngắn : chúng ta, mỗi người trong phạm vi của khả năng mình, hết lòng giúp ích ; và tờ báo này, tôi ước ao như vậy, là diễn đàn chung của chúng ta.

4 — Ngoài công việc đấu tranh tư tưởng, phổ biến học thuyết một tờ báo còn có tác dụng thực tế đấu tranh chính trị. Tôi đã xác nhận nhiều lần tôi không có tư cách làm công bộc quốc gia, dù làm một tùy phái hay làm đến tổng thống, vì sức khỏe tôi không tốt, và lẽ lẽ làm việc của tôi không đều. Nhưng dù sao tôi cũng sẽ cố gắng, một là ứng cử vào Hạ viện Quốc hội 71, hai là thành lập một công ty hùn vốn vô danh có mục đích phát triển văn hóa. Ngoài công việc sáng tác văn chương, là công việc chính và là nghề nghiệp lâu dài của tôi, tôi cầu mong có sức khỏe để làm xong hai việc vừa nói,

nhằm mục đích phổ biến ý thức hệ của tôi, và mỗi khi có thể được, phát huy căn bản tư tưởng tân trung dung vào công việc lập pháp — luật pháp được ý niệm như nền móng mà, trên đó, được xây dựng tòa lâu đài của cách mạng. Miễn sao được khỏe mạnh, tôi sẽ không tiếc thì giờ để đi thật nhiều nơi để tranh thủ sự đồng tình của đồng bào. Kể cả đi ngoại quốc để phân tỏ về giá trị của nền văn hóa Việt Nam — khi người ngoại quốc nghiêng mình chấp nhận, dư luận ở khắp nơi sẽ nhất loạt đổi thay!

5.— Nói tóm lại, tờ Chính Văn này đưa tới các bạn rất nhiều tham vọng:

- báo trước và dự phần vào những đổi thay sẽ tới ngoài miền Bắc, trong vòng mấy năm tới đây, đúng theo lập trường « tâm vật tương giao sử quan ».
- ủng hộ nếu có thể, chống đối nếu cần, các chính sách và kế hoạch của chính quyền đương nhiệm, trên căn bản tâm vật tương giao biện chứng pháp.
- làm phương tiện cho những cuộc đấu tranh chính trị, văn động văn hóa, có giới hạn.

Căn cứ vào 3 tham vọng chính yếu trên đây, tập báo này của các bạn sẽ có, ngoài một số bài sáng tác ở mức độ tuyên lựa nhất có thể được, nhiều bài tham luận về văn hóa, chính trị, kinh tế... với những kết luận không phải chờ đợi vu vơ, mà hiển nhiên có chủ đích: thể hiện cuộc cách mạng xã hội trên lãnh thổ miền Nam tự do, tiến tới thống nhất đất nước theo nguyên tắc thành thật dân chủ, và, sau đó hình thành nền hòa bình chung cho nhân loại. Với sự thỏa thuận của Nha Báo Chí bộ Thông Tin, mỗi kỳ báo sẽ đăng nguyên văn một bài biên khảo hay luận thuyết của một trong những nhân vật lãnh đạo chính trị miền Bắc. Tòa báo không làm công việc chống Cộng để dãi là sửa đổi nguyên tác, hoặc trích đăng từng câu, từng đoạn mà phê bình xuyên tạc: chúng tôi muốn bạn thử đọc một vài bài, để có ý niệm đích xác về thái độ của những người cộng sản cao cấp, và về sự đòi hỏi của họ đối với dân chúng và cán bộ cấp dưới. Rồi chúng tôi sẽ mời bạn đọc, cùng với tòa soạn, xét lại vấn đề dưới nhãn quan của những người dân chủ tự do. Chúng tôi hứa đăng nguyên văn bài của bạn, cũng như, đăng nguyên văn bài của Song Hào — trong số này.

Và, cũng là lẽ tự nhiên, mỗi số ít nhất cũng có một bài, trong đó tôi trình bày với các bạn trẻ về các vấn đề của các bạn: tình yêu, thân xác, dân tộc, quân đội, quốc gia... Tôi sẽ viết hết những điều tôi nghĩ, và chắc chắn sẽ không ngại bất cứ lý lẽ nào đề lần tránh một đề tài nào — trừ phi tôi không biết gì về đề tài đó.

6.— Sau cùng, tôi hy vọng sẽ có nhiều bạn mua đọc tờ Chính Văn này, để tôi được minh xác thêm về một điểm: đồng bào ta, nhất là các bạn trẻ, đang rất cần có một tờ báo có trình độ ý thức và kiến văn khả quan, nhưng đồng thời có sinh lực và «dấn thân» hơn những tờ báo hiện hữu. Chính nhận định trên đây thôi thúc tôi, từ năm ngoái đến năm nay, phải làm cho kỳ được tờ Chính Văn này — với sự giúp đỡ của nhiều bạn hiền, mà tôi xin nhận nơi đây chút tâm cảm tri ân của tôi.

Tôi vẫn biết một con én không bao giờ làm được một mùa Xuân nhưng tôi cũng biết mùa Xuân nào cũng được báo hiệu bởi con én đầu tiên, nên tôi mong mỗi tờ Chính Văn này có thể là con én đầu tiên, con én báo hiệu mùa Xuân Tin Tưởng trong tâm hồn các bạn — mùa Xuân «Trung» tiến tới «Thành» của dân tộc ta và của chung Thiên hạ.

Ngày 25 tháng Năm 1971

NGUYỄN MẠNH CÓN

ĐĂNG
VÂN HẦU

Nghĩ trong tháng

Kim Dung nào đây ?

CÁCH đây khoảng 6 hay 7 tháng, nhân dịp nói chuyện với Kỳ giả LỖ RĂNG, người viết những dòng này đã tỏ ý nghi ngờ : *Lộc Đình Kỳ* không phải của Kim Dung, nếu nhà văn này không vì lẽ gì mà xuống giá quá mức. Đến gần đây, được ngồi cạnh một nhân vật tối cao (cấp) và rất trí thức, Đăng Vân Hầu lại nhắc lại rằng *Lộc Đình Kỳ* chắc chắn không phải của Kim Dung.

Vì sao ĐVH dám quả quyết như vậy ?

— Vì tác phẩm của Kim Dung luôn luôn có 2 đặc điểm. Thứ nhất, là trên đường đời của nhân vật chính, hẳn thường gặp những nhân vật phụ, có khi chỉ xuất hiện trong một đoạn ngắn mà thôi, là những nhân vật rất đặc biệt. Tất cả sở học mệnh mông và sâu sắc của Kim Dung đã được sử dụng để viết về rượu và cách thức dùng vật dụng để uống rượu : về nghệ thuật đánh cờ, viết chữ, vẽ tranh, đánh đàn ; về răn cùng các thứ chất độc ; về kinh Phật và các phương pháp tu hành. Đó là một đặc điểm.

Đặc điểm thứ hai là mỗi tác phẩm đều có những nhân vật hoặc hoàn cảnh mà nghệ thuật diễn tả được Kim Dung đưa lên đến mức độ kỳ diệu. Ví dụ đoạn Kiều Phóng đánh lộn với bạn cũ, đoạn Trương Thủy Sơn tuần tiễu, đoạn Vô Kỵ cù chân Triệu Minh trong cái trống lớn, đoạn Lệnh Hồ Xung quay lại Thánh cô trước màn và đoạn hai người đường thương dưới ánh sao — thấy ngôi sao nào sáng bóng thì biết là em xuống đó ! Về nhân vật thì Nhộc Bất Quần, Tạ Tốn v.v... là những nhân vật mà sự sáng tạo (ra nhân vật ấy) bắt buộc những nghệ sĩ khác phải cúi đầu. Đó là đặc điểm thứ hai.

Có người nói tên Vi Tiểu Bảo cũng là một nhân vật lớn mà tác giả đặt vào cái thế càng hành động bị đời càng hạ giá triền đình Mãn Thanh chắc hẳn bị Kim Dung, người Hán (t), thù ghét. Điều đó có phần có lý nhưng không đáng hẳn, vì có nhiều lúc tên tiểu quý này lại tỏ ra đáng giận, hào hùng (nhất là trung thành và quý trọng vua Khang Hy). Và lại, sự co kéo Vi Tiểu Bảo lên quá cao quả có làm cho lộ rõ những đôi bội của xã hội, như một đối khi Kim Dung có

lâm, nhưng Kim Dung không thể làm được kỹ thuật để hạ gục các nhân vật chân tu của phái Thiếu Lâm, hoặc làm cho một đoàn thể yếu nước như Thiên Địa Hội lọt vào vòng lỗ bịch.

Nói tóm lại, cái hay của Kim Dung, ngoài sự bác học, là lúc nào cũng rất «người», dặt cho sự bịa đặt có vẻ lý đến đâu (ví dụ quơ một nhát kiếm độc nhất mà «chọc» mù 15 cặp mắt!). Lỗ Đinh Kỳ đoạn đầu có vẻ do Kim Dung viết thật — cho đến đoạn Vi Tiểu Bảo thủ tội với Khang Hy—còn, sau đó, chỉ có bày đặt những tình tiết kỳ lạ theo tác phong thông thường của truyện võ hiệp rở tiền, như đoạn Vi Tiểu Bảo hải tặc tội Thái hậu, Vi Tiểu Bảo cắt tay (1) tên lại ma trêu gái và giết mấy tên còn lại.

Kim Dung, đối với ĐVH, là một thứ quái thai của thời đại loạn, ngang tầm quan trọng với bom nguyên tử và cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Bây giờ, nếu vì lẽ gì mà Kim Dung không viết nữa, hoặc dừng tay em, nègres, viết dở, thì thật là một tội phạm hết sức lớn lao, như Việt Cộng sẽ phạm tội với Hoa Kỳ, nếu nhất đán rút quân về, không «chơi» nữa!

Misuma, tại sao anh phải chết?

Nhà văn xứ Phù Tang khi không nhảy vào chiếm doanh trại của quân đội, là hết rồi binh sĩ làm loạn, rồi thất bại thì tự tử. Ít tháng sau, bà vợ ông ta lại yêu cầu cả bọn đàn em tự tử theo ông ta, không biết thật sự để làm gì.

Chỉ tội cho đồng bào mình, bồng chốc phải đọc những lời ca tụng Misuma, như anh hùng, như thần thánh. Đồng bào mình còn nhớ, mới có 50 năm nay, quân Nhật sang Việt Nam không những tỏ ra tàn bạo, hiếp sát, mà còn rất khinh thị đối với dân tộc Việt. Và đó không phải là ý muốn của cá nhân: chính thủ đoạn tuyên truyền của giới quân phiệt lãnh đạo nước Nhật, muốn đòi hỏi binh sĩ Nhật chịu đựng gian khổ và chấp nhận hy sinh, đưa ra luận điệu «dân tộc Nhật ở trên mọi dân tộc khác» ở Á Châu.

Đến bây giờ chế độ tuy đã khác, nhưng giới lãnh đạo vẫn bao gồm mấy thế gia, vọng tộc xưa cũ. Luận điệu tuyên truyền để cao sự tiến bộ cực nhanh của nước Nhật: toàn thể giới công nhân, bị kích động, đã nhận những số lương rất thấp để làm việc đêm ngày. Kết quả, trên lý thuyết, là mức tiến bộ của Nhật còn vượt hơn mức tiến bộ của Tây Đức, Hoa Kỳ... Còn trên thực tế, xí nghiệp mọc như nấm, hoàn toàn của giới đại tư bản; và lợi tức quốc gia chỉ có ý nghĩa là lợi tức của giới đại tư bản, còn giới công nhân chỉ đủ sống mà thôi.

Misuma không chống lại tình trạng đó, vì Misuma hành động không với tư cách bên ngoài, mà hành động với tư cách quý tộc quân phiệt. Điều ông ta muốn là Nhật Bản phải ở trên hết — chẳng hạn như ở trên Việt Nam — nhưng ông ta đòi quyền lãnh đạo phải được trả về cho giới quân phiệt quý tộc, còn giới đại tư bản chỉ được đóng vai phụ lực như trong thời kỳ 1905 (sau chiến cuộc Nga Nhật) đến 1945.

Giới đại tư bản không chịu, giới quân nhân không theo — ít ra các binh sĩ Nhật cũng đã hiểu rằng họ chẳng được lợi gì trong cuộc tranh giành giữa hai phe — nên Misuma phải chết. Cái chết ít gây thương cảm hay bội phục, mà gây nhiều bức bối trong giới trẻ ở Nhật. Nhưng

đề đền bù, Misuma được suy tôn ở Việt Nam. Như người Việt sẽ dựng đền thờ Thái Tử Thoát Hoan, Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị, và Thống tướng Westmoreland, Thống tướng Abrams ?

Giết nhiều thành địch !

Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu là người chống Cộng và thắng Cộng, ĐVH sẵn sàng tin như thế. ĐVH cũng tin đó là một chiến công lớn, vì Cộng Sản mà thắng thì chắc chắn đời sống trong Nam sẽ hết sức cực khổ, tối tăm. Cho nên Tổng thống hân hoan ra tận Huế khao quân là đúng lắm.

Có điều, ở Huế cũng như ở nhiều nơi khác, mỗi khi nói đến chống Cộng thì Tổng thống lại tỏ ra sang sướng mà kể rõ : ta giết 16 ngàn thành địch, ta chỉ chết có hơn 1 ngàn ! Rồi sau đó nói đến tương lai, ông hứa hẹn sẽ còn có những chiến dịch Lam Sơn, Quang Trung, Cửu Long v.v... khác nữa. Và ông nói với dân chúng : đồng bào hãy giết hết mấy thằng cộng sản đi là có hòa bình.

ĐVH rất thông cảm và sẵn sàng ghi công của Tổng thống Thiệu. Nhưng hoàn toàn không đồng ý với ông về luận điệu sát phạt ấy. Vì sao ? — Vì nó không thích hợp với tư cách một quốc trưởng, nhất là một quốc trưởng sắp tái ứng cử. Và vì người Cộng sản đang giết thì ở Hà Nội, còn binh sĩ của họ một phần lớn là thường dân bị bắt buộc phải đi lính.

Vì quốc trưởng, theo ĐVH, là người bảo vệ dân chống Cộng, nhưng cũng là người thương dân, và, mặc dù là quốc trưởng miền Nam, phải có tấm lòng đại lượng bao quát được toàn dân, trong Nam cũng như ngoài Bắc. Nói như thời xưa thì quốc trưởng như phụ mẫu, thấy con hư thì trừng phạt, nhưng trừng phạt mà vẫn thương.

Lẽ tất nhiên chiến cuộc còn kéo dài, nếu cấp chỉ huy tỏ ra nhu nhược, quân đội sẽ không chịu hăng hái xuất trận nữa. Nhưng quân đội ở xa vị quốc trưởng mà gần các tướng lĩnh, các sĩ quan cấp tá, cấp úy. Lời hô hào giết giặc chỉ thoát ra từ các nhân vật đó là đủ. Và lại, một quân đội muốn thắng trận không nhất thiết phải cuồng tín : quân đội hiện đại hóa, cần được tổ chức chặt chẽ, điều hành hợp lý, tiếp vận đầy đủ, tình báo giỏi giang, hơn cần lời hô hào, dù lời hô hào của vị quốc trưởng.

Và lại, chiến tranh tuy đang còn mà sắp hết—chính Tổng Thống nói như vậy. Thì làm quốc trưởng trong lúc này là nghĩ đến tương lai. Nhân dịp cuộc bầu cử tháng 10 sắp tới, ĐVH ao ước được nghe một ứng cử viên nói với dân chúng rằng chống Cộng là rất cần, nhưng không phải chỉ có một đường lối chống Cộng là chiến tranh : vì quốc trưởng tương lai sẽ làm cách mạng xã hội, và cuộc cách mạng xã hội sẽ làm ngăn chiến tranh, sẽ giảm bớt giết chóc và phá hoại cho đồng bào cả hai miền.

Nhưng Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu có đề ý đến mấy dòng trên đây và có đồng ý với ĐVH không ? — Sự thật không. Vì không phải ông không biết những điều đó, mà có lẽ chính

ông đã lựa chọn thái độ, thái độ mình bạch dương đầu với bất cứ ai hứa hẹn hòa bình để dãi nhờ liên hiệp, trung lập. Hoặc giả ông muốn dứt cử tri trước một sự lựa chọn dứt khoát: chống Cộng thì bỏ phiếu cho tôi, đầu hàng thì bỏ phiếu cho Kèo, cho Cột. Thái độ này có anh hùng thật, nhưng nó rõ rệt là mặc cảm của một quân nhân, lấy chiến đấu làm lẽ sống của mình và muốn cho dân chúng cũng làm như vậy.

Nếu giả thiết trên đây là đúng thì quả thật Tổng Thống Thiệu đã làm một sự lựa chọn sai lầm. ĐVH sẽ rất lấy làm tiếc, không phải tiếc ông tổng thống, mà tiếc ông không biết hưởng thụ cái địa vị 'toa hường kỳ thành' — không phải đánh mà được đóng vai người thắng trận — mà cứ khăng khăng đợi cho chiến cuộc đến lúc tàn đần mới nói toàn chuyện giết chóc với dân chúng.

Đặng Văn Hầu không biết trên thế giới, và trong lịch sử, có dân chúng nước nào không bị lừa dối hoặc bắt buộc, mà thích thù chiến tranh hết.

Phận gái chữ tòng...

Chuyện ngày xưa: tháng 11-1945, giữa đại hội các đảng quốc gia, một thanh niên đứng lên viện đủ mọi lý lẽ khách quan, chủ quan, rồi kết luận các đảng quốc gia phải quên quyền lợi, bỏ hoà nghị, hợp tác với Việt Minh để chống Pháp. Đại hội bước anh là gián điệp và truyền bắt giam ngay. Và đêm hôm đó anh bị xử tử trong phòng giam. Tên anh là N.K.C. Khoảng sau đó 1 tháng, mặt trận quốc gia ký bản hợp tác với Chính phủ Hồ Chí Minh.

Sang năm 1946 hợp tác tan vỡ, nhưng hai bên tiếp tục điều đình. Đặng Văn Hầu được tin báo lại sắp có thỏa hiệp, bèn nhảy vọt đi điều đình riêng, kiếm được 5 ghế quốc hội. Nhưng ngay sau đó phải trả lời về tội phản đảng và được cứu thoát bởi lãnh tụ Nhất Linh — vụ này đã được thuật lại nhiều lần — và, may quá, một tuần sau bản thỏa hiệp ra đời.

Từ bấy giờ, ĐVH định mình không bao giờ làm đàn em chính trị nữa. Và cũng nhờ thế mà thoát hiểm nhiều lần: từ 1947 đến 1952, về thành, ĐVH còn chứng kiến nhiều vụ « đàn em đoán trước, thay đổi trước, thì chết vì phản bội; đàn anh thay đổi sau, là đường lối đúng, và đàn em trung thành với đường lối cũ, không thay đổi kịp, thì chết vì phản động. » Kết quả thời thế thay đổi hẳn sẽ hay.

Nhưng bây giờ là 1971 rồi mà thời thế vẫn y nguyên: từ 1949, Mao Trạch Đông chiếm đại lục Trung Hoa, lên ngôi lãnh tụ Á châu Đỏ, thì bất cứ nhân vật nào bàn chuyện giao dịch với Hoa Kỳ cũng bị kết ngay vào tội hữu khuynh, thân tư bản, định « bán đứng » hơn một nghìn triệu « nhân dân » Á châu cho tài phiệt... Nhưng bây giờ...

Bây giờ thì chính Trung Cộng mở cửa đón tiếp một phái đoàn thể thao Hoa kỳ. Lập luận chính thức là nhân dân Trung Hoa chống chính phủ Mỹ chứ không chống nhân dân Mỹ — mà phái đoàn thể thao, cố nhiên, chỉ đại diện cho nhân dân Mỹ.

Nhưng người ta đã có kinh nghiệm rồi. Trong vòng vài ba năm tới, Trung Cộng sẽ được vào Liên Hiệp Quốc, Trung Cộng sẽ ký hòa ước bất xâm phạm với Hoa Kỳ, Trung Cộng sẽ mua bán rất nhiều hàng hóa của Hoa Kỳ — ngay bây giờ Bắc Kinh đã sẵn sàng mua cả ngàn phi cơ phản lực chuyên chở loại B.707, B.724, B.747 C.130, D.C.8 và D.C.9 (nhớ cả Âu Châu, trong vòng 20 năm nay, mới mua có hơn 3 ngàn phi cơ Mỹ, trong đó có hơn 1 ngàn phi cơ quân sự).

Sự kiện Hoa Kỳ thỏa hiệp với Trung Hoa Cộng Hòa Nhân dân là điều chúng ta đoán trước từ hơn 10 năm nay, vì chỉ một mình Trung Cộng, với khả năng tiêu thụ của 700 triệu dân mới giúp nền kinh tế Mỹ — đặt ở bàn Mỹ cùng các tay em ở Nhật, Tây Đức, Anh, Ý v.v... — thoát vòng khủng hoảng được một thời gian tương đối dài. Dù dài để tính chuyện hoãn cải chế độ sản xuất tự do, để tránh cái cảnh ngộ máy móc sản xuất thừa mứa mà không có khách hàng, đành đem sản phẩm đó xuống biển, rồi đua nhau tự vận.

Đó là điều làm cho người ta thông cảm với Hoa Kỳ, với Trung Cộng : hai nước lớn ấy muốn xáp lại gần nhau, tránh viện tượng chiến tranh cho nhân loại, thì xin cứ tha hồ... Duy có điều khó xử là khó xử cho quý vị lãnh tụ... bậc Nhị, bậc Ba v.v... Như quý ông Lê Duẩn, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp ngoài Bắc, trót đem toàn lực đánh nhau nghiêng ngửa với Mỹ trong 15 năm, mà bây giờ chưa kịp điều chỉnh để dời ít món viện trợ, thì bị đàn anh cắt cổ dưới chân, còn biết ẩn nói làm sao với dân chúng !

Như quý vị lãnh tụ các chính quyền Đại Hàn, Đài Loan, Việt Nam Cộng Hòa... hết thấy đều là những nhân vật chống Cộng sản có lịch sử, có tinh thần. Bây giờ nếu Hoa Kỳ, vì nhu cầu kinh tế, thỏa hiệp với Trung Cộng, thì sự đối đầu giao chiến giữa Bình Nhưỡng và Hàn Thành, giữa Đài Bắc và Bắc Kinh, giữa Sài Gòn và Hà Nội, sẽ còn giá trị gì, và tác dụng gì ?

Lẽ tự nhiên quý vị đó có thể làm ngơ như không biết, hề thấy tên nào nói đến thỏa hiệp thì nhân danh hiến pháp, hãy cứ cho nó vào tù, hay cho nó đi khai hội với tôm cá. Đợi bao giờ sự thỏa hiệp xảy ra hẳn hoi rồi sẽ liệu : hoặc chống đối bằng cách đến xây vi la bên cạnh quá cố Tổng thống Ngô đình Diệm trong nghĩa trang Mạc Đình Chi ; hoặc phẩy phẩy tuyên bố Tổng thống Mỹ đã xin phép và được chấp thuận — chấp thuận từ lâu rồi, nhưng còn giữ bí mật ! Cả hai giải pháp cũng hay lắm.

Nhưng còn một giải pháp là tuyên bố, ngay từ bây giờ, rằng Cộng sản sẽ thay đổi vì hối hận, vì sai lầm, vì... chọn tự do. Vậy bốn phần của ta là tiếp tục đánh mạnh nhưng lại sẵn sàng « đem tình thương xóa bỏ hận thù ». Đề chiêu hồi địch. Giải pháp này, cố nhiên, là anh hùng hơn cả. Nhưng đó lại chính là giải pháp của ĐVH — quý vị nào muốn xử dụng, cần điều chỉnh về tác quyền. Và xin đến ngay kéo có người giữ chỗ trước mắt !

Vượt tạo hóa...

Tin khoa học cho biết Liên Xô hiện đang thực hiện một chương trình du hành không gian 2 hồi h.v.p. Đồng thời, Liên Xô và Hoa Kỳ cũng đang cố gắng tổ chức một chương trình

thăm hiểm Mộc tinh, trong thời hạn từ nay đến cuối mấy năm 70 — đến hết năm 1970, vì mấy ngôi hành tinh "ngoại biên" sẽ ở vào vị trí rất dễ quan sát, mà cứ hơn một thế kỷ mới có một lần.

Tin khoa học cũng cho biết tại Liên Xô, một số nhà bác học đã thể hiện được chất plasma trong một thời gian tương đối dài. Plasma, như người ta nói, là một trạng thái mới của vật chất: không lỏng, không đặc, không phải nước, không phải hơi... Người ta thể hiện chất plasma bằng cách cô đúc một số cực lớn phân tử sơ đẳng, trong một từ trường phối hợp cực mạnh, và dưới một nhiệt lượng tới 40 triệu độ. Người ta cũng cho biết dù sao, với phương tiện hiện hữu của khoa học, chưa có thể làm một phản ứng nhiệt năng nguyên tử bằng chất plasma: người ta cần có một nhiệt lượng khoảng 500 triệu độ, một lưỡng điện mạnh khoảng 10 triệu volts, một từ trường nhân tạo dài rộng hàng nghìn thước.

Điều nên ghi nhận là bây giờ chưa có phương tiện, nhưng trong 10 năm nữa thì chưa ai biết ra sao. Bởi vì, mỗi cách đây khoảng 10 năm, người ta mới chỉ có lưỡng điện mạnh tới một triệu volts, khả dĩ tạo một nhiệt lượng 5 triệu độ trong 1 phần 10 tỷ của 1 giây. Rồi 10 năm qua, sự tiến bộ đã cho phép nhà khoa học thấu được thành quả gấp trăm lần. Thì trong 10 năm tới, ai biết đâu họ sẽ tiến tới mức độ nào.

Nếu những cuộc thí nghiệm tương tự cứ được khuyến khích tiếp diễn thì không chắc hẳn loại hèm nay có sống qua được thế kỷ thứ 20 — còn 29 năm nữa — hay không. Vì, khác hẳn mọi ngành khoa học khác, ở đây người ta đang tìm cách qua một Táo Hố: tới nhiệt lượng 15 triệu độ, người ta tạo được sức nóng hơn trong trung tâm mặt trời; tới nhiệt lượng 100 triệu độ, người ta vượt tốc nóng của trung tâm thiên hà; tới mức độ tập trung phân tử trong plasma hình thành, người ta vượt qua mức độ tập trung và tỉ trọng của Cực Nguyên tử — l'Atome Primaire. Địa cầu nhỏ bé, đời sống mong manh quá, để chịu đựng được những vụ huy động năng lực ghê gớm như thế. Mà không phải câu truyện lý thuyết suông... Xin cầu Trời Đất phù hộ cho người Việt Nam thành công trong sự cố gắng cứu thoát thế giới khỏi ánh chớp đơ đời sống trở về đêm khò đầu!

DÁNG BẠC TRIỆU

Có buổi nghe ra-đô, thấy Tổng thống Thiệu quả quyết ông không vận động kiểm phiếu của Công báo trong khi đi khắp nước thăm hỏi dân tình, một ông bạn bỗng khơi khơi tuyên bố:

- Hoài của! Giá ông muốn vận động, tui có cách giúp ông 5 triệu phiếu.
- Giúp gì? Thế nào? Anh em nhào nhào hỏi.
- Giúp ông một biện pháp: loan báo trước rằng năm nay cho đốt pháo vì sắp có hòa bình.

Đồng bào không quý gì hơn ngày Tết, không ham gì hơn đốt pháo ngày Tết. Đốt pháo là hòa bình, là thắng trận, rõ rệt gấp trăm lần những bài diễn văn...

Đảng Văn Hưu thấy ông bạn có lý, vội viết gấp mấy dòng, bắt chức Chu Tử bán số tử vi cho bà tổng thống, bán ý kiến trên đây cho ông. Không lấy tiền. Chỉ xin cho giới tiền ông được tự do thôi! 30!

Chia rẽ quân đội ?

Tin nhật báo cho biết Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ đã quyết định tranh cử làm quốc trưởng. Cũng tin nhật báo cho biết các tướng lãnh (?) đã họp để bàn về việc Đại tướng Dương văn Minh có thể cũng ra tranh cử: các tướng lo sợ rằng các tướng tranh nhau sẽ làm cho quân đội chia rẽ. Lo sợ chia rẽ là một thiện chí. Nhưng thiện chí không đáng chỗ.

Trước hết vì, như Tổng thống Thiệu đã nói, năm 1967, rằng các tướng lãnh không ai được nhân danh cấp bậc mà ứng cử. Không ai được yêu cầu toàn thể hay một phần quân đội ủng hộ mình tranh cử, với tư cách quân nhân. Vậy nếu quân đội cứ chia rẽ thì lỗi ở quân đội, lỗi không ở ứng cử viên.

Lập lý của Tổng thống Thiệu rất vững, nhưng người ta vẫn sợ quân đội cứ bị chia rẽ vì cảm tình với tướng này, tướng nọ. Nhưng thật ra quân đội, nói chung, không có cảm tình với tướng lãnh đến thế. Bởi vì các quân nhân chỉ tin cậy ở những quân nhân khác—hai chữ "quân nhân" ở đây dành để chỉ những người không những đã tỏ ra có tài và có gan chiến đấu (qua một vài trận đánh lấy lừng), mà còn phải lấy binh nghiệp làm sự nghiệp. cả đời của mình (nghĩa là không lợi dụng quân đội để làm chính trị) và phải có tình cảm đồng đều cho mọi binh chủng, mọi đơn vị, khi đã lên đến cấp bậc chỉ huy tối cao.

Ba điều kiện trên đây, chỉ một mình Đại tướng Cao văn Viên là có đủ. Nhưng tướng Viên đã nhất định lánh xa chính trường. Trung tướng Thiệu ở văn phòng (tham mưu) nhiều hơn ra trận nên không có uy danh của một chiến sĩ hào hùng. Thiếu tướng Kỳ, trước khi tham chính làm chỉ huy trưởng một liên đoàn phi cơ vận tải, nên mặc dù ông có lần Bắc tiến, các phi công chiến đấu có theo ông (vì quyền lợi ?) mà vẫn áy náy. Và lại, từ ngày tham chính, Thiếu tướng Kỳ không dấu rằng ông sẵn sàng đến không quân một cách đặc biệt, nên quân nhân thuộc hải quân bộ binh v.v... không khỏa ông lắm. Còn một mình Đại tướng Minh có vẻ được quý mến đồng đều, nhưng chính ông đã không nổi tiếng nhờ chiến đấu anh dũng lại còn mang tiếng "hiền giả quá ngu", và không từng tỏ rõ ý muốn sống chết với quân đội.

Đúng khác, vị tướng nào cũng có một số sĩ quan đàn em cấp tá, cấp úy. Vị nào ở quân đội lâu hơn, lên cấp tướng sớm hơn, như các tướng Đôn, Kim... có thể có nhiều đàn em hơn. Bây giờ, nếu các vị đó tranh nhau ghế tổng thống, thì chính các đàn em, vì quyền lợi và tình cảm, sẽ bênh vực đàn anh đến độ quyết liệt. Chính họ mới có thể giết nhau, và sẽ vận động quân đội ủng hộ đàn anh, không cần biết quân đội có thể vì thế mà bị ly tán.

Nhưng chúng ta yên tâm. Chính vì ở trên chia bè phái mà, ở dưới, binh sĩ thấy rõ rằng ai làm tổng thống thì cũng không ăn nhằm gì đến họ. Chính vì thế mà, quân đội không thể chia rẽ.

Ông Cò Dung

Dân thủ đô nào phải ra đường nhiều hơn ở nhà cũng biết tên ông Cò Dung. Nghe nói ông thông minh, có học, và có hiểu biết. Hình như ông không ăn tiền. Mỗi hôm vừa qua mới thấy cái trán hói của ông: người già trước tuổi.

Dân thủ đô nào có tí-vì cũng biết mặt ông Đại tá Lâm. Dân bà nào, nhất là cô Thắm Thúy Hằng, cũng khen ông đẹp trai, như bột nặn. Dân ông nào cũng thích cái lối ông hỏi vặn « kẻ tù đưng » vào họng đối phương. Cho nên đồng bào vẫn biết chương trình « Người dân muốn biết » là của chính phủ, mà vẫn dần dần chú ý theo dõi, mỗi ngày một nhiều.

Đó là béc thơm. Bày giờ đến khiển trách. Đồng ý rằng ông giỏi tâm lý, đặt những câu hỏi có vẻ « trừu » người của nhà nước, nhưng toàn những câu hỏi ở mức độ kỹ thuật: người xem mãi vui thích về cái nhỏ, có thể quên, dù trong giây phút, những bất mãn lớn hơn. Đồng ý rằng ông có rất nhiều thuộc cấp nên mỗi vấn đề được đặt ra, họ đều giúp ông nhiều ý kiến tốt. Lại đồng ý rằng công chức cao cấp nào cũng biết ông gần gũi Tổng thống, nên ông hỏi gì họ cũng cố gắng vui vẻ trả lời. Nhưng không phải vì thế mà ông làm quá. Ví dụ nhận thư của đồng bào, dù có ký tên, không điều tra lại, mà đem ra hạch hỏi người Cối diện: đó có được trả lời hay không, một câu hỏi chủ quan của người thiếu hiểu biết vẫn làm cho người bị chất vấn khó chịu. Khó chịu hơn nữa là những câu hỏi gây chấn mị dân, như: « Đồng bào than phiền cảnh sát ăn hối lộ, xin ông cho biết ý kiến. Người bị hối lộ, nếu là ĐVH, sẽ xin phép hỏi lại ông rằng đồng bào than phiền các tổng trưởng ăn hối lộ và buôn lậu, xin đại tá mời tổng trưởng ra trước máy truyền hình cho biết ý kiến !

Còn một điều là đồng bào nghe ông hỏi vặn thì khoái, nhưng chỉ biết hời hợt và thôi hơi tầm thường, và còn có tính chất phá hoại. Ông có thể có thái độ xây dựng hơn. Ví dụ, khi gặp ông Bưu điện, ông có thể hỏi cách thức hỏi han về những bưu kiện bảo đảm bị thất lạc, cách thức gửi những món tiền nhỏ ra ngoại quốc... Khi gặp ông Cò Dung, ông có thể hỏi về ngọn đèn vàng, về những hàng rào chia đôi đường Lê Lợi, về cách thức và kỷ luật đậu xe ở mỗi ngã tư.

Ngọn đèn vàng thật phi lý, vết kẻ trắng ở mỗi ngã tư thật phi lý, nếu người dân mới thấy đèn vàng ở phía mình đã đậu lại, đậu quá cả khu vực dành cho người đi bộ, rồi thấy bên đường ngang mới bật đèn vàng đã phóng chạy: năm ngoái, một nữ sinh viên đã chết oan, vì tưởng mình hợp pháp, khi thấy bên kia có đèn vàng, bên này đã vọt ra giữa ngã tư và bị xe ngoại quốc cán vỡ đầu.

Ty Công Lộ rất cần giải thích về ngọn đèn vàng, và rất cần giải thích kỷ luật đậu xe ở các ngã tư. Và xin đừng bị quan vô lối, chê bai thiếu trách nhiệm. Đồng bào ta có thể vô kỷ luật, tài xế xe tắc xi có thể dốt nát, cảnh sát viên có thể đôi rách và ăn tiền vặt, nhưng cần cứ vào thống kê chính thức, đó thành Sài Gòn, với hơn 2 triệu dân và hơn 1 triệu xe các loại, là một trong những nơi xảy ra tai nạn lưu thông ít nhất trên thế giới !

Thán gửi các bạn sinh viên toàn quốc,

Các anh, các chị,

Gần đây các hoạt động sôi nổi của sinh viên để giảm bớt đi nhiều. Nhưng không phải vì thế mà người ta có quyền nghĩ các anh, các chị, đã hết lòng với tình thế. Kể cả những sinh viên không chủ trương tranh đấu, muốn dành trọn thì giờ vào việc học tập, người ta cũng biết không mấy ai hết lòng với tình thế: mỗi người một đời sống, với những hiểu biết khác nhau, đưa đến những quan niệm và hành động khác nhau về hiện tại, về tương lai.

Nhưng, với tư cách thanh niên trí thức, đứng trước cuộc chiến tranh đang tàn phá đất nước và chia rẽ dân tộc, và chìm đắm trong những nỗi niềm tru tu khắc khoải gây nên bởi quá nhiều mâu thuẫn vì giữa nghèo, yếu khoẻ, giải đói, vì yêu thương với thù hận, vì tự do với kỷ luật — trong lãnh vực quốc gia và quốc tế cũng như trong lãnh vực cá nhân và tập thể — các anh các chị tất nhiên đều khẩn thiết đòi hỏi, mong chờ một sự thay đổi, đảo lộn, hay càng lắm là một sự đảo lộn có đường lối, khả dĩ đưa đến sự chấm dứt chung những bất công, bất ổn hiện nay.

Nhưng tôi biết chưa có ai giúp các anh, các chị vượt được gánh nặng tình thần đó. Nên tôi muốn đến với các anh, các chị, trong những buổi gặp gỡ vô điều kiện, vô giới hạn. Vừa dạy vừa học, vừa lập thuyết vừa hoạt nghị chính cái học thuyết của mình, tôi đến với sinh viên là vì sinh viên mà cũng vì tôi. Tôi sẵn sàng trình bày về bất cứ đề tài nào được các anh các chị chọn lựa — về chiến tranh, về tình yêu, về gia đình, học đường, tôn giáo... — và chấp nhận trả lời bất cứ câu hỏi nào của các anh các chị, trong giới hạn sự hiểu biết của tôi.

Mười lăm ngày sau kể từ ngày tờ Chính Văn này đến tay bạn đọc, tôi sẵn sàng tiếp xúc với các anh, các chị sinh viên khắp nước. Thời gian 15 ngày cần thiết để các sinh viên bàn bạc với nhau về những việc cần làm, như đề cử đại biểu để ăn định nơi chốn, ngày giờ, thể thức và diễn trình của những cuộc gặp gỡ. Và lại tôi đã đề nghị một học thuyết thì tất nhiên cũng muốn có một số sinh viên nào đó nắm được phần nào căn bản tư tưởng của tôi: 15 ngày là tạm đủ để các bạn đó đọc mấy bài của tôi cũng trong số báo này. Và tôi cũng đề nghị các bạn tìm đọc bài của tôi đăng trong tập san Quốc Phòng, của trường Cao đẳng Quốc Phòng, số 13, tháng 7-1971, vì tôi đã cất nhiều nỗ lực suy tư vào bài đó — bài phê bình học thuyết mác-xít qua tâm vật tượng giao diện chứng pháp.

Tôi mong các anh các chị trả lời tôi sớm. Phản ứng thuận, nghịch, của các anh các chị có thể sẽ giúp tôi quyết định về một vấn đề quan trọng khác: nếu được nhiều phản thuận tha, rất có thể tôi sẽ ứng cử vào Hạ viện Quốc hội, để mượn uy thế (và phương tiện) của dân biểu mà phát huy học thuyết Tân Trung Dung tới quảng đại đồng bào, và tới tầng lớp trí thức trên toàn thế giới.

Thân mến

NGUYỄN-MẠNH-CÔNG

Sinh ra ngày 2 tháng 6, 1971

trống để tiến vào bờ hè. Quả bóng nhấp nhô trông thấy được ngay cả những lúc chàng biến dạng. Nàng mừng tượng chàng đang cười giòn, áp má sẵn sùi lồm chồm vào má đứa bé, nói làm thăm mỗi khi phải ngừng đứng. Lúc chàng bước mau trước mũi chiếc xe cao lênh khênh thấy sợ, trong một thoáng chớp, bóng chàng như tan mờ trong ánh đèn chiều rực, tiếng máy nổ, tiếng kèn nống nảy thúc giục. Sau đó, một tay chàng giữ chiếc tay cầm lái của chiếc xe gần máy còn cổ đứa tới, chàng lách vòng trước bánh xe ngoài, nhẩy nhẩy những bước ngắn và cuối cùng vào đến hè.

đêm hè

truyện ngắn

THANH TÂM TUYỀN

CHÀNG bỗng đưa bé lên, bước xuống đường. Quả bóng trên tay đứa bé tách khỏi cây bóng bóng, du đưa một chỗ. Lúc bấy giờ công trường đông nghịt. Quanh bốn nước phun trắng rõ trong ánh pha rọi, xe cộ dồn ứ đi chuyển chậm chạp. Chàng lấp sau chiếc xe Mỹ chuyên chở nhân viên bị bao vây không thể xê dịch ghé vào hè. Quả bóng mẫu xuất hiện giữa khe hở sau đuôi chiếc xe du lịch láng bóng. Chàng lách mình đi ngang tay gờ cao cánh tay cầm bóng của đứa bé. Một chiếc xe gần máy rú ga chạy tuồn tuồn, thẳng kết suýt đụng hai bố con thì chàng vừa thoát khỏi khe gác. Hai mắt đàn ông kẻ sát bên nhau hồi lâu như đang trò chuyện.

Chàng lại đi ngược giong, tay đưa lên đưa xuống cánh tay cầm bóng của đứa bé như làm hiệu, men theo những thành xe tìm khoảng

Bên bờ hè những người đi bộ đứng lóng ngóng thành hàng. Đứa bé được đặt xuống. Nó quay dóm lại với nước phun tỏa giữa công trường, chỉ trỏ. Chàng cúi thấp gần bằng đứa bé, nghiêng mặt làm như chăm chú, xong đứng thẳng người móc thuốc châm hút. Nàng trông rõ rất nhiều lúc chàng cũng nghe nàng nói theo kiểu vừa rồi. Đứa bé chạy xầm xầm vào công viên và chàng dùng dính bước theo sau. Trên hai lối đi song song trong công viên rải rác những băng đá đều có người ngồi. Bọn trẻ con chạy trên các bãi cỏ, leo treo quanh chân một bức tượng vô hình dựng đứng giữa vườn. Đứa bé vừa bò trèo lên những bậc thềm dưới chân bức tượng vừa dóm chừng bố. Nó đứng trên nền tròn dốc xoài ngó những đứa khác, xong chạy xuống về phía chàng. Chàng đã ngồi nơi đầu một chiếc băng đá có đôi vợ chồng cũng đang trông hai đứa con chơi ngay trước mặt. Chàng quay về phía nàng nhưng chắc chắn không thấy nàng.

Đứa bé mặt chiếc quần cụt đỏ, chiếc áo hai màu, lưng tím và ngực đỏ, đội chiếc mũ theo kiểu nai ngựa. Nó khua quả bóng, vấp ngã xoài trên cỏ. Chàng vẫn ngồi im, ra hiệu cho con đứng dậy. Đứa bé phủi tay, nhẩy

đêm hè

quả bóng và tới ôm lấy chân chàng. Chàng phải quẩn áo cho con, giữ nó trong tay một lúc. Đứa bé lại bỏ chạy xa và chàng đốt tiếp điếu thuốc thứ hai. Cái tật ghiền thuốc đáng ghét của chàng. Nàng tưởng người được mùi khói khét lẹt của thứ thuốc lá đen tóa bay, quyen trong hơi thở chàng không cách gì làm nhiat nổi. Chàng hút như cái bễ lò tuồn khói, mỗi ngày bốn mươi điếu thuốc, cười cười bảo thế. Chàng hút vào cả những lúc nàng không thể tưởng chàng có thể hút, chẳng hạn như lúc nàng vừa đi xa về nôn nả gọi điện thoại cho chàng và khi nàng kêu như một cô bé sung sướng : em đây, anh, thì nàng nghe bên kia đầu giây tiếng nắp máy quẹt đóng tách, không nhận nổi nàng là lớn : anh tắt điếu thuốc của anh đi. Chàng biện luận : em thấy không, đàn bà trang điểm vẽ mặt vẽ mày, đàn ông thì hút thuốc, không ai cấm đàn bà trang điểm thì cũng không ai được cấm đàn ông hút thuốc. Mỗi ngày bốn mươi điếu thuốc, chàng sẽ bị ung thư cổ vào năm năm mươi tuổi, chàng sẽ sống còn mười ba mười bốn năm nữa, thế là nhiều, chàng cười xòa, chàng hút lúc có một mình, chàng hút lúc buồn, chàng hút lúc bối rối ngượng ngập. Em hiểu không lúc anh gặp em là anh bối rối, anh mắc cỡ như ngày mới lớn, phải để cho anh hút thuốc lá cho có vẻ già dặn đứng đắn. Nàng chịu thua, nàng bị phun khói cay mắt, nàng nghe miệng cứng đờng vị tanh tanh và những lời phủ dụ bông lơn.

Xuất hát văn. Người ta đổ túa từng lớp ra hành lang. Nàng lẫn lộn trong đám khách tuồn xuống hè và nàng thấy mình cũng đang đứng dưới vỉa hè trước rạp chiếu bóng như vừa từ trong phòng tối bước ra đầu còn ngầy ngật những hình bóng lớn vờn. Đám khách tản trên hè, xuôi về phía công trường lưu thông đã điều hòa, ngược lên chỗ đậu xe trước toa Thị Sảnh bằng qua công viên. Chàng vẫn

ngồi nguyên chỗ. Đứa bé bảy giờ chạy vòng theo lối đi trước mặt và sau lưng chàng. Lối cau lưng chàng gần đường phố chật xe cộ đổ dọc hai bên. Chàng quay theo trông con, tay cầm quả bóng vầy vẩy. Trong công viên bảy giờ đông hơn. Nhiều người đi dạo qua lại trên các lối. Quanh chân tượng, trên bãi cỏ nhan nhản người ngồi. Một người lính lột nón nhảy ngồi trên bệ xây dựng tượng, hai chân đóng đũa ngóng mặt hướng về phía bồn nước như đón gió từ mé sông thổi vào dài theo đại lộ. Buổi tối như chỉ vừa mới chớm nở rõ đầu vài ba phút trước, ngưng trệ nồng nực. Nàng đứng ngay trên hè, nghen ngào, khó thở không hiểu mình sắp sửa phải làm gì.

Trên hành lang rạp chiếu bóng, người ta bầu quanh cửa phòng vé, tụ tập ngó những bích chương quảng cáo. Nàng nghe cùng một lúc những chòm âm thanh túa bốn độn quanh mình nhét kín lỗ tai lằng bằng. Tiếng xập xoè rộn nổi rớt từ trên sân thượng cao nàng không thể ngược trông lên báo hiệu một cuộc vui đã mở. Trong phòng trống khuất còn vắng người, nhạc phát từ trên như tấm màn trắng phơ rộng. Chiếc xe hốt rác của cơ sở Mỹ sơn trắng toát đỗ che tầm mắt ngăn chia nàng với cảnh tượng bên công viên. Nàng bước lên bậc thềm, đứng sát vào một gốc cột lớn nhưng vẫn không trông thấy chỗ chàng ngồi. Trên bờ tường cao bên kia đường, tấm biển quảng cáo của một rạp chiếu bóng khác vẽ hình đôi tình nhân đi cùng trán với nhau. Dưới tấm biển là lối vào hành lang dẫn vào một phòng trà ca nhạc kết đèn mờ. Chàng ngồi trên chiếc băng đá xéo xéo lối cửa ấy.

Người đàn ông đứng gần nàng chốc chốc liếc trộm, ánh mắt gian tà. Hắn đang có những ý nghĩ bậy bạ về nàng. Nàng làm lơ như không hay, ngậm mồm người phụ chuyên những chiếc thùng trắng màu nhà thương lên

xe rác. Nàng hiểu mình sắp sửa phải ứng phó với cái tình thế quen thuộc nhàm chán của người dân bà sống độc thân nhưng nàng không thể rời bước. Lúc này nàng chỉ có một ý muốn được trông thấy chàng và chàng không hay biết. Người dân ông loay quanh vài bước rồi tiến sát ngang chạm vào vai nàng. Hân nhếch mép cười ngạo mạn. Nàng thoáng nhui mày xong mỉm cười như đáp lễ. Nụ cười chàng thường bảo làm cho nàng trở thành một cô bé độc ác một cách vô tội. Chỉ có chàng hiểu nụ cười ấy của nàng, chàng bưng tay che mặt đùa eo cô, anh sợ, anh sợ, đừng cười nữa, nguy hiểm và cơn giận dữ của nàng bị xua tan, nàng không cười nữa, chìm lặn xuống theo chàng.

Chiếc xe hốt rác đã chạy. Mắt nàng được mở thoáng như cánh cửa sổ bật tung đập mạnh. Chiếc băng trống trải còn lại một mình chàng lui lui dứt cho đứa bé ăn kem. Đứa bé đầu trần, nghiêng lắc những nhoe. Người dân ông một bên loay hoay quấy rầy, hân vẫn chưa tìm ra cách bắt chuyện. Nàng đột ngột quay sang trông thẳng vào mắt hân hỏi: Thưa ông quen tôi? Hân bối rối chưa kịp phản ứng nàng tiếp: Hay ông quen chồng tôi? Chồng tôi ngồi bên kia kia. Nàng đưa tay chỉ về phía chàng ngồi. Nàng ông kinh ngạc ra mặt, hân trở mắt nhìn nàng như một quái thai. Hân lắc đầu cười ngạo, chậm rãi bỏ đi chỗ khác. Những lúc như lúc này, nàng chỉ muốn khóc một mình cho thật hã. Mọi người dân ông gần nàng đều nghi giống nhau: nàng điên, nàng khùng, kể cả chàng nữa. Có phải không? Mặc dầu chàng bảo: em không điên, anh làm cho anh điên, hay là chúng ta cùng điên.

Người dân ông lẫn vào trong đám khách ngồi chờ trong hành lang đang chuyển động. Nàng bước lui một bước khi chàng ngược mặt

trông sang rap. Có lẽ chàng nhìn tấm bảng quảng cáo trên mái. Đứa bé lại cầm quả bóng màu tung tăng trên bãi cỏ. Nàng trông lại phía buồng vé đã thừa người. Sau tấm kính dày, các cô bán vé cầm cúi làm việc. Nàng ngần không còn ý định xem chiếu bóng buổi tối nữa. Cuốn phim chắc chắn là buồn bã, suốt mười sẽ vừa bắt nàng cảm động vừa bức mình. Cảm động và bức mình trong đêm nay, tình cờ gặp chàng sau nhiều ngày là điều nàng không muốn chút nào. Nàng tự hỏi nàng còn yêu chàng không và không sao trả lời đôn đáo. Thật lý cực.

Nàng có thể tiến sang chỗ chàng ngồi kia, chàng sẽ ngừng lên và hỏi: kia em, đi đâu đấy. Nàng sẽ hỏi chàng tại sao anh không gọi cho em. Và chàng sẽ trả lời trời chầy. Không có sự gì cả. Tình yêu có những quãng tắt im vô lý như chính nàng đã nghiệm. Chính nàng có thể gọi cho chàng và nàng cũng đã không gọi. Nhiều lần như thế. Nhưng lần này quãng tắt có vẻ lâu và nàng tưởng như tình yêu đã chết từ hồi nào. Những rung động nàng đang rình rập ghi nhận khuất lặn như bóng dáng chàng ngoài công viên và cũ kỹ. Cũ kỹ. Không có sự gì cả. Tại sao nàng không tiến sang? Có lẽ vì đứa bé đang chơi đùa với chàng. Có lẽ...

Chàng là to gọi đứa bé trở lại. Tiếng la ngân ngời, không rõ rệt vang âm nơi nàng. Dường như nàng lặp lại tiếng gọi ấy trong đầu, trong ngực. Nước mắt rung rung bắt ngờ bên khoé mắt nàng. Chàng đứng dậy, bước ngang bãi cỏ, đuổi theo đứa bé. Đứa bé vừa cười vừa chạy dọc theo lối đi gần phía nàng. Chàng cũng cười lớn dặm chân, hù dọa nạt. Đứa bé bám vòng quanh chân một người dân bà đi ngang và chàng đứng thẳng lưng nghiêm nghị đợi. Lúc ấy nàng hay vọng chàng trông thấy nàng ở bên này nhưng nàng cũng

đem về

biết chàng đang chăm chú với trò đùa. Trò đùa của riêng chàng đẩy chàng vào cõi khác, chàng vẫn sẵn sóc người khác, cầu cạnh người khác nhưng chàng cô đơn. Nàng có thể sang, tham dự vào trò đùa như bất cứ một người thứ ba nào. Quả bóng bóng nổ phụp Đứa bé ngơ ngẩn giờ cây que không. Chàng đến gần coi cúi xem xét quanh mặt đất. Nàng nghe loảng thoảng những lời đối đáp của hai bố con. Không có gì, không có gì, lúc nào chàng cũng thích nói dài câu vô nghĩa khó chịu ấy. Nàng như đã bị nhiễm lấy câu nói. Không có gì, không có gì cả. Anh đó, em đó và không có gì. Quả thật không có gì. Tình yêu cũng không có gì nốt. Chàng ném mạnh chiếc que lên trời, đứa bé ngửa mặt cười thích chí. Không có gì, bây giờ mình ngồi nghỉ mệt. Chàng chụp nón lên đầu đứa bé, nắm tay nó dắt đến chiếc băng đá cùng ngồi xuống quay lưng lại.

Bây giờ nàng chỉ trông thấy cái lưng gù gù của người đàn ông. Chàng mặc áo sơ mi trắng buông ngoài thắt lưng, chân xỏ dép. Chàng ngồi chống một cẳng trên băng đá, quàng tay ôm lưng đứa bé vỗ vỗ, ghé tai trò chuyện. Chàng thật xấu xí, xảo trá, không tương nổi. Rất nhiều lúc nàng ngó thấy chàng là người không đứng đắn, hơi hột kém cỏi, hèn nhát, chẳng phải người đàn ông nàng mơ mộng. Nàng muốn đi sang đường báo với chàng: không có gì, tình của chúng ta không có gì. Chàng sẽ nhìn lảng hồi lâu, bao giờ cũng thế. Phản ứng của chàng rất chậm và phản ứng của nàng quá nhanh. Khi chàng như thức dậy sau giấc ngủ dài, hiểu được ý nàng, cảm xúc của nàng đã tàn rụi. Chàng sẽ nhắc: không có gì... sau đó chàng mò mẫm kiếm tìm lời, nàng chờ xem. Sự chờ đợi đẩy đưa nàng vào những ngó ngách ngoắt ngoéo khác. Chàng sẽ nói, nàng nghe nhưng mỗi người một ngã, rồi bất chợt vào lúc nào

nàng gặp gỡ chàng, vui vẻ, nở nức, say sưa ở một chốn xa lắc lơ. Nàng tự trách một phần cũng tại nơi mình không bình thường, mình đòi hỏi, mình bất bình, mình bất hạnh, chàng đâu có thể mang đến sự yên ổn, chàng như con cá lượn lờ quẫy xuôi theo dòng nước chảy. Lúc này chàng giống như mấy cây chết khô rụng trụi lá bên hè đường phố, chắc chắn sẽ bị đốn ngã vào một ngày tới. Chàng đã già, già móm mém và nàng còn quá trẻ, trẻ nít trong khi nàng dính dính mình mình đã là một bà già.

Chàng cúi áo cho đứa bé ở trần, đặt nó nằm gồi trên đùi. Đứa bé quờ tay sờ hăm râu nhấp của chàng, gọi: bố, bố. Nàng nghe quanh mình trống trải khách đã vào rạp hết. Trong hành lang chỉ còn vài ba người không ý định rõ rệt đứng xem tranh ảnh. Một tốp khách đến chậm dăng hàng bước lên thêm. Người ta ngó nhìn lơ là nàng trọi trọi đứng bên cột. Bên quầy bán nước giải khát, mấy người đàn bà đang hỏi nhau kiếm hàng bán. Ngoài băng đá chàng gục mặt xuống đứa bé, dúi râu vào má đứa bé khiến nó cười như nắc nẻ. Tiếng cười văng sang đến tận chỗ nàng đứng. Buổi tối đã vãn xe cộ và tiếng động. Dưới hè ánh đèn soi những viên gạch ở vuông nhỏ. Trên các bãi cỏ giấy rác lổm đổm. Quanh bề tương mấy đứa trẻ bán kẹo treu chọc đuổi bắt nhau. Chỗ bồn nước người ta đậu xe ngồi nguyên trên yên ngó nhìn. Những người đàn bà dắt con đi lòng vòng. Chỗ chỗ ánh flash máy chụp hình nháng loè. Một khoảng hè xây vòng bồn nước bị hắt ướt. Nước bắn ra tới mặt đường.

Nàng bắt buộc phải bước xuống hè. Trên băng đá đứa bé đã nằm im và chàng ngồi ngây thần thờ. Có thể lúc này chàng đang nghĩ đến nàng, không hay nàng đi trên hè sau lưng chàng cách một con đường nhỏ. Có thể chàng

mehe tiếng gảy của nàng rơi rạc và nghe như nghe mọi tiếng động ở xung quanh, cũng lắm như lắng nghe khúc nhạc diu dặt vàng vọt ở trên sân thượng cao tít. Có thể chàng không nghĩ ngợi gì cả, chàng bỏ trắng mình như một niềm lãng quên dật dờ như một đốm lửa chài ven sông. Chàng sắp sửa phải trở về, đeo con trên xe gấn máy, hát âm ư theo con phố rộng trải dưới ánh đèn điện sáng trong khi đứa bé buồn ngủ dụi mắt. Chàng cũng đang trở trời như nàng, có phải thế không ?

Nàng dừng chân nơi đầu hè. Một người rồi trong nhà các xây ngay giữa hiên gương mặt ngó nàng. Nàng ngó bồn nước, ngó các đai lộ châu tời, rồi ngoài nhìn về chỗ băng đá. Chàng vẫn còn ở đây. Một đứa trẻ bán kẹo ngồi dưới chân đứa bé. Chàng cũng quay nhìn bồn nước phun. Sau đám nước tỏa ngời như một cánh hoa lạ, chùm bong bóng đủ màu kéo xuống đưa lên đi theo một gia đình đông con. Nàng phân vân không hiểu phải đi đâu. Vài phút nữa, nửa giờ nữa, chàng sẽ về nhà. Còn nàng, Nàng có thể vào quán nước, vào phòng trà nghe nhạc, nếu nàng gặp được một người bạn dù trai hay gái. Nàng ăn hận đã bỏ rơi người bạn trai hẹn đón đi chơi buổi tối. Nàng không thể chịu đựng được sự mong ngóng, giá như người bạn cho nàng chỗ đến gặp hay có thể nàng đến đón bạn nàng sẽ dễ chịu hơn nhưng khôn nói mọi người không muốn nàng như thế. Nàng không thể trang điểm ngồi sẵn trong phòng mình, nhất là vào buổi chiều ngộp thở như hôm nay. Nàng đã nóng nảy, đã giận dữ vô lý, loanh quanh trong gian gác vãn chật rung rinh vì nhịp bước của người khác, nhức nhối vì máy thu thanh mở ra và xe gấn máy rú ga chạy ào không. Nàng khóa cửa bỏ đi trước giờ hẹn, từ lúc chiều chưa tắt nắng vào trong thành phố cũng đang phủ sự trần trụi khô héo như nàng.

Nàng quay nhìn lần nữa, chiếc băng đá

trong công viên và bỗng nhiên nghe dội sự trơ hảng. Chàng và đứa bé đã biến mất. Nàng rảo mắt tìm quanh khắp vườn, trên các vỉa hè xa vẫn biệt tăm. Khi không nàng buồn cười vì sự 'chưng hửng' ngây ngô của mình, chàng bay biến như một ảo tưởng. Chàng là một ảo tưởng! Nàng cười thầm, mặt nóng bừng, mặc cỡ tự nhiên. Chàng vẫn còn ở đó, mãi sáng nàng sẽ nhắc ống điện thoại gọi cho chàng, chàng sẽ đáp mau mắn. Nàng sẽ nói em đây, anh. Chàng đáp anh biết rồi. Tại sao anh không gọi cho em ? — Anh muốn em được một mình — Em một mình, lúc nào em chẳng một mình nhưng em cần anh, anh hiểu chưa ? — Anh hiểu lúc nào anh cũng hiểu. Nàng sẽ cười, nàng sẽ nũng nịu, nàng sẽ bảo chàng nàng muốn đi khỏi thành phố này một vài hôm, sẽ đi tìm biển, sẽ vui đùa, mấy bữa rày trời chịu không thấu. Chàng đáp chắc trong miệng, đi thì đi, em đến trước đi anh thu xếp công việc đến sau, em chịu không. Nàng sung sướng, phơi phới, thoát đi một mình đến gặp chàng. Nàng đến nơi nàng chọn và chàng đến nhập vào trong cảnh vật đã bày sẵn. Chàng không là một ảo tưởng.

Nàng bước xuống đường, nhìn hàng điện trên đai lộ thẳng như một bập bênh menh mông. Nàng đi về hướng bờ sông. Nàng sẽ đến ngồi trên chiếc ghế sắt thấp trong một vườn bông khác, ngâm bờ sông xa một múi đèn đưa tưởng nhớ đến bụng lầy, đồng ruộng đã xa cách. Có lẽ nàng sẽ gọi rú chàng về tỉnh nhìn sông, thăm mấy hòn cu lọi, thả thuyền trôi một đêm trăng sáng. Nàng sẽ ngồi đó một mình rồi trở về nhà trước giờ giới nghiêm mở nhạc nghe và ngủ đợi sáng mai. Nàng sẽ nghe 'Tứ thời khúc' của Vivaldi nàng đang cố nhớ hồi Presto chấm dứt khúc mùa hè, rực rỡ chói chang tuy như buổi chiều trải ngát ánh trên dòng không sắp tàn rụi.

ký-giả
LÔ-RĂNG

Nghĩ trong tháng

Già và trẻ

TRONG việc phân phối đề tài cho số ra mắt, «Người» chủ nhiệm liên bảo tôi «Ông viết cho tôi một bài về thanh niên». Không hiểu lý do nào đã khiến người chủ nhiệm giao cho tôi cái phần vụ đó. Tôi hiện giờ đứng giữa «vùng đai trắng» không ra trẻ mà cũng không ra già — Tuổi 40 — Có nhân có nói rằng «Tứ thập nhi bất hoặc», đến cái tuổi này là việc đời không còn gì huyền hoặc nữa. Nhưng mà bản thân tôi lại thấy khác hẳn. Tuổi 40, tôi thấy sự việc nào cũng mờ mờ nhàn nhàn. Cái «hoặc» nó không biến đi mà gần như mọi sự đều là «hoặc» cả.

Câu hỏi đặt ra cho tôi lúc này là «thế nào là trẻ, thế nào là già?». Về phương diện y học thì người ta cho rằng phải từ 45 tuổi trở đi mới là sắp già — 60 mới gọi là già. Nhưng mà cũng theo y học thì từ 20 tuổi chúng ta đã «già» rồi, tai mắt đã bắt đầu kém sút. Con mắt khi 10 tuổi, sức điều tiết thị lực (accommodation) là 16 dioptres — đến hồi 20 tuổi sức điều tiết đó đã giảm xuống chỉ còn 12, 13 dioptres. Từ 25 tuổi trở đi, trí nhớ cũng bắt đầu quá bận rộn và lười biếng — theo bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm. Cái gọi là tuổi để chia ranh giới giữa già và trẻ cũng chỉ có một giá trị hết sức tương đối. Đời sống của con người ta nhân sinh bách tuế vi kỳ được kể là một trăm năm. Nhưng đó chỉ là một cái mốc cho con người hướng tới. Trên con đường ấy tùy theo nhiều yếu tố con người lần lần rơi rụng. Người đại thọ thì 8, 9 mươi mươi, người trung thọ thì 6, 7 mươi. Có người chưa tới tứ tuần đại khánh đã vội đi về cõi đất.

Sau cùng, tuổi chỉ là một cách nói, có người mới 30 mà đã đúng dinh về già — có người 6, 7 mươi mà chân chưa mỏi, gối chưa chồn — trên con đường đời vẫn cứ sầm sầm tiến bước.

Nhân vật người được coi là sống lâu nhất: ông Bình Tử thọ đầu được trên 800 năm — trong khi con chim Bồng trong thiên Tiểu Địch Du bay qua biển Nam cánh đập làm cho sóng nước nổi lên ba nghìn dặm dài. Cây Xuân mộc ở Giang Nam Hoa theo Trang Tử trong Nam Hoa kinh — 800 năm mới một lần thay lá — Những hòn đá lấy từ mặt Trăng về, trong chương trình Apollo; của nó phải tuổi tính hằng tỉ năm...

Như vậy tuổi tác không làm thành vấn đề già, trẻ. Phải lấy một tiêu chuẩn khác. Ví dụ như khả năng lao động. Lao động ở đây được hiểu là cả hai thứ: lao động chân tay và lao động trí óc. Kể về sự ấu nọ, vác nặng thì khối cần phải thông kê, ai cũng thấy ngay là tuổi trẻ (tạm kể là từ 20 tới 40) hơn đứt tuổi già. Người trẻ; gân cốt vững chắc, phần

ứng mau lẹ và đặc biệt là phục sức rất mau. Sự phục sức mau lẹ này nhờ ở máy phát động tuyệt hảo là trái tim. Nó có khả năng thích ứng tuyệt diệu: tim mỗi ngày co rút 100 ngàn lần thỏa mãn. Những người chơi thể thao và điền kinh có thể đạt được những thành tích cao nhất trong tuổi từ 20 đến 30. Tuổi già hay sắp già (từ 40 trở đi) trái tim trở nên lười và động mạch cũng chai cứng đi nên máu dẫn vào cơ quan cũng chậm chạp theo. Một y sĩ đã nói một câu tuy vắn về nhưng rất đúng: chai động mạch tức là cuộc đời đã bắt đầu rỉ sét—vẫn theo bác sĩ Phiêm.

Có thể nói rằng lao động chân tay càng cần đến sức mạnh bao nhiêu thì càng phải trẻ bấy nhiêu. Nhưng định luật trên không chắc đã đúng đối với lao động trí óc. Trên đời này, thật là hiếm những người 'sinh nhi tri chi'. Những phát minh kỳ diệu, những tác phẩm nghiêm sống. Nguyễn Du đã sáng tác truyện Kiều khi ông 30 tuổi, sau khi đi sứ Tàu về (theo gi nửa, 45 tuổi. Pablo Casals bảy giờ gần 90 mà vẫn được coi là một điệu thủ đệ nhất về đại hồ cầm, Picasso 85 tuổi mà vẫn còn say sưa sáng tác.

Có một loại lao động không thuộc về trí óc mà cũng không thuộc chân tay (hay có thể gọi nó là một loại lao động tổng hợp cả chân tay lẫn trí óc cũng được) đó là lao động ái tình. Loại lao động ái này thích hợp với tuổi trẻ. 'Người trẻ có thể lao động suốt 30 ngày trong tháng, chỉ cần ngủ một đêm là hồi phục—người già, lao động trong một đêm thì phải nghỉ một tháng mới lại sức'. Khi lao động kiểu này áp huyết lên rất cao, mạch máu người già có thể vì nhão quá mà đứt bất tử. Tuy nhiên người già, bù lại có nhiều ngoại khoa, nhiều thủ thuật, như quá táo tợn của Nghị Hách. Những môn thuộc trợ dương — những hũ rượu 'nhất dạ lục giao sinh ngũ tử' v.v... Nhờ những ngoại khoa này mà người già kéo dài được cuộc đời tình ái — những bậc quân vương thời xưa, 'cúp bình thiếc, rồi mà chiều chiều vẫn đủ sức dạo xe để đi khắp tam cung lục viện.

Qua hai tiêu chuẩn tuổi tác và khả năng lao động có tính cách tài liệu và lý thuyết kể trên, có thể tìm thấy sự khác biệt giữa già và trẻ trong thái độ sống. Danh từ thời thượng hiện nay là 'generation gap' (cái hố chia rẽ giữa hai thế hệ). Sự chia rẽ dễ nhận thấy nhất là bản chất một chất lại càng hay — Thiếu nữ thì hoặc là minijupe — hoặc là quần 'xi gà', áo hip-pi hoa lá. Cách ăn mặc lúc đầu không đơn thuần là một thời trang, mà còn mang một ý nghĩa chống đối. Những thanh thiếu niên làm cuộc nổi dậy tháng 5 ở Pháp năm 1968 và những sinh viên tân tể SOS ở Mỹ đều phục sức theo lối này. Họ cho rằng những người ăn mặc chỉnh tề, thắt cà vạt ngay ngắn, đầu tóc chải sạch sẽ, nói chung những người hiện nay vì họ mong muốn một xã hội mới. Như một cơn lốc, những thanh thiếu niên khắp thế giới đều 'nổi dậy', dưới hình thức này, hay hình thức khác tham gia phong trào chống đối này. Thế giới hiện nay, không phải chỉ có mặt trận Tự Do—Cộng Sản—mà gần như mọi chính quyền đều phải đương đầu với phong trào chống đối của thanh thiếu niên. Sử gia Toyn Bee ở Anh Quốc đã nhận định rằng: 'Thế hệ thanh niên trưởng thành sau thế chiến 2 đã mất hết

tin tưởng về những giá trị cổ điển". Sự chống đối của thanh thiếu niên ở khắp nơi là một điều dễ nhận thấy nhưng ý nghĩa của những cuộc chống đối lại nhiều khi rất khác nhau. Sinh viên trường đại học Berkeley ở California chống đối vì họ cho rằng những trường sở rộng lớn của họ thật ra chỉ là một cái rãnh vô nghĩa trong guồng máy lớn của Đại Học. Trong khi đó thì sinh viên ở Đức, ở Ý lại chống đối vì trường sở nhỏ bé quá không chứa hết người. Sinh viên Hoa Kỳ phản trách một xã hội thừa mứa và khinh rẻ cuộc sống trường giả trong khi sinh viên Pháp lại nổi dậy đòi hỏi tiến nghi cho vấn đề nhà ở. Ở Nhật, sinh viên biểu tình làm chính trị vì có nhiều thì giờ quá. Ở Nhật có truyền thống là chỉ gặt gao khi thì nhập trường — nhập trường rồi là chắc chắn tốt nghiệp, thì cứ chỉ qua loa. Trong khi sinh viên ở Paris lại phản kháng vì thì giờ gặt gao quá dồi, sinh viên ở Ý kêu ca là cuộc sống ở Ý quá sôi nổi, sinh viên học không được — trong khi sinh viên Thụy Điển lại phản nản là đời sống, bình thản quá. Đặc biệt là sinh viên các nước CS Đông Âu cũng nổi dậy, đòi học chính trị và nhiều kiến thức chuyên môn. Trong khi sinh viên Tây Âu và Mỹ lại đòi được tự do chính trị. Người sinh viên châu Âu Tây tôn làm thầy tư tưởng là Mao Trạch Đông và Herbert Marcuse. Sinh viên chấp nhận khẩu hiệu của Marcuse "làm tình không làm chiến tranh" thì cùng một lúc sinh viên cũng chấp nhận khẩu hiệu của Mao "Quyền hành chính trị bắt nguồn từ đầu mũi súng". Khi Mao Trạch Đông nồng nhiệt cổ vũ một xã hội chủ nghĩa thì Marcuse lại cho rằng giai cấp thợ thuyền càng ngày càng quy nhập vào tư bản. Marcuse tuyên bố : "Hiện nay chưa thể tiến liệu được một tổ chức chính trị, xã hội, kinh tế ra sao cho phù hợp. Bây giờ chỉ có duy nhất một giải pháp cụ thể là phủ nhận."

Trước phong trào nổi dậy của thanh niên (nhiều nhất là sinh viên học sinh) giáo sư xã hội học S.M. Lipset của trường đại học Harvard đã phân tích đại ý như sau : Thanh niên, sinh viên, học sinh, theo định nghĩa, là một tuổi nhay cảm nhất. Những thanh niên này hiếu động và đang sống trong một giai đoạn chuyển tiếp. Họ chưa có những mối lo thực tế về sinh hoạt. Họ nhiều lý tưởng quá nên họ sống bên ngoài xã hội. Đức lý của họ nhằm vào những cứu cánh tuyệt đối hơn là những trách nhiệm cụ thể. Theo như lịch sử, thì bao giờ sinh viên cũng thuộc giai cấp tiên phong, luôn luôn đòi hỏi những cải thiện, những đổi mới. Sự phân cách giữa thế hệ này và thế hệ khác là một chuyện tất nhiên... Những phong trào thanh niên, sinh viên chỉ bắt rễ được vào đại chúng khi nào lý do chống đối của họ chính đáng được đại chúng chấp nhận. Tuổi của họ như vậy hãy để cho họ làm. Hãy nhớ đến một câu ngạn ngữ : "Ở tuổi hai mươi mà không cấp tiến thì không có tâm hồn, đến 40 mà vẫn còn cấp tiến thì không có đầu óc". — trích tạp chí Dialogue, số 1/1969.

Trước phong trào chống đối của thanh niên, sinh viên, học sinh ngoại quốc, tôi bắt buộc phải nghĩ tới những biểu tình tranh đấu, của sinh viên học sinh VN những lăng công, bãi khóa, những đòi cũi, lựu đạn cay, phi tiêu, dây thép gai, những thân thể bị tra tấn bán thân bất toại, những phần hạ thể bị thuốc lá dụi vào cháy xém, những đòi hỏi tha những sinh viên bị bắt, tự trị Đại Học, công nhận Tổng hội sinh viên — những phong trào tuyệt thực đòi hòa bình — những vụ tự thiêu — những vụ bạo động đánh người đốt xe, những đòi hỏi càng lúc mỗi lần nhanh như bánh xe biểu tình lưu động...

Nó sẽ đi tới đâu ? về đâu — Đó là một cái 'hoặc', càng ngày càng to lớn...

KỶ GIẢ LỖ RÀNG

Bạn thân,

Đây là khu đất mới, của riêng bạn và tôi.
Chúng ta nói với nhau về bất cứ điều gì cần nói, nhưng cương
quyết không viện dẫn một danh nhân nào, dù vĩ đại
đến đâu, làm thầy học hay làm giám thị — trừ trường
hợp viện dẫn khách quan minh chứng.

Đây là khu đất riêng của lý
thuyết mới : tôi trình bày những
gì tôi nghĩ, và xin bạn hãy sử dụng chính cái
lẽ phải của bạn để cân đo cái lẽ phải của tôi. Ngoài giả, tôi đề
nghị chúng ta không chấp nhận một dixit — một
lời dạy — nào khác.

N. M. C.

quốc gia nào cường thịnh ?
dân tộc nào anh hùng ?

CÁCH đây hơn một năm, khi quân
đội ta vượt biên giới vào lãnh thổ Kampuchia,
rất nhiều người đã bảo nhau : « Phải lắm !
Đánh bỏ mẹ nó đi ! » — người nói như thế đã
tưởng lầm ta tấn công Kampuchia để báo thù
vụ cấp dưỡng. Vì trong thâm tâm, người ta
nghĩ Kampuchia đã nhờ lại lạc hậu
(và nhất gan như chó đẻ !), mà dám đương
đầu làm khó cho Việt Nam từ hơn mười
lăm năm nay rồi. Bây giờ có dịp, nên
cho chúng ta biết tay. Vì trong thâm tâm, người
ta tin chắc quân lực quốc gia của VNCH thừa
sức nuốt trôi cả nước Kampuchia trong vòng
năm bảy ngày.

Cách đây hơn một tháng, nhân dịp làm lễ
Giỗ Tổ Hùng Vương, một nhà học giả đã nói,

bằng giọng nói rất tha thiết và mạnh mẽ, rằng
dân tộc ta rất anh hùng. Và kể lại
nào cuộc khởi nghĩa của Bà Trưng, Bà
Triệu ; nào cuộc giải phóng của Lê Lợi, nào
cuộc kháng chiến của Quang Trung... Rồi, theo
dã oanh liệt, ông đã nói đến Lý Thường Kiệt
đánh Tống, bình Chiêm. Rồi đến Huyền Trân
hy sinh vì đại nghĩa, mở đầu cho cuộc Nam Tiến
xuống tận Cà mau, thì đột nhiên ông thấy khớp
giọng nói bỗng quyết đáp đi nhiều. Nhưng đó
sao đó cũng chỉ là đám mây đen nhỏ giữa bầu
trời tươi đẹp của mùa xuân : nhà học giả có
nói nhỏ đi và phần nào ngưng ngưng, nhưng
có lẽ ông lại nghĩ mình đang phục vụ cho
« Chính nghĩa Quốc gia » nên chỉ vài
phút sau ông đã tươi tắn và tin tưởng
trở lại. Vì trong thâm tâm, ông nghĩ rằng

quốc gia nào cường thịnh ?

khô mà nguyên rủa — bọn lính Mỹ đến Việt Nam ném bom chết cả làng, bắn nhầm chết cả nhà, không kể ở bất cứ đâu cũng tung dõ-la làm tan vỡ gia đình, bại hoại phụ nữ.

Người bạn tôi vốn dễ tính, nên trí thông minh bắt buộc ông xác nhận một điều trái khoáy, nhưng sự vô tâm cho phép ông bỏ qua : ông tiếp tục oán hận người Mỹ; và ông cũng tiếp tục « thông cảm » cho anh em quân nhân Việt chiến đấu xa nhà lâu ngày, mà tiền không có, bất chợt gặp người con gái hay con lợn, con gà... có làm bậy vì thiếu suy nghĩ, thì cũng là điều không thể nào tránh được.

Nhưng tôi không thể bỏ qua. Một sự kiện, xưa nay đối với tôi vẫn là sự thật, như kinh thánh đối với tín đồ, là sự « cường thịnh của quốc gia » và tính « anh hùng của dân tộc », sự kiện ấy cần được xét lại, vì có những trường hợp mà tôi thấy rõ rằng dân tộc tôi không thể anh hùng, quốc gia tôi không có quyền cường thịnh, khi tính anh hùng và sự cường thịnh đó gây tai hại cho dân tộc khác, ở quốc gia khác.

BÀI HỌC ĐẤT GIÁ THỨ HAI

Lại một trường hợp ngược đời : một ông học giả, cũng nhân danh lịch sử oai hùng của hơn 4 nghìn năm văn hiến, tỏ ý thống trách tổ tiên người Việt không xây dựng được công trình kiến trúc nào khả dĩ bảo đảm (với chính ông ta ?) rằng dân tộc Việt quả thật có hơn 4 nghìn năm lịch sử — chứ không phải là huyền thoại mà thôi !

Đây là một trường hợp mà tôi hiểu tương đối rõ. Người cổ Ai-cập có Kim tự tháp, người Trung Hoa có Vạn lý Trường thành ; người cổ Ba-tư, người cổ Hy-lạp, người cổ Khơ-me, người cổ La-mã v.v... đều ít nhiều để lại những dấu vết nền văn minh mà họ đã có — những dấu vết thách đố cả thời gian — rồi.

« Nam Tiến là lẽ sống của dân tộc Việt, và còn nghĩ thêm rằng « dân tộc Chăm tự nó xuống dốc sau những triều đại dâm ô, thối nát nên có bị đào thải cũng là lẽ thường... » Và cũng rất có thể ông cũng có phần nào sáng suốt phê bình : « Kể ra thì chiếm đất rồi còn tiêu diệt dân tộc người ta cũng có hơi quá đáng thật ! » — lời phê bình đi kèm bằng một tiếng cười thâm, để dãi và đại lượng đối với tiền nhân.

BÀI HỌC ĐẤT GIÁ

Khi một nhân vật cao cấp của Kampuchia lên tiếng phản đối một vài vụ cướp bóc, hãm hiếp mà một vài quân nhân Việt đã phạm vào, trên lãnh thổ xứ Chùa Tháp, thì một người bạn quân nhân của tôi đã tỏ ý phản nộ : — « Thằng cha này không biết điều ! Mình đem quân sang đánh giặc cho hắn, chết thay cho hắn, mà lính tráng mới hơi làm lều một chút đã la lối um xùm ! Hắn phải biết quân đội nào chẳng thế ! Ngay tại Mỹ ở đây nó... »

Người bạn tôi cũng bị khớp ngay ở chữ « nó », bởi vì ông nhớ lại, chính ông đã viết nhiều bài báo tố khổ — không, không phải tố

đến những dân tộc hiện đang sinh hoạt mạnh mẽ như dân tộc Pháp, Anh, Đức, Ý v.v... trong vòng 10 thế kỷ trở lại đây, đều có xây dựng những lâu đài huy hoàng, những nhà thờ lớn rộng, hầu hết là những kỳ quan về kiến trúc, về điêu khắc, về hội họa, về nghệ thuật làm đồ mộc, đồ gốm, hàng thêu, đồ pha lê — bất cứ nghề nghiệp nào cũng được nâng lên hàng mỹ thuật, kể cả mỹ thuật làm vườn cảnh và nghệ thuật dựng đường mương lấy nước dưới thấp lên tưới vườn cảnh trên cao của điện Versailles — tôi được đọc trong một tài liệu rằng chỉ riêng khu Vườn Cam của nhà vua Louis 14 cũng đòi hỏi tốn phí đến mấy trăm ngàn đồng quan-vàng (mấy trăm triệu hiện nay) và riêng bộ máy tát nước bằng gỗ, với hệ thống cầu-kênh đưa nước đến vườn hoa cũng trị giá tương tự.

Tôi không có ý nói những di tích đó không đồ sộ, không đẹp, không chứng tỏ rằng dân tộc nào có những di tích đó có quyền hãnh diện rằng họ có bảo đảm cụ thể về quá khứ văn minh của họ. Tôi cũng không có ý chê trách gì người Pháp, trong những năm gần đây, còn bỏ ra hàng triệu quan (mới) để tu sửa một số khu vực của điện Versailles, vì quả thực điện Versailles có đẹp thật, có xứng đáng được tu sửa thật — và lại người Pháp lấy tiền vào cửa, mỗi năm cũng thu được hàng triệu quan ở Versailles.

Nhưng tôi muốn hỏi một điều: — Ai thật sự là người xây những lâu đài đẹp thế ấy? Đành rằng vua Pharaon, Tần Thủy Hoàng, vua Louis 14... Hoặc giả, muốn cho rõ hơn, thì trả lời: đã có những nhà thông thái, những kiến trúc sư, những nghệ sĩ hữu danh hay vô danh vẽ họa đồ, làm kiểu mẫu để xây dựng những công trình vĩ đại đó.

Nhưng tôi muốn hỏi rõ hơn: — Ai thật sự đồ mờ hội và đồ máu dề làm; và ai

thật sự bán nhà cửa hay ruộng vườn, hay bán vợ đẻ con, để có tiền làm những Kim tự tháp, Vạn lý Trường thành, điện Versailles?

Câu trả lời hẳn nhiên đã rõ: dân chúng!

NGUYÊN NHÂN TỪ ĐÂU?

Tôi tự hỏi dân chúng thời cổ Ai-cập, cách chúng ta khoảng 40 thế kỷ, có muốn xây kim tự tháp không? Và dân chúng cổ Khơ-me cách chúng ta khoảng 600 năm, có muốn xây cung điện tại Angkor không? Tôi dám chắc rằng không. Cũng như không một người thường dân (dân đen) nào, dưới thời Tần Thủy Hoàng, vui lòng đi xây Vạn lý Trường thành, mặc dù bức tường khổng lồ này rõ rệt có tác dụng ngăn chặn sự xâm lấn của các tộc Mãn, Mông.

Bây giờ, tôi xin đặt thành vấn đề: — Tại sao có những công trình tạo tác lớn lao như vậy?

Và tôi xin cố gắng trả lời bằng 3 giả thiết:

Thứ nhất, như Tần Thủy Hoàng, ý muốn xây thành — cũng như ý muốn (không thành) đào con kênh chạy suốt phía Tây Trung Hoa — là ý muốn tốt, nhằm thực hiện lợi ích cho dân chúng. Nhưng Tần Thủy Hoàng có ý nghĩ thế nào khi thực hiện những công trình đó? — Dĩ nhiên, tôi không thể nào biết đích xác được ý nghĩ của nhân vật đã qua đời đến hơn 20 thế kỷ này. Nhưng tôi có thể quả quyết được một điều, là nếu Tần Thủy Hoàng không muốn được dân chúng, đời ông ta và những đời sau, ca tụng những công trình vĩ đại đó, thì chắc chắn ông ta không cố công thực hiện chúng làm gì.

Nói một cách khác, Tần Thủy Hoàng muốn tồn tại trong tâm tư dân chúng — nghĩa là muốn đời sau còn «biết» đến ông ta — nên mới nghĩ cách làm bức tường kinh khủng đó.

Thứ hai, như vua Ramsès 2 xứ cổ Ai-cập, có ý muốn xây kim tự tháp để làm gì? —

quốc gia nào cường thịnh?..

Trước hết, người ta biết kim tự tháp là một ngôi mộ. Sau đó, kim tự tháp là nơi chôn dấu kho tàng. Thứ ba, kim tự tháp là nơi ghi chú những sự kiện lịch sử (?) Người ta biết người chọn nơi xây tháp là người rất giỏi thiên văn (hay địa lý?) và công trình xây đắp mỗi ngọn tháp đòi hỏi hàng mấy ngàn công của mấy trăm ngàn dân phu đào đá và mài đá, chở đá và đưa đá lên cao — số người chết về tai nạn không thể nào dưới số chục ngàn — không kể lương ăn cho dân phu và mọi khoản phí tổn; không kể những quan tài, bình nệm toàn bằng vàng khối nam ngọc. Bấy nhiêu đó, để làm gì? Chắc hẳn không phải để giữ gìn một kho tàng văn học, vì, theo chỗ tôi được biết, người Ai-cập thời xưa chỉ được ghi dấu các sự kiện lịch sử (chữ cổ Ai-cập bằng tượng hình) trên lớp đất men phủ ngoài kim tự tháp (mà cách đây khoảng 20 thế kỷ, đã bị dân chúng bóc lấy đem về làm nhà). Vậy chỉ còn 2 mục đích: dấu xác và dấu của. Nhưng nếu chỉ có thế, sao không đào sâu vào núi đá như các đền đài trên thượng lưu sông Nile? — Câu trả lời chắc hẳn là: — Dấu xác, nhưng cũng là ngăn ngạt trời cao, đánh đổ đời sau xem có ai làm nổi hay không.

Nói một cách khác, Ramsès 2 muốn tồn tại trong tâm tư dân chúng — nghĩa là muốn đời sau còn biết đến ông ta — nên mới nghĩ cách dựng cây tháp ghê gớm đó.

Thứ ba, như vua Louis 14 nước Pháp xây điện Versailles, sai làm những vật dụng quý giá thì rõ rệt để để dùng cho sướng thân. Người chết vì xây nhà, nếu có, cũng là số ít; nhưng tiền bạc, chi phí vô kể, thì nhất định phải do dân đen đóng góp, qua nhiều tầng công chức và quý tộc mới đến tay nhà vua. Còn một phần mục đích: khoe sự huy hoàng của triều đại mình với các vua chúa láng giềng, và cũng để cho đời sau thấy vua Louis 14 nước Pháp giàu có và lịch sự ra sao.

Nói một cách rõ hơn, Louis 14 vừa hoang phí, lại cũng vừa muốn cho đời sau « biết » đến ông ta, nên mới nghĩ cách xây ngôi nhà vi đại đó — và làm kiệt quệ nước Pháp, như tự điển Larousse xác nhận.

Bao nhiêu sinh mạng, bao nhiêu tiền bạc — máu và mồ hôi của dân chúng — đã được sử dụng để thỏa mãn một ý muốn chung của quý vị « đại đế » là để dấu vết lại cho đời sau — kèm thêm một vài ý muốn riêng tư: khoe của, dấu kho tàng, dấu xác v.v...

Và để cho đời sau được « vinh hạnh » rằng « dân tộc mình có quá khứ huy hoàng trong lịch sử »!

NGUYỄN NHÂN SÁU XA

Bạn đọc đến đây chắc hẳn đã thấy tôi có vẻ có lý, nhưng để chấp nhận một nhận định hoàn toàn mới — ít ra là theo sự hiểu biết của tôi — bạn vẫn còn ngại ngùng, nếu chỉ có lý luận tương đối giản dị của tôi mà thôi. Tôi thông cảm sự ngại ngùng đó, vì, để thay đổi hẳn một quan niệm về lịch sử, bạn có quyền đòi hỏi nhiều hơn một « lý luận giữa đường » — nghĩa là chỉ xác định rằng vua chúa thời xưa bắt dân chúng xây dựng những lâu đài đồ sộ một phần lớn vì muốn để lại dấu vết cho đời sau, xác định mà không giải thích hoàn cảnh vật chất và tinh thần của những « người trong cuộc ».

Nhất là khi đem một ý kiến mới đến thay thế một ý kiến cũ đã có từ lâu, tôi có bổn phận ít ra cũng trình bày một thứ « lịch sử đối chiếu », ngõ hầu chứng minh với bạn rằng tâm lý vua chúa đời xưa, trong trường hợp chúng ta đang nghiên cứu đây, nhất định phải diễn tiến đúng như tôi trình bày. Và, sau đây, tôi sẽ làm công việc đó, vì, sự thật, đây không phải là một lý luận giữa đường, mà là hệ luận của một quan niệm đầy đủ về lịch sử nhân loại — một thứ

thứ quan, như người bác-xít thường nói — một thứ sử quan tự nó lại là hệ luận của một quan niệm biện chứng "tâm vật tương giao" về lịch sử nói chung của vạn vật.

"Tôi sẽ không nói đến phần lý thuyết ở đây, vì, trong phạm vi một bài báo, tôi sẽ chỉ trình bày phần áp dụng: áp dụng vào lịch sử nhân loại, bắt đầu từ khi từ giống khỉ primates, nhân loại thành hình — vì sự kiện loài người thành hình từ giống khỉ primates là điều đã được nhiều bộ môn khoa học xác nhận. Nói tóm lại, tôi chỉ bắt đầu, một cách ngắn ngủi nhưng cố gắng sáng sủa, từ khi loài người là loài người.

"Loài người thoát tiền tự hợp thành gia đình, gồm vợ chồng và con cái (như một số động loài vật có vú nuôi con), sau đó thành đại gia đình, gồm nhiều gia đình có liên hệ chặt chẽ với nhau — ví dụ gia đình của cha mẹ với mấy đứa con còn nhỏ, với gia đình của những đứa con lớn đã kết hôn, hoặc có khi cũng đã có con cái của chúng. Người ta cũng thấy nhiều giống vật, nhất là giống khỉ, sống thành bầy, thành đàn hàng trăm con.

"Nhưng chính ở trong tình trạng này mà theo tôi, loài người bắt đầu có những tiến bộ để vượt hơn giống vật. Điểm minh xác sự tiến bộ đó, trước hết, phải nằm trong sự chọn lựa người cầm đầu một đại gia đình, như giống vật công lựa chọn con vật đầu đàn — con vật đầu đàn thường là con vật to lớn nhất, khỏe nhất, hoặc già nhất, nghĩa là có kinh nghiệm nhiều hơn cả. (Trường hợp của giống voi).

"Về phần loài người, mở rộng từ đại gia đình đến bộ lạc, chúng ta thường thấy được áp dụng cả hai biện pháp: hầu hết các bộ lạc 'mọi' mà người ta còn được biết rõ, ở châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, đều có một người khỏe mạnh hơn cả (hoặc chiến đấu giỏi hơn

cả) cầm đầu, nhưng lại có một số người giữ được hội hợp thành một thứ cố vấn đoàn, tư pháp đoàn, bên cạnh lãnh tụ và cho cả bộ lạc.

"Nhưng hiện tượng khôn ngoan này không phải đã có ngay từ đầu. Bởi người ta dễ mường tượng rằng trong mọi hoàn cảnh mà sự sống còn hết sức khốc liệt — khi loài người chưa có gì "hơn" giống vật — thì sức khỏe tất nhiên phải là yếu tố quyết định. Tuy nhiên, điều mà người ta có thể chấp nhận dễ dàng là sự chiến đấu của loài người phải dần dần khác với sự chiến đấu của giống vật. Ví dụ: sau một vài lần một người bị mấy con khỉ bắt trái cây ném vào mình mà thấy đau, người đó sẽ nhận ra rằng có thể làm đau kẻ khác bằng cách ném vào hắn những vật nặng. Ví dụ: sau một vài lần thay vì dùng bàn tay để vịn vào cành cây mà đứng chệch thăng lưng, một người nào đó bỗng cầm một cành cây lên tay và chống một đầu xuống đất, thì sau một vài lần như vậy, người đó sẽ dùng một cành cây làm gậy chống, và, sau nữa, làm vật dụng đập vào kẻ khác. Ví dụ: sau một vài lần chiến đấu kịch liệt với địch thủ, một "trượng phu" nào đó bỗng nhận ra rằng đánh vào đầu đau hơn đánh vào đùi, cấu vào mắt hay vào cổ họng địch thủ nhanh hơn cấu vào vai, vào lưng, thì sau đó, một vài thế võ sơ đẳng đã ra đời: móc mắt, bóp cổ, đập gậy vào đầu...

"Sở dĩ loài người có nhận định nhanh hơn và trí nhớ tốt hơn giống vật là vì mấy yếu tố sau đây:

1 — Loài người có bàn tay như giống khỉ, nhưng bàn tay người có ngón trỏ độc lập, khá dài chỉ trở để xác định một vật thể lẫn lộn giữa những vật thể khác. Và có ngón tay cái khỏe hơn và biệt lập với phần còn lại của bàn tay, nên không những có thể cầm nắm như giống khỉ, mà còn làm được nhiều cử chỉ mà giống khỉ không làm được — nhất là

có thể cầm được một cây gậy nhỏ vẽ trên mặt đất mềm một vài dấu hiệu : vòng tròn, gạch bất chéo, song song, gợn sóng v.v... Đó là những dấu hiệu đầu tiên của khả năng vẽ và viết — ta nên nhớ người cổ Ai-Cập còn dùng hình vẽ để giao truyền tin tức (thư từ, luật lệ, sách vở).

2.— Nhờ hai chân dài và khỏe, và xương sống đứng thẳng, loài người có thể vừa đi vừa mang theo vũ khí hay vật dụng. Loài người cũng nhờ thế mà có tầm mắt nhìn ngang rộng rãi và thấy chân trời ở xa hơn. Do đó, loài người dần dần ra khỏi rừng rú tối tăm, mà trong đó cây cối và sinh vật lẫn lộn vào nhau, để ra ngoài khoảng rộng mà sự trống vắng giúp ích rất nhiều cho sự xác nhận và ghi nhớ mọi sự kiện xảy ra.

Những yếu tố trên đây hoàn toàn thuộc về thể chất, mà bất cứ ai cũng có thể nhận ra. Đồng thời, sự giúp ích cho trí nhớ của chúng cũng rõ rệt, thiết tưởng bạn đọc cũng đồng ý với tôi như vậy.

• Sự đồng ý của bạn rất quan trọng, vì trong mấy cuốn sách đã xuất bản gần đây, tôi đã chứng minh rằng chính trí nhớ làm cho loài người 'hơn' hẳn giống vật, vì chính trí nhớ sẽ làm nên phần quan trọng nhất của linh hồn người ta : trí thông minh, khả năng suy luận, sự ý thức quá khứ, sự tưởng kiến tương lai.

• Riêng trong phạm vi bài này, tôi sẽ chứng minh rằng trí nhớ, đến sau sức khỏe, sẽ giúp ích cho sức khỏe, sẽ vượt hơn sức khỏe, để sau cùng, sẽ tạo thành một **GIẢI CẤP** có đầy đủ ý nghĩa và giới hạn — hơn hẳn « giải cấp tính » vô sản và tự bản của Karl Marx.

• Thật thế, trong mọi cuộc chiến đấu, dù để chiếm một người đàn bà hay để đoạt chức chúa tể, hai người khỏe bằng nhau thì ai có nhận xét nhiều hơn, và trí nhớ tốt hơn về

những cuộc chiến đấu trước, người đó tất nhiên phải thắng. Đó là giai đoạn trí nhớ phụ lực cho sức khỏe.

• Đến giai đoạn sau, khi đời sống của một bộ lạc đã trải qua một thời gian khá dài, sự chiến đấu không còn giới hạn giữa hai kẻ tranh giành nhau một vài quyền lợi, vì nó tất nhiên phải mở rộng, vì người giành được chức chúa tể tất nhiên phải có lần chỉ huy bộ lạc mình chiến đấu chống lại một bộ lạc thù nghịch, hay một bầy thú dữ, hay chỉ một thiên tai : nước ngập, bão lớn, cháy rừng, hạn hán.

• Tất nhiên không phải lúc nào cũng có thể nhờ sức khỏe, và tài chiến đấu cá nhân, mà giải quyết được vấn đề. Vì có những trường hợp mà vị chúa tể, hẳn nhiên còn trẻ tuổi, không thể biết, mà chỉ có mấy người già còn nhớ được. Ví dụ cách hai đời chúa tể đã có một vị dùng lừa đuổi được voi. Hoặc giả cách ba đời trước đã có vụ đại hạn mà, để có nước uống, người ta phải đi về phía mặt trời lên ba ngày mới đến con sông lớn. Vị chúa tể, sau nhiều lần được giúp đỡ như vậy, dù có sức khỏe và trí nhớ cá nhân tốt đến đâu, cũng nhận thấy cần phải có một vài ông già sẵn sàng nói chuyện « đời xưa » cho mà học hỏi dần dần — đó là những quân sư đầu tiên chỉ nhờ tuổi tác và có trí nhớ tốt mà được gần gũi chúa tể, và, cố nhiên, được hưởng đặc ân của ông ta.

• Công việc chỉ huy một bộ lạc không còn giản dị thu hẹp vào một người lãnh đạo một nhóm đồng người. Vị chúa tể dần dần thu hút vào gần gũi ông ta, vì nhu cầu và cũng vì quyền lợi, một số người càng ngày càng nhiều : tất nhiên những người khỏe nhất, sau vị chúa tể, sẽ luôn luôn vây quanh để bảo vệ ông ta, trong khi một thứ « triều đình » bắt đầu hội họp mỗi khi có sự yêu cầu của vị chúa tể, làm nhiệm vụ bàn tính về những việc phải làm, nên

làm, và về phương cách làm những công việc đó.

« Bắt đầu từ bây giờ cho mãi đến thế kỷ thứ 16 đối với các dân tộc Incas, Mayas; đến thế kỷ thứ 17 đối với một số bộ lạc Da Đỏ Bắc Mỹ (trên lãnh thổ Hoa Kỳ); đến thế kỷ thứ 18 đối với triều đình nước Pháp; đến thế kỷ thứ 19 đối với một số nước ở Á châu, hệ thống « chúa tể và triều đình » mới chấm dứt, để được thay thế bằng những chế độ dân chủ hay thuộc địa.

« Tuy nhiên, một chế độ, với một số người cầm quyền, bị đánh đổ không có nghĩa là có sự thay đổi quan trọng trong hệ thống phân phối quyền lực trong một nước. Vì, như sau này người ta sẽ thấy rõ, một quốc gia bị mất quyền độc lập chỉ có nghĩa là quốc gia ấy phải chấp nhận thêm, và lên trên số người cầm quyền cũ, một số người cầm quyền mới, đôi khi sinh hoạt theo một nền nếp khác hẳn. Đó là trường hợp những nước Việt Nam, Ấn độ, Kampuchia, Mễ tây cơ, Pé-ru v.v... Còn ở một số quốc gia khác, như ở Pháp hay ở Nga, sự thay đổi — được gọi một cách ảo ảo là cách mạng — thật ra chỉ liên hệ đến một số cơ quan được đặt những tên mới lạ, còn thật sự quyền hành không hề lọt vào tay dân chúng như các nhà tư tưởng cấp độ: quyền hành thực tế vẫn ở trong tay một số người vốn dĩ đã có uy thế—tiền bạc và kiến thức—sẵn từ trước.

« Sự thay đổi, nếu có, chỉ là sự mất dần quyền tự do cá nhân của một số đông dân chúng. Bằng cách này hay cách khác, dân chúng ở Pháp, ở Nga; ở Nhật Bản, Trung Hoa (dại lực hay Đài Loan cũng thế); ở Hoa Kỳ hay Việt Nam... đều dần dần mất quyền sống theo ý thích riêng vì bị lệ thuộc vào guồng máy chính trị hay kinh tế của chế độ. Ví dụ ở Hoa Kỳ, ở Pháp v.v... người ta không thấy đạo luật nào minh thị giới hạn quyền tự do cá nhân, nhưng hệ thống tổ chức và phát triển kinh tế

làm cho người dân phải sống vội vàng, phải chia thì giờ của mỗi ngày một cách khít khao, và chịu ảnh hưởng của ngoại cảnh mỗi ngày một nhiều hơn — nhất là ở Hoa Kỳ: hệ thống bán chịu nhà cửa, xe pháo, vật dụng gia đình, quần áo và đồ trang sức cho tất cả mọi người có công việc làm ổn định, hệ thống này cố nhiên có tác dụng tốt, vì nó bảo đảm cho người đó (và gia đình hẳn) một số tiện nghi tối thiểu, nhưng cùng một lúc biến người đó thành một con nợ dài hạn, thời thường mất quyền tự do xử dụng đến 90 phần 100 tổng số lợi tức của hẳn.

« Sự thay đổi, tuy thế, rõ rệt hơn nhiều ở các vùng cộng sản. Nơi người ta nói đến « nhân dân » một cách kính cẩn, trân trọng nhất, lại chính là nơi dân chúng không còn một chút tự do nào. Nhân dân tỉnh, nhân dân lãnh đạo, nhân dân chuyên chính... thật ra vẫn che giấu một hiện tượng đã có từ muôn đời, là quyền thế vẫn rơi vào tay đảng cấp trị thức lãnh đạo. Dân chúng, đặc biệt là dân chúng miền Bắc Việt Nam, bị xử dụng hoàn toàn như phương tiện người, dụng cụ người, vào một cuộc chiến tranh mà trong đó người ta chỉ kể đến số người được huy động, đến khả năng phục vụ và sức chịu đựng gian khổ của họ; còn ngoại giả, tất cả mọi yếu tố tinh cảm và phẩm cách đều không được lưu ý tới.

« Điều tôi muốn thảo luận ở đây là ngay từ khi mới thành hình, số đông người trong một đại gia đình, một bộ lạc v.v... đã khác biệt lẫn nhau về 2 điểm: một điểm về vật chất là sức khỏe, một điểm tinh thần là trí nhớ — trí nhớ chủng chất lâu dài trở thành ký ức, và sự so sánh nhiều yếu tố của trí nhớ trở thành suy luận. Ký ức và khả năng suy luận làm thành thứ tài năng thứ hai của con người — gọi là trí thông minh—mà càng được xử dụng giữa số đông càng tỏ ra đặc lực hơn sức khỏe của thân xác.

Nói tóm lại, từ xưa tới nay vẫn có một động lực gây nên sự khác biệt, sự hơn kém giữa người ta với nhau, và động cơ ấy là tri thức minh. Trong một số xã hội có chữ viết, chữ in và sách vở, người ta xử dụng những phương tiện này để giúp cho ký ức được lớn mạnh hơn và khả năng suy luận được nhanh nhẹn và chính xác hơn. Đó là sự học vấn.

Nếu sự học vấn được phân phối đều đặn cho tất cả mọi người, và nếu một số nhỏ người không xử dụng thêm những phương tiện khác — là quyền thế và tiền bạc — để tạo nên một ưu thế quan trọng cho những kẻ thân yêu của họ, thì sự chia cách về tri thức minh vẫn cứ phân chia một xã hội làm 2 thành phần có tài và bất tài, nhưng sự chia cách có tính chất tự nhiên nên không thể gây nên quá nhiều bất công, mâu thuẫn như hiện nay.

Điều đáng tiếc nhất là chính một tình cảm tốt, mà người ta thường coi như thiêng liêng, sẽ trở thành động cơ chính của những bất công và mâu thuẫn đó. Đó là tình thương yêu, sự bênh vực, sự chu cấp tự nhiên mà bất cứ người làm cha mẹ nào, trong trạng thái tâm lý thông thường, cũng muốn dành cho con cái họ. Người làm vua muốn cho con mình tiếp tục mình làm vua, người giàu có càng muốn giàu có thêm để trao lại cho con cái, vừa để bảo đảm tương lai cho chúng, vừa để chứng tỏ tài năng và sự thành công của mình.

Nhưng theo lẽ công bằng thì mỗi người chỉ có quyền xử dụng tài năng của hẳn vào công việc kiến tạo sự nghiệp cho chính hẳn mà thôi. Người ta chắc chắn không ai ghen ghét, mâu thuẫn với một người có tài mà lập thành nghiệp lớn.

Người ta, một phần lớn, chưa biết ghen ghét, mâu thuẫn với những người không có tài năng gì hơn đời, có khi còn không chịu làm

việc như người khác, mà vẫn được thừa hưởng, và cai quản những cơ nghiệp lớn. Người ta, nhất là ở Đông phương, chưa thấy như thế là bất công vì còn quá tin — không suy luận — vào luân lý thời xưa : người con nào cũng phải hiếu với cha mẹ, và cũng được hưởng phúc đức và lợi lộc của cha mẹ để lại.

KIỆU HẠNH VÀ SỰ NGHIỆP

Tôi rất tiếc phải viết hơi dài trong đoạn trên đây để chứng tỏ 2 điều. Thứ nhất là trước khi có sản xuất để có kinh tế, loài người đã bị sự cách biệt về tài năng phân chia làm 2 giai cấp — có tài thì lãnh đạo, bất tài thì phục tùng — và giai cấp lãnh đạo luôn luôn vẫn nắm quyền thống trị quần chúng, từ xưa đến nay, trải qua mọi chế độ cai trị. Điểm thứ hai là hầu hết những người có tài, sau khi lập được nghiệp lớn, đều có ý muốn làm thế nào cho sự nghiệp ấy tồn tại được lâu đời, bằng cách trao gửi nó lại cho con cái họ, hoặc, nếu không được, thì cố gắng thực hiện những công trình tạo tác mà nhiều đời sau còn phải biết đến.

Tâm lý người trong cuộc tương đối giản dị. Một ông vua, khi nhân rồi, bỗng nghĩ rằng trước ông ta đã có nhiều ông vua khác, cũng đánh đồng dẹp tây, cũng oai vệ lẫy lừng không kém gì ông ta, mà bây giờ chết đi rồi, thì không biết tài giỏi chiến tranh, những vàng ngọc đầy mình của họ, bây giờ ở đâu. Nghĩ như thế rồi sợ, sợ cái chết nó xóa bỏ tất cả.

Cái chết thì ai cũng sợ, nhưng người hèn kém, nhẽo nhàn, không có gì để mất thì không có gì để tiếc, và cái sợ vì thế cũng bớt đi nhiều. Người ngược lại, càng đẹp càng sợ già, càng giàu càng sợ mất của, càng có tài ba càng sợ không ai biết đến cái tài của mình. Đó là nguyên nhân vì sao những chiến lược gia tài giỏi như Alexandre 1, César, Napoléon v.v... lại thích chiến tranh ; những chuyên viên y khoa như Pasteur, Yersin v.v... lại cố gắng tìm

những biện pháp trị được những bệnh hiểm nghèo; những Rousseau, Marx v.v., lại suốt đời tìm kiếm một cách thức thay đổi chế độ cai trị ngỗ hầu thể hiện hạnh phúc cho đại chúng. Và những thi sĩ, văn sĩ, họa sĩ v.v... tận tụy sáng tác; thậm chí những người thợ khéo hết sức trở tài, cũng đều theo đuổi một mục đích như nhau. Dù tốt hay xấu, cao hay thấp khác nhau, công việc của họ, ngoài tác dụng tranh thủ quyền lợi trước mắt cần thiết cho sự sống thực tế, đều nhằm mục đích ghi một dấu vết vào đời sống hay để lại một bằng chứng, khiến cho những thế hệ người trong tương lai phải biết rằng những người đó đã có mặt, với mức độ thể hiện tài năng cao nhất mà họ có thể đạt được — sự thể hiện tài năng mà người ta gọi là sự nghiệp.

CÁ NHÂN, QUỐC GIA, CỘNG SẢN

Trước khi có sự nghiệp tinh thần được ghi nhận và giao truyền lâu dài bằng sách vở, người ta chỉ biết có sự nghiệp bằng uy quyền. Một đồng tướng trở thành vua chúa, đem quân đi đánh thắng nhiều vua chúa khác, tất nhiên rất hành diện về sự nghiệp của ông ta. Nhưng uy quyền ấy chắc chắn chỉ tồn tại đến khi ông ta chết. Lúc đó có a vấn đề được đặt ra là :

Thứ nhất, nhà vua chết đi rồi, người thân yêu (gia đình) và đám quần thần phục vụ ông ta tất nhiên có nhiều người còn sống. Nếu giả dụ một cuộc tranh giành lại bắt đầu cho đến khi một đồng tướng khác đoạt được ngôi vua, thì tất nhiên người thân yêu và đám quần thần của ông vua cũ sẽ không còn được hưởng đặc ân như trước.

Thứ hai, cái chết đến với một ông vua và đến với mọi người, cho nên, ở bất cứ nơi nào, cái chết — và sự già yếu, bệnh tật v.v... kèm theo cái chết — cũng trở thành đề mục suy tư của một số đông người. Một số câu hỏi sẽ được đặt ra : ai cho loài người sự sống,

ai bắt loài người phải chết, chết rồi sẽ đi đâu... mà hầu hết các dân tộc thời cổ sử đều trả lời bằng sự sáng chế ra một số uy quyền ở vị trí cao hơn uy quyền của vua chúa : các tộc này thờ Mặt Trời, dân tộc kia thờ Đền Tội và Sông Dải, dân tộc thứ ba thờ Rắn, dân tộc thứ tư thờ Đá núi. Bên cạnh uy quyền về sự sống chết người ta tởy trường hợp mà bầy về thềm : khả năng làm sấm sét, mưa gió ; khả năng ban tài phát lộc, khả năng thường công phạt tội. Đây là nơi Karl Marx có lý : sự tin tưởng vào thần quyền là hậu quả của sự sợ hãi (nhưng ngược lại, tôn giáo có học thuyết như Phật giáo, Ky tô giáo... không phải do sự sợ hãi (đưa đến nỗi tâm) mà có, mà tất nhiên phải là thành quả của nhiều thế hệ suy tư triết học).

Hai vấn đề trên đây sau khi được đặt ra rồi sẽ được liên hệ làm một, và một sự cố gắng lợi dụng sẽ xảy tới : không những người ta ai cũng muốn giao truyền tài sản cho con cái mình, mà ngược lại, khi một người có sản nghiệp chết đi thì, dù cho sản nghiệp ấy có tính chất công cộng — như uy quyền của một ông vua — những người ở gần gũi người chết cũng tìm cách gìn giữ thế nào cho sản nghiệp ấy không lọt vào tay kẻ khác.

Một sáng kiến được thực hiện : nhà vua là con của Thượng đế — con của Thần Đền, con của Mặt Trời, của Phần Rắn, của Thần Đá v.v. — và đại diện cho uy quyền tối thượng ấy. Vì thế, dân chúng trong nước phải tuyệt đối tuân theo ý muốn của nhà vua và cũng bởi thế, chỉ có con của nhà vua mới có thể nối ngôi vua mà thôi.

Sáng kiến trên đây, trong một thời gian dài, bảo đảm được uy thế và quyền lợi của vua chúa và gia đình, quần thần. Sự bầy đặt được nhắc đi nhắc lại, để trở thành tin tưởng thành truyền thống (!) trong dân chúng. Thậm

chỉ ở nhiều nơi có kẻ đột nhiên chiếm được ngôi vua, cũng được xưng bọn quân thần của ông vua cũ thì nhau xưng tụng rằng « mệnh Trời muốn như vậy ».

Như đã trình bày trong một đoạn trên, thủ đoạn gán ghép cho vua chúa một vài đức tính như thiêng liêng, vô ngộ v.v... khiến cho trên khắp thế giới, chế độ quân chủ tuyệt đối tồn tại được mãi đến cuối thế kỷ thứ 19 mới chấm dứt — ngoại trừ trường hợp của hai nền cộng hòa cổ hy lạp và cổ la mã, được coi như những biến cố của lịch sử, vì hoàn cảnh rất đặc biệt của thành Nhã-điền và La-mã đã cho phép sự kiện đó xảy ra.

Khi chế độ quân chủ tuyệt đối chấm dứt thì nguy cơ tức khắc đe dọa ngay giai cấp tài năng lãnh đạo xã hội. Người ta nhớ rằng ngay sau khi vua Louis 16 bị giết, uy quyền tối thượng của vua chúa — và của giới quý tộc, và hệ thống chức sắc trong Giáo hội — bị cách mạng nhất thời đem xuống đất đen, thì đảng cấp chỉ huy cuộc cách mạng không còn biết làm thế nào để thúc đẩy dân chúng tham dự vào công cuộc chống ngoại xâm (Đức.)

Trong những ngày đầu của chiến cuộc quân địch tiến rất nhanh và đối xử rất tàn bạo đối với dân chúng miền Bắc nước Pháp. Quân đội của chính quyền cách mạng cổ nhiên có dân trận kháng cự, vì trong quân đội nào, ở nước nào, cũng có những phần tử suy luận giản dị rằng họ linh lương của chính phủ thì tất nhiên phải theo lệnh của chính phủ mà chống giặc. Thêm nữa, sự tàn bạo của quân Đức, cộng với sự oán thù vốn sẵn có giữa hai dân tộc Pháp-Đức, khiến cho có không ít người tự động tham dự vào hàng ngũ kháng chiến. Người ta có thể cho rằng những người đó chiến đấu vì tình yêu quê hương của họ.

Nhưng tình yêu quê hương vốn dĩ là một tình cảm có giới hạn: người xứ Provence không yêu mến xứ Lorraine, cũng như người dân Việt ở Biên Hòa không thể nhận có tình yêu đối với Lạng Sơn. Rất có thể sự giới hạn này đã khiến cho chỉ có người dân miền Đông Bắc nước Pháp — nơi bị chiếm đóng — là hăng hái chiến đấu.

Tình trạng đã tới mức độ rất nguy ngập thì một sự kiện đặc biệt xảy ra. Trong khi làm nhiệm vụ kêu gọi dân chúng miền Nam đứng lên kháng chiến, thì, một buổi tối nào đó, viên sĩ quan Rouget de l'Isle bỗng nhiên cất tiếng hát bài quân hành sau này có tên gọi La Marseillaise. Bài hát thật ra không có gì hay ho cho lắm, nhưng theo tôi, nó là lời kêu gọi đầu tiên có tính chất đại chúng, mà trong đó có một danh từ sẽ trở thành cực kỳ quan trọng là « patrie » — tổ quốc.

Patrie không phải là một chữ mới, cũng như tổ quốc — đất nước của tổ tiên — luôn luôn được sử dụng đồng nghĩa với quê hương. Nhưng lần này, ở Pháp, chữ patrie không phải chỉ có một ý nghĩa rộng rãi và tương đối mơ hồ về nơi sinh thành của người trong cuộc, mà được xác định hẳn hoi như một đất nước có biên giới rõ rệt, có một chính phủ và một quân đội vừa nắm uy quyền vừa giữ nhiệm vụ bảo vệ.

Tổ quốc, từ bấy giờ về sau, lẫn lộn dần với quốc gia — quốc gia, état, theo nghĩa thông thường, là bộ máy quyền hành. Sự lẫn lộn này làm lợi lớn cho những người làm chính trị — nhà cầm quyền — vì, nhập nhằng theo đà lý luận mặc nhiên, người ta gán cho công dân, đã chấp nhận cái nền phận trung thành với tổ quốc, cái nền phận trung thành luôn với quốc gia — nghĩa là trung thành với guồng máy cai trị, gián tiếp là nhà cầm quyền.

Lẽ dĩ nhiên không có nhà cầm quyền nào sau vua chúa của chế độ quân chủ tuyệt đối, được đòi hỏi hoặc bắt buộc dân chúng trung thành với họ, hay với chế độ mà họ là người đại diện. Đó thật sự là điều đang xảy ra ở Âu-Mỹ: không ai nghe thấy ông Nixon nói tới bổn phận của dân chúng Mỹ đối với chính phủ Hoa-kỳ-đồn và chính ông ta. Cũng như tướng De Gaulle, bất mãn vì dân Pháp không chấp nhận một đề nghị cải cách hành chánh, ông ta chỉ có thể từ chức.

Tại châu Á, nhất là ở Việt Nam, cả hai miền, dân chúng bị dồn vào cái thế bị bắt buộc phải trung thành với chính phủ. Sự kiện này thật ra do người cộng sản gây nên, mà sau đó, người quốc gia — đây lại là một nghĩa khác của danh từ này — bắt chước trong khi tuyên bố rằng kẻ nào chống lại quốc gia, kẻ đó là cộng sản, là phản quốc, mặc dù các nhà cầm quyền miền Nam đều ít nhiều tin tưởng họ là những người làm chính trị trên căn bản dân chủ.

Sự lầm lộn ban đầu là một cố ý của người cộng sản: vào khoảng 1946-54, chỉ có chính quyền do họ lãnh đạo là chống Pháp. Vì thế, trước mắt dân chúng, họ có lý khi lớn tiếng buộc tội bất cứ chính quyền nào khác, theo đường lối nào khác, cũng là phản quốc — mặc dù, trên lý thuyết, nếu vào lúc đó có một chính quyền cũng chống Pháp, mà cũng chống Việt Minh nữa, thì chính quyền đó không thể bị buộc tội là phản quốc.

Nhưng trên thực tế, Cộng sản đã lợi dụng một thời gian dài 9 năm làm thành lập luận: kẻ nào chống đối chính phủ Dân chủ Cộng hòa (Hà Nội) là phản quốc — mặc dù, theo nguyên tắc dân chủ, bất cứ ai cũng có quyền chống chính phủ, quốc hội và cả hiến pháp (miền Bắc), cũng như bất cứ ai cũng có quyền đề nghị, tuyên truyền, vận động cho

một chế độ mới (có hiến pháp, quốc hội, chính phủ mới), với điều kiện không xúi dục vũ khí, vũ lực hoặc thủ đoạn đối trá, ác độc bắt buộc kẻ khác theo mình.

Cũng trên thực tế, nhiều nhà cầm quyền miền Nam tin tưởng thành thật rằng họ có tinh thần dân chủ, mà vẫn coi chống Cộng sản như một bổn phận mà bất cứ ai không chấp nhận cũng bị coi là phản quốc. Các nhân vật đó lầm lẫn vì họ đã bắt đầu một cách có lý: trong tư tưởng của họ, Cộng sản chỉ có một, là Cộng sản miền Bắc độc tài và Cộng sản miền Nam vô trang tạo loạn, nên chống Cộng là chống độc tài và chống sự xúi dục vũ khí áp bức dân chúng và chống lại chính quyền công khai hợp pháp. Trong thâm tâm họ, các nhà cầm quyền tại Saigon không nghĩ rằng người ta có thể vẫn theo chủ nghĩa Cộng sản mà vẫn có một quan niệm riêng về sự thể hiện chủ nghĩa đó: tranh đấu ôn hòa, hợp pháp và công khai, để tiến tới chế độ chia đều tài sản quốc gia cho mọi người dân. Lẽ dĩ nhiên làm Cộng sản theo kiểu này không có gì đáng trách, và cũng không có gì là duy vật cả (Tống Thống Nguyễn vẫn Thiệu nhiều lần nhắc đến 4 cái "không" trong chính sách của ông trong đó có cái "không" thứ tư là "không chấp nhận cho đảng Cộng sản công khai hoạt động trên lãnh thổ miền Nam. Tôi thiết nghĩ Tống Thống Thiệu không những lầm lẫn trên căn bản nhận định, mà còn thiếu kinh nghiệm đấu tranh chiến lược chính trị. Nếu bây giờ có một nhân vật có uy tín trong hàng ngũ cộng sản từ lâu, mà bây giờ bằng lòng về Saigon làm thủ tục xin thành lập một đảng chính trị — ví dụ lấy tên là Đảng Cộng sản Miền Nam Việt Nam — và tuân theo đủ các điều kiện như nôm nỏ sơ về các nhân vật trung ương, lập danh sách đảng viên v.v., thì chính quyền miền Nam trước hết phải cố gắng giúp phương

quốc gia nào cường thịnh?.

tiên cho cái đảng C.S ấy thành hình một cách huy hoàng, và sau đó phải cử nhân viên an ninh ngày đêm bảo vệ nhân vật đó. Bởi làm như thế có khác gì « giết nửa đời của đảng C.S. nằm trong bí mật !)

PHÂN BIỆT QUÊ HƯƠNG VỚI QUỐC GIA

Đến đây, tôi tự nghĩ đã làm xong công việc chứng minh rằng, tuy không có ai cố ý gây nên, người ta từ thượng cổ đến nay đã mắc phải điều sai lầm:

Thứ nhất là làm tăng thêm sự khác biệt tự nhiên giữa con người với con người về tài năng, đến độ tạo thành 2 giai cấp : có tài năng thì thống trị và có vẻ một phần lớn quyền lợi và ưu thế xã hội, không có tài năng thì chịu đủ mọi thiệt thòi và cam phận ở mãi vị trí bị trị, bị bóc lột.

Thứ hai là giai cấp thống trị lợi dụng sự lộn lộn giữa các yếu tố « quốc gia » và « tổ quốc », khiến cho cả một dân tộc, trong đó có giai cấp bị trị bao giờ cũng đông hơn rất nhiều, cả một dân tộc phải trung thành và bảo vệ chính quyền nằm trong tay giai cấp thống trị, mà vẫn tưởng mình làm một bổn phận thiêng liêng là trung thành và bảo vệ tổ quốc.

Thứ ba là căn bản của hầu hết mọi bất công trong xã hội không phải là sự thống trị và bóc lột của giới đại tư bản (giai cấp tư sản) đối với giai cấp vô sản mà là sự chuẩn bị đặc biệt, và sự giao truyền cơ nghiệp mà một số không nhỏ cha mẹ dành cho con cái họ. Quyền thừa kế cơ nghiệp của cha mẹ — có khi là cơ nghiệp của nhiều đời chồng chất — đáng lẽ là một động cơ cao quý, có tác dụng bảo đảm giá trị trường tồn của đời sống, đã trở thành một thứ nguồn gốc của bất công — mà tất nhiên chúng ta phải đặt vấn đề sửa đổi và giới hạn.

Cũng như chúng ta phải nghiên cứu sự giới hạn sự chia cách giữa 2 giai cấp vốn dĩ

thành hình do bản tính tự nhiên của loài người, nhưng nếu để cho tham vọng cá nhân và bản tính ích kỷ của con người chi phối thì rõ rệt càng ngày giai cấp bị trị càng bị giai cấp thống trị lấn lướt và xử dụng tàn nhẫn — như xử dụng cụ người — dưới chế độ cộng sản hay dân chủ tư sản cũng vậy.

KẾT LUẬN

Muốn hủy bỏ một hiện tượng xã hội, người ta phải tìm hiểu nguồn gốc của hiện tượng đó. Karl Marx, ra đời vào đầu thế kỷ thứ 19, đã thấy xã hội chứa đựng quá nhiều ảm ức, bất công, nên đã dành hết cuộc đời vào công việc nghiên cứu một lý thuyết có thể được áp dụng vào sự phân tích nguyên nhân sự chia rẽ giữa con người với con người trong lịch sử.

Lý thuyết mà Karl Marx đào tạo ra là lý thuyết biện chứng duy vật, và sự áp dụng lý thuyết này đưa đến « duy vật sử quan », là phương pháp nhận định lịch sử nhân loại qua duy vật biện chứng pháp. Kết quả của sự áp dụng này là quan niệm « giai cấp đấu tranh » về kinh tế — như động cơ chính của lịch sử — và, đến nay, người ta đã nhận thấy nó chỉ đúng có một nửa, một nửa nói về lịch sử Âu châu ; còn trong lịch sử rất nhiều dân tộc khác ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ, không hề có vụ « giai cấp đấu tranh về kinh tế » như vậy.

Quan niệm « tâm vật tương giao » về lịch sử không coi thường các thứ quyền lợi kinh tế, nhưng cũng không coi quyền lợi kinh tế là động cơ quan trọng nhất. Như đã trình bày, con người ta khác biệt nhau, hơn kém nhau, trước hết về tài năng. Những người có tài hợp nhau thành giai cấp để thống trị số đông dốt chúng. Sự hội hợp có 2 nguyên nhân là quyền lợi (kinh tế) và hoài bão sự nghiệp tinh thần — nguyên nhân kinh tế rõ rệt và ôn

hơn, nhưng nguyên nhân sự nghiệp sâu sắc và lâu dài hơn.

Trong vòng 20 thế kỷ gần đây, chúng ta thấy trong 15 thế kỷ trước — từ đấng Christ đến Gutenberg (in cuốn sách đầu tiên) — lập trường tinh thần thắng thế khắp nơi, kể cả ở Âu châu. Nhưng từ sau Gutenberg đến giữa thế kỷ 20, người ta thấy lập trường quyền lợi vượt lên, chi phối cả châu Âu, và chỉ trong vòng vài thế kỷ đã đưa người Âu châu lên đường chinh phục thế giới. Chính vì thế nên cách đây khoảng 20 năm, khi người ta chưa được mục kích những khó khăn mà người Cộng sản gặp phải, và sự thất bại của họ ở nhiều lãnh vực, thì ai nấy đều tin rằng Karl Marx có lý, hoàn toàn có lý.

Nhưng ngày nay, lý thuyết Tâm Vật Tương Quan đã chứng minh rằng ngay giữa lúc có rất nhiều binh sĩ Anh, Pháp, Bồ-đào-nha, I - pha - nhô, Hòa - lan, Bỉ v.v... lên những chiếc thuyền buồm chở họ đi chinh phục châu Á, châu Mỹ, châu Phi, thì cũng có một số người nhỏ hơn, khiêm tốn và lặng lẽ, cũng lên những chiếc thuyền buồm đó, đi giảng đạo Ky-tô và gieo trồng hạt giống văn hóa tây phương ở những địa danh vừa nói.

Sự kiện tất nhiên đã xảy ra là đám binh sĩ kia đánh đầu thắng đấy. Rất nhiều thuộc địa được khai phá, khiến cho các «mẫu quốc» trở nên giàu có (và tiến bộ) nhanh chóng. Karl Marx thấy thế nên kết luận rằng sự khai phá thuộc địa là một trong những hiện tượng làm cho những mâu thuẫn giữa 2 giai cấp thống trị và bị trị (về kinh tế) càng to tát, sâu xa hơn. Nhận xét này hoàn toàn đúng.

Nhưng có một điều mà Karl Marx không thể biết, vì chưa kịp xảy ra. Đó là sự thức tỉnh của nhiều dân tộc, không phải về đấu tranh kinh tế và đấu tranh cách mạng như

những người cộng sản sẽ làm (và cũng được Marx chờ đợi) mà hoàn toàn trái ngược: đó là sự thức tỉnh về lương tâm, về tư tưởng — nói chung là về văn hoá.

Động cơ của sự thức tỉnh đó chính là số nhỏ nhà truyền giáo cùng lên đường với binh sĩ Âu châu. Lễ cổ nhiên có nhiều nhà truyền giáo làm truyền đơn bại, liên kết với quân xâm lăng và giúp họ chiến thắng. Nhưng có một số người như Thánh La Salle, Giám mục Đắc Lộ, và sau họ còn có rất nhiều người, giáo sĩ hay thường dân, đem phát huy trên đất Bắc Mỹ và Á châu cái tinh thần hiệp sĩ, và lòng yêu mến thiết tha chân lý của Chúa Ky-tô.

Một hiện tượng như phép lạ sẽ xảy ra. Trên đất Mỹ, mặc dù cuộc đấu tranh kinh tế quyết liệt đến đâu, dân tộc Mỹ vẫn thành hịch dẫn dắt trong tinh thần thuần túy ky-tô giáo, và giai cấp lãnh đạo xã hội Mỹ, giai cấp tài năng, quả thật là giai cấp ngoan đạo nhất thế giới — dù là đạo Cơ-đốc hay Tin Lành, hay Quakers, hay Methodists... Còn trên đất Á-phi, ít lắm cũng đã có 2 thế hệ trưởng thành vừa trong sự hận thù người Pháp (Bỉ, Bồ v.v...), vừa trong sự ngưỡng mộ nền văn học (không phải văn hóa) Âu châu, vừa trong sự cảm phục đối với những Pasteur, Yersin, và không biết bao nhiêu người khác đã nêu gương công bằng, bác ái của các nhà hiệp sĩ ky-tô giáo thời Trung cổ.

Kết quả của hiện tượng trên đây, ngay trong lúc này, là trên đất nước Việt Nam có đến 3 hàng người hoàn toàn khác biệt nhau. Trước hết là những người cộng sản theo hần con đường đấu tranh duy vật (khoa học và kỹ thuật) theo Âu châu; thứ hai đến những người theo ky-tô giáo cùng những ai đồng ý với họ, hợp tác với người Mỹ, vừa chiến đấu bảo vệ tự do, vừa cố gắng cải thiện xã hội trên căn bản bác ái và công lý ky-tô

quốc gia nào cường thịnh ?..

giáo. Sau cùng và thứ ba là những người như bạn như tôi : với tâm hồn thuần túy Á đông chúng ta đã chân thật học hỏi người Pháp, hiểu thấu được phần nào cái tinh thần văn minh kỹ thuật của Tây phương và thấm nhuần được phần nào cái triết lý nhân bản của chúa Ky-tô ; sau đó chúng ta đã làm một cuộc tự vấn tâm tư, và chúng ta đi tới sự quy nạp, sự hòa đồng các giá trị đã có từ xưa của Đông phương, Tây phương. Lý thuyết "tâm vật tương quan" và lập trường "tâm vật tương giao biện chứng", đưa tới quan niệm "tâm vật tương giao" về quá trình tiến triển của lịch sử nhân loại, là thành quả của sự hòa đồng giá trị đó.

GIẢI PHÁP

Tôi sẽ không trình bày những giải pháp mà tôi đề nghị ở đây, mặc dù giải pháp ấy đã có và, lẽ tự nhiên, không lệch lạc, nghiêng đổ như giải pháp cách mạng mác-xít.

Tôi không có ý định cưỡng bức tâm tư bạn đọc. Không có gì bắt buộc tôi phải vội vàng nên, hôm nay, từ một số sự kiện xảy ra trước mắt các bạn, tôi cố gắng chứng minh rằng có những điều xưa nay chúng ta hoàn toàn tin tưởng là đúng, là tốt, những điều đó đang tỏ ra sai lầm, tác hại.

Muốn đánh đổ những ý nghĩ quen thuộc từ mấy trăm năm, chúng ta cần đến nhiều hơn một bài báo. Vì thế, tôi xin chấm dứt ở đây, bằng cách trình bày thâu tóm một vài đặc điểm của đời sống hiện nay của chúng ta, đặc điểm là nguyên nhân phát triển những sai lệch, nhưng cũng làm cho chúng ta hiểu rõ thực tại hơn.

1 — Xưa kia phương tiện giao thông ít ỏi và sự làm ăn sinh sống khó khăn, nên người nào ra đời ở nước nào thường chỉ quanh quẩn bên trong biên giới. Ý thức quốc

gia, vì thế, được hỗ trợ thêm bởi nhu cầu bảo vệ đời sống kinh tế, nên ai nấy đều muốn cho quốc gia mình cường thịnh, dân tộc mình oai hùng, hơn các quốc gia và dân tộc khác. Còn bây giờ, giao thông phát triển, và sự học vấn được mở mang, khiến cho người Việt Nam sang Mỹ, sang Pháp làm ăn không thấy bờ ngõ. Những đứa trẻ, con của cha mẹ Việt, ra đời và lớn lên ở Mỹ hay Pháp, chắc hẳn sẽ yêu mến phong cảnh và bạn hữu của tuổi trẻ của chúng, trừ phi cha mẹ chúng dùng thủ đoạn cưỡng bức tâm lý, ngày đêm rót mồi vào tai chúng là phải yêu mến quê hương Việt Nam.

2 — Phương tiện chuyên chở và kỹ thuật chiến tranh cho phép một nước lớn mạnh can thiệp vào bất cứ cuộc xung đột nào, ở bất cứ đâu trên thế giới, nên dần dần sẽ không còn có trường hợp mấy nước nhỏ tranh giành quyền lợi mà gây nên chiến cuộc. Rồi sau đây chắc hẳn thế giới hoặc sẽ chia làm 2 hay 3 khối, mỗi khối có một nước lớn (Mỹ, Nga, Trung Hoa) lãnh đạo và... bóc lột một số nước nhỏ, hoặc sẽ đạt được trạng thái hòa hiếu chung, cả thế giới có một cơ sở chỉ đạo vừa phân phối quyền lợi thiên nhiên vừa giữ gìn trật tự trong khi các dân tộc sống riêng trong từng khu vực địa lý hay tùy theo thiên của mỗi người hay mỗi nhóm người mà làm ăn khắp nơi.

3 — Từ trước, người ta tổ chức gia đình và học đường không theo đường lối có sẵn nào, mà thuận theo hoàn cảnh và nhu cầu tại chỗ. Đến nay, người ta đã thấy rằng cần phải có một lý thuyết hướng dẫn, gia đình và học đường mới có thể được tổ chức và điều hành vừa có lợi cho mỗi người, vừa không tạo loạn trong xã hội : gia đình này bành vực con cái, không gây thiệt hại cho gia đình khác, trong khi học đường không đào tạo bừa bãi một tầng lớp trí thức có văn bằng mà không có việc

làm tương xứng—do đó mới có ý tạo loạn trong một xã hội bất công.

Ba điểm nhận định tổng quát trên đây cho chúng ta thấy chúng ta không thể tiếp tục luận điệu tuyên truyền theo kiểu ngàn xưa của Tây phương: quốc gia ta cường thịnh, dân tộc ta anh hùng, nền học vấn của chúng ta cao rộng....Chúng ta phải bắt đầu tìm kiếm những giải pháp có lợi cho mình nhưng không thiệt hại cho người. Công việc tìm kiếm không dễ dàng gì, và tôi sẵn sàng trở lại cùng bạn đọc tiếp tục cuộc thảo luận hôm nay.

Trong khi chờ đợi, tôi xin bạn ghi nhận thêm ít điều về dân tộc Việt :

1.— Đã làm người, ai cũng biết ăn ngon mặc đẹp, ở nhà cao rộng và có kẻ hầu người hạ và đồ đạc, xe ngựa huy hoàng. Người làm vua còn biết hơn thế nữa. Nhưng vua chúa Việt Nam không đi xe ngựa bằng vàng khối (như vua nước Anh), không xây cung điện Versailles, ấy là vì có lòng thương dân, không muốn dân chết nghèo vì nộp thuế quá nặng.

2.— Mỗi khi có giặc thì tuyên quân đánh giặc, xong lại cho ai nấy về nhà. Vua chúa Việt Nam không có ý muốn giữ một đạo quân thường trực mạnh mẽ, một là vì không muốn hao tổn công nho, hai là vì không có ý đưa dân vào ý niệm sai lầm : quốc gia tôi cường thịnh, dân tộc tôi anh hùng thực tế có nghĩa là tôi phải phục vụ chính quyền hết mức, và sẵn sàng hy sinh mỗi khi người trên đòi hỏi.

3.— Sự học vấn khó khăn, thi cử phức tạp, khiến cho dân số thất học quá nhiều và đời sống ở làng mạc tối tăm. Nhưng ngược lại, giai cấp lãnh đạo thu hẹp, nên trong nước rất ít khi có loạn lớn (do trí thức bất mãn lãnh

đạo). Vua chúa, và triều đình, rất ít can thiệp vào cuộc sống của tư nhân — phép vua thua lệ làng là thế — vì thế nên người dân Việt thời xưa thật sự là người dân được làm chủ cuộc đời của mình. Có phải chăng như thế gọi là dân chủ ?

Người xưa kẻ ra cũng khôn ngoan lắm. Nhưng tôi không có ý cho rằng sự khôn ngoan đó đã đầy đủ, hoàn hảo— như một số người bắt mẫm với hiện tại đòi hỏi chúng ta hướng về quá khứ, bắt chước bắt cứ hành động nào của tiền nhân (kể cả trong huyên thoại !).

Vấn đề của chúng ta thật sự không phải là nhìn quanh quất sang phải sang trái, qua Đông qua Tây, để “sao y nguyên văn” ý kiến này, chế độ khác. Chúng ta được thừa hưởng một quá khứ không tầm thường, tôi hiết nghĩ, chúng ta chỉ có việc tìm hiểu giá trị của quá khứ ấy, và giá trị của những dân tộc khác. Nếu chúng ta thành thật trong suy tư, tôi dám chắc một công cuộc tổng hợp giá trị có thể được thực hiện, không có gì khó khăn hết.

N.M.C

Trong những số tiếp theo tác giả sẽ trả lời những câu hỏi :

— Vì nguyên nhân lịch sử nào mà có một Cộng sản và Hoa Kỳ ở Việt Nam ? Hồ chí Minh, Võ nguyên Giáp... bị lôi cuốn bởi dòng sông tâm lý nào ? và tương lai người Việt trong 10 năm tới đây ra sao ?

— Tại sao nói nguồn gốc tình yêu là khoái lạc thân xác ? cứ 100 người đàn ông có bao nhiêu người thỏa mãn được đàn bà ? và trong 100 đám ái tình có bao nhiêu đám đưa đến hôn nhân hạnh phúc ?

quốc gia nào cường thịnh ?...

— Cuộc đấu tranh đạo đức trên đất Việt sẽ bùng nổ hay không? về tín đồ đạo Phật có bao nhiêu người? về tài sản đạo kỳ tô có bao nhiêu ruộng, bao nhiêu nhà? và con người Việt hiện hữu sẽ trốn lánh đi đâu để được sống yên thân?

— Thêm đại học, thêm trường sở công tư... chú đầu vào học phải chăng

để tranh giành nhau làm tay sai, nô bộc, cho một số lãnh tụ có địa vị ngay từ lúc mới ra đời? còn tự trị đại học là gì? có tác dụng gì? và đã tự túc, tự lập được chưa mà đòi hỏi? hay chỉ thấy người Mỹ làm thì mình làm, mà không biết càng đòi hỏi tự do là càng đòi được nô lệ, càng hoạt động hăng say là càng dút đầu vào rọ?



HỌC TẬP NHÂN DÂN

Bác sĩ Phan quang (huy) Đán, quốc vụ khanh, mới được ủy thác nhiệm vụ đi dân lập ấp. Trên màn ảnh ti-vi, ông đã nói về công việc phải làm, một cách rất trôi chảy. Phải thành thật mà nhận ông được giữ chức quốc vụ khanh là đáng lắm - quốc vụ khanh là một thứ tổng trưởng không chuyên môn (không giữ bổn phận), và thời thường chỉ phải nghĩ và nói, mà không phải làm — vì ông nói nhanh, rất đúng giọng miền Nam-Trung của quốc vương.

Ông nói gì cũng hay cả. Chính phủ, qua sự trình bày của ông, luôn luôn cố gắng và luôn luôn xứng đáng làm... chính phủ. Duy có một điều là được hỏi về kế hoạch cho tương lai, quốc vụ khanh đã nói thẳng ông không có kế hoạch nào hết. Lý do: mỗi vùng được khai khẩn sẽ được khai khẩn theo kinh nghiệm của dân địa phương. Nguyên văn: — đồng bào trồng cây gì chúng tôi trồng cây đó.

Câu nói thật hay, về phương diện... dân văn. Còn trên thực tế, ông quốc vụ khanh không thảo ra kế hoạch 5 năm hay 3 năm, có lẽ vì ông biết rõ cả chính sách lẫn ngân quỹ Việt nam không có khả năng kéo dài quá 1 năm, bởi tùy thuộc chính sách và viện trợ Hoa Kỳ. Ông quốc vụ khanh không thể nói trắng điều đó ra, nhưng hết sức khôn ngoan, nên mặc dù nhận mình không có kế hoạch dài hạn, ông mượn điều « học tập nhân dân » để che dấu cái thế « bất khả » của chính quyền mà ông phục vụ.

Quốc vụ khanh Phan quang Đán, cách đây 25 năm còn trẻ và là sinh viên Phan huy Đán, một mình làm chủ nhiệm và viết một lúc ba bốn tờ báo của phe quốc gia — trong đó có tờ Thiết Thực là nổi tiếng nhất — đến bây giờ vẫn tỏ tài biện luận hơn thiên hạ. Bây giờ già rồi, lại tỏ ra có thiện cảm với đồng bào nông dân, thì ĐVH nghĩ như vậy, ông có thể về một địa phương nào ứng cử làm... ủy viên thông tin (tuyên truyền) được lắm.

Túc hoa hồ điệp mộng hồ hương

1

HỒN HƯƠNG

Năm hay bảy cây số cách Gò-Dầu-Hà về phía tỉnh lỵ Tây Ninh, con đường lớn bỗng thấy một nhánh rẽ bên tay trái. Vút thẳng giữa những hàng cây cao xu xe chỉ—cây khế, lá xẻ, cành khẳng khiu—đó là một tỉnh lộ đi vòng xuống Đồng Tháp. Con đường đầy những hố bom, mìn, được lấp tạm bằng đất đỏ, in hệt những lá cao dán vội lên một hàng dài vết đau lở loét. Và cô ở một vài nơi đã lưa thưa mọc lại, dễ chứng tỏ rằng sức sống chìm dưới lòng đất chưa chịu thua sự tàn phá của thép, gang, lửa và thuốc độc.

Qua rừng xác chết trong tư thế «nghiêm chỉnh» của những cây cao-xu, con đường đi vào một vùng rộng lớn những ngọn đồi nhấp nhô. Con đường trở thành nhỏ bé, kéo dài và uốn khúc quanh quẩn như không muốn chấm dứt và cũng không muốn đưa tới bất cứ đâu.

Nhưng rồi, bất chợt lên đến đỉnh một cái dốc khá cao, chỉ Năm nhìn thấp xuống phía trước và bị mặt trời chiếu lên lóa mắt. Mặt trời trên những lá tôn trắng xóa : đây hẳn nhiên là một khu dân cư mới được tái lập. Chỉ sắp đến đích. Một sản phẩm kỳ lạ của chiến tranh, một làng xưa của người Nam, mà lại do người Bắc di cư đến giữ gìn, và bây giờ yên ổn, nhiều gia đình người Nam rủ nhau tới ngụ cư—một làng Việt không có bóng một người Tàu nào,

truyện ngắn của
NGUYỄN MẠNH CÔN

Chị Năm bóp nhẹ trên tay thẳng. Hết dốc đến nhà thờ, qua tiệm tạp hóa không mang bằng hiệu, chị rẽ tay trái men theo con lạch nhỏ, đến nhà ông Trùm Hương bên tay phải. Chị tiếp xúc với ông Trùm để nhận trường và học trò. Vì ông thầy trước bỏ về tỉnh đã hơn hai tháng, học trò nghỉ, nên sổ sách được gửi tạm nhà ông Trùm.

Dừng xe bên cạnh cổng rồi ngã nón xuống tay, chị dè dặt bước vào nhà.

— Thưa hai bác.

— Dạ, cô Hai. Chào cô Hai, có chuyện chi?

Một trong hai người đàn ông ngồi trên tấm nệm đứng dậy đáp lễ chị Năm. Người khoảng năm mươi, khô gầy và nghiêm nghị với chòm râu đen bạc. Đây là ông Trùm Hương, chủ nhà. Còn đây là ông Trường Lộc chỉ huy nhân dân tự vệ. Cô Hai về ấp thăm người quen hay có chuyện chi...

— Dạ, thưa bác Trùm, cháu là giáo viên trên tỉnh gửi về. Ông trường ty nói cháu về đến đây thì tìm thăm bác... Ông trường ty nói chia khóa nhà trường và sổ sách đều gửi ở bác... Ông trường ty nói nhà trường thiếu gì, cần gì, cứ hỏi nơi bác...

Sự cố gắng làm quen của chị Năm ngừng lại ở đây. Chị không biết nói gì thêm trong khi hai ông già bết lấm lét nhìn nhau lại liếc nhìn đến chị. Giá họ là con trai hay đàn ông ba bốn mươi, chắc hẳn chị sẽ tức giận. Đáng nays họ đã già. Và lại, sự lúng túng của họ có vẻ gì như kinh ngạc nhiều hơn. Nhất là ông Trường Lộc, ông ta quơ vôi đôi gióp cao su đứng vôi lên, hình như muốn tỏ ý bất mãn kèm theo bàn tay phải gạt ngang trước mặt. Nhưng ông Trùm Hương đã kịp nắm bàn tay lại và khe khẽ lắc đầu. Ông Trường Lộc thì không nói nữa, trong khi ông Trùm lật

đặt lấy ghế mời chị Năm ngồi, tìm chén rót nước mời chị Năm uống.

Một lát sau câu chuyện dạy học mới được nhắc lại. Ông Trùm Hương có vẻ đã bình tĩnh khi ông nói với chị Năm:

— Cô Năm về dạy học cho xấp nhỏ, chúng tôi cảm ơn lắm. Nhưng bọn trẻ trong xã tôi lêu lổng lắm, sợ cô Năm buồn...

— Thưa bác, đó là bổn phận của cháu.

— Xã tôi gọi là có an ninh, nhưng thỉnh thoảng cũng bị pháo kích. Đêm đến, có khi đối phương về bắc loa kêu gọi, rồi bắn vào các ấp...

— Thưa bác, ở đâu địch cũng pháo kích được. Cháu nghe nói địch còn pháo kích được mấy năm nữa.

— Cô giáo về dạy học, chỗ ở sơ khoáng lắm. Nhà trường có hai căn, một căn làm lớp học, một căn để cô giáo ở. Giường ghế thiếu thốn, nhà trường lại ở mãi đầu phố, tối đến vắng vẻ lắm...

«Tối đến vắng vẻ lắm» thì quả thật «cô giáo» có hơi ngại. Nhưng cái gì mà ông trùm họ cứ như muốn đuổi mình đi không bằng? Nào trẻ con lêu lổng, nào đối phương pháo kích, nào trường sở bề bộn, ở đâu mà chẳng thế? Nhưng người ta cần thầy giáo, có gì tốt đẹp hay lợi lộc phải đem ra khoe trước, còn những gì xấu xí hay khó khăn thì mặc cho người công chức nhỏ bé ấy tự khám phá lấy dần dần.

Ông Trùm Hương không theo thông lệ. Vì lẽ gì? Chị Năm có cảm tưởng chị chỉ cần nói một câu, một câu thôi, ông Trùm sẽ tìm đủ mọi cách thuận tiện để đưa chị về tỉnh; và sẵn sàng nhận mọi điều trái, lỗi, về phía chính quyền xã. Nhưng chị Năm không bằng lòng như thế. Vì trước hết, chị đã tự nguyện đi làm để giúp gia đình thì, trong mọi

trường học, chỉ không muốn thấy việc làm của chị gặp trắc trở. Thứ hai là chiến tranh đến tận quê hương chị đã lâu, nên từ hồi được mấy tuổi đến ngày nay, chị đã quen với sự thiếu thốn và nguy hiểm. Thứ ba là điều chị không bao giờ nói ra nhưng không ngày nào quên nghĩ đến; chị ngót ba mươi tuổi và chưa lập gia đình. Cô gái trẻ trung, có cái tên kiều mị Hoài Khanh, mỗi ngày một thấy rõ cái thân phận đơn chiếc của mấy thiếu nữ con nhà điền chủ — triệu phú bị chiến tranh phá vỡ sản nghiệp trong một ngày — không còn của hồi môn để được đặt chồng, mà cũng không quen hẳn được hoàn cảnh mới để xỏ vào bắt lấy cho mình một chàng trai ưng ý.

Hoài Khanh lớn dần trong gia đình nghèo dần. Đến hôm nay về nhận việc ở làng quê heo lánh này, nàng nhất định vất bỏ hai chữ tên êm ái ở đô thành, và chỉ muốn làm một cô giáo, sống giản dị nhưng thân mật với số ít đồng bào trong thôn ấp. Chính vì thế nên trong một thoáng im lặng giữa hai câu chuyện với ông Trùm Hương, ông Trường Lạc, chị Năm đã có ý nghĩ thật rõ rệt, nhưng cũng có điểm phản thách thức và tình quái của con người thành thị, rằng hai ông già ấy chắc có tội tình gì muốn giấu, mà chị sẽ tìm kiếm, sẽ hiểu biết, nếu không phải để làm khó dễ gì họ, thì cũng để cho họ thấy một phen!

2

Một tuần sau, chị Năm về nhà ông Trùm Hương ăn cơm chiều. Chị vẫn được bà Trùm lo giúp việc cơm nước. Hai ông bà già thật là người tốt. Chị Năm, trong không bao lâu, đã có cảm tưởng sống trong một gia đình thân thuộc. Những câu chuyện về thân thế được trao đổi dễ dàng: ông bà Trùm có ruộng, có vườn ngoài Bắc, nhưng bỏ tất cả để theo Chúa

đi cư ty nạn vào đây; còn chị Năm có học nhiều nhưng không muốn đi làm sở mý, nên mới về vùng quê dạy học. Trên mình đất miền Nam này, bây giờ ông bà Trùm là chủ, chị Năm là khách.

Chủ khách tâm sự với nhau về đủ mọi vấn đề. Chiến tranh, mất trần giải phóng, người Mỹ, người Pháp, hội nghị Ba-lê, cụ Hồ Chí Minh qua đời... Duy có điều thật lạ, hễ chị Năm nói đến trường học, lớp học, ông bà Trùm lại lảng tránh. Và hôm nay cũng như những hôm trước, chị Năm gọi truyện:

— Thưa bác, hồi hôm mưa lớn quá, mấy đứa nhỏ đến trường, nhiều đứa té, dơ hết quần áo, rách hết mấy quyền tập.

Ông Trùm liếc rất nhanh về phía bà vợ, đoán ngập ngừng trả lời:

— Dạ.

— Thưa bác, chị Năm nói với bà Trùm, mấy trò gái lớn cho cháu hay sắp tới lễ Thánh nữ Đồng Trinh, có cha sở về áp ta làm lễ, có đám rước lớn lắm?

Bà Trùm khe khẽ đáp dạ, chị Năm cố gắng tiếp theo:

— Có đám rước lớn, chắc vui lắm phải không, thưa bác?

— Dạ.

— Học trò có được nghỉ không, thưa bác?

— Dạ, không biết nữa.. Dạ, tùy cô giáo.

Sao lại không biết? Sao lại tùy cô giáo? Đưa phương đến vụ lúa, hoặc có lễ lạt đình đám, các viên chức có quyền yêu cầu nhà trường cho nghỉ học. Ông bà Trùm chắc hẳn có điều gì khó khăn không muốn nói ra. Chị Năm sốt ruột, không muốn chờ đợi lâu hơn. Chị hỏi thẳng:

— Hai bác tha lỗi cho cháu, cháu nghe như hai bác có gì không được vui lòng, xin hai bác cứ cho cháu hay, cháu xin sửa đổi....

Thấy chị Năm làm bộ nghiêm, bà Trùm cương quyết :

— Không, không có gì đâu, cô giáo. Ông nhà tôi..

Bà Trùm nhìn chồng, khựng lại. Ông Trùm ngẩn ngại trong giây phút, rồi có vẻ că quyết hướng về chị Năm :

— Cô giáo, xin lỗi cô giáo, tôi hồi thế này không phải...từ hôm cô giáo về dạy học, cô giáo có thấy gì lạ không ?

Chị Năm ngạc nhiên thừa không. Không có gì lạ hết. Học trò phần lớn đều ngoan ngoãn. Một mình chị dạy cả sáu lớp có vất vả thật, nhưng trong cái vất vả có cái vui khi thấy học trò chịu khó học. Mấy em lớn tuổi sáng, còn dễ nghị giúp cô giáo làm việc nhà, mấy em nhỏ buổi chiều giành nhau quét sân, quét lớp, lau bàn ghế.

— Cô giáo có mấy đứa học sáng, mấy đứa học chiều ?

Chị Năm đếm trên đốt tay : sáu cộng bảy, cộng mười...

— Dạ, thưa bác, lớp sáng, trò lớn, có hai mươi ba em, lớp chiều có ba mươi chín em, cộng tất cả là sáu mươi hai đứa.

Sáu mươi hai, hình như ông Trùm có giật mình vì con số sáu mươi hai em nhỏ đến trường. Chị Năm cũng chợt nhớ ra :

— Dạ, không phải, Có sáu mươi một đứa.

A, có thể chứ! Ông Trùm nhẹ hẫng người, buông xuôi hai vai.

— Vâng, sáu mươi một đứa thì phải.

Chị Năm tươi cười xác nhận :

— Cháu làm, có sáu mươi một em đi học đều, còn một em chỉ đến lớp có bữa đầu, một em nhỏ cháu không biết tên, cũng không biết con cái nhà ai, ngồi mãi bàn cuối, một mình...

Chị Năm không hề ý thấy ông Trùm ngẩn người nhìn vợ, trong khi là Trùm ngẩn người nhìn chồng. Đây là câu truyện vui chị muốn kể :

— Cháu hỏi gì em đó cũng không trả lời. Nhưng không có vẻ buồn bực chút nào. Cháu hỏi mấy em nhỏ ngồi quanh cũng không đứa nào trả lời. Cháu phải lo việc cả lớp nên đành tạm bỏ qua, chờ hết buổi sẽ xuống tận nơi coi xem sao. Em nhỏ hình như mới té, trên trán có gì như lá cao, còn em cứ đưa tay lên phía sau gáy, có vẻ còn đau. Thế mà nó lẹ chân quá đi, cháu vừa cho học trò tan lớp, mới thoáng nhìn đi nơi khác rồi nhìn lại ngay, mà thằng nhỏ đã biến đi đâu mất.

Chị Năm chưa nói hết câu, bà Trùm đã la lên :

— Biến đi mất! Thôi, đúng nó rồi, ông ơi!

— Đúng nó rồi... thưa bác, hai bác biết em nhỏ đó? Chị Năm hỏi, nhưng không để cho bà Trùm kịp trả lời, chị kể tiếp : dạ, nó chạy đi thiệt lẹ, cháu ra ngoài hiên tìm kiếm cũng không thấy đâu. Buổi chiều về ăn cơm, cháu quên không hỏi hai bác. Nhưng đến tối hai bữa sau, thì em đó trở lại.

— Nó... nó trở lại!

— Dạ, nó trở lại. Lần này chị Năm không thể không chú ý đến vẻ mặt hốt hoảng của bà Trùm. Dạ, em đó trở lại thì sao, thưa bác ?

Bà Trùm há miệng nhưng không nói được thành lời. Bà nhìn chồng cầu cứu. Ông Trùm cố gắng bình tĩnh :

— Dạ, không sao đâu, cô Năm. Có điều vụ này rất quan hệ. Đề thư năm này chưa số về cấp nước lễ, tôi sẽ trình cha xem cha chỉ dạy ra sao. Mà... mà đứa nhỏ trở lại, có, có làm phiền gì cô Năm không?

— Dạ, không. Nhưng tại sao hai bác lại hỏi cháu như vậy? Em nhỏ còn... nhỏ quá mà. Vì lại em tỏ ra ngoan ngoãn lắm.

— Ngoan ngoan lắm! Vợ chồng ông Trùm cùng nhắc lại.

— Dạ, ngoan ngoan lắm. Mỗi buổi tối, cháu có dành ít phút dạy cho em học.

3

Thật ra thì chị Năm không có dạy cho đứa nhỏ đó học: chị chỉ đọc truyện cho nó nghe. Truyện ngắn, phần nhiều về những đứa trẻ khổ sở nhưng thật thà, gan dạ hay anh hùng. Chị Năm đọc, em nhỏ lắng nghe, mắt mở long lanh trong bóng tối mờ mờ của căn phòng khá rộng, bên ngoài vòng sáng vàng êm ái của ngọn đèn dầu hời.

Em nhỏ luôn luôn ngồi ở ngoài vòng sáng ấy. Chị Năm muốn cầm tay nó giặt lại chỗ chị ngồi nhưng chị không sao đến gần nó được, ngay từ buổi tối thứ nhất, sau khi chị nhận được nó thập thò ngoài cửa sổ nhìn vào.

Buổi tối đó trời mưa vừa dứt, trăng thật trong, gió nhẹ thật mát. Sau bữa cơm ở nhà ông Trùm Hương, chị về nhà, ngồi lại ngoài hiên, nghe cái im vắng trong không gian mà buồn cho nỗi im vắng trong tâm hồn mình. Chị không nghĩ mình cô đơn vì chị có không ít người thân thích, nhưng đôi chị như bóng trăng kia, im lìm trên sân cỏ, trên mái nhà, trên sườn đồi, một thứ sáng không màu sắc,

một tâm sự không có gì để khóc, cũng không có gì để cười.

Chị Năm ngồi một lúc lâu, bằng khuôn mặt theo những đám mây trắng toát lảng đãng bay về phía đô thành Saigon. Chị nhớ đến gia đình, bè bạn, và nghe như khao khát không phải một chàng trai mà một tình cảm chân thật, một người để chị yêu với tất cả tấm lòng. Như một người con gái có chồng, một người đàn bà có con. Như một cô giáo cố gắng chăm nom bảy học trò nhỏ bé.

Chị Năm đứng dậy, bước vào phòng thấp đèn. Ngọn sáng búp măng có chao bằng giấy màu xanh, nên chỉ chiếu xuống nền gạch một quang trảng tương đối nhỏ. Chị nghiêng đầu vào ánh sáng, nắn nốt bài tỏ cho mấy đứa nhỏ đang tập viết. Bỗng chị giật mình ngừng nhìn ra cửa sổ, vừa bắt gặp một bóng đen thoắt lẹp vào tường. Chị xô ghế bước ra hiên, chỉ còn thấy sân vắng. Chị chờ đợi một lúc lâu mới lại trở vào phòng, định mình có người nhìn trộm. Người đó là em nhỏ. Chị đoán chắc nó sợ, nên lần sau chị cử động thật khẽ khàng. Em nhỏ quả nhiên không chạy nữa. Nó đứng yên, một tay cầm sách, tay kia vẫn đưa lên gáy. Nó có vẻ chờ chị Năm đến gần, nhưng chị Năm đến gần cách chừng ba bước thì nó thốt nhiên lui lại. Rồi từ bấy giờ, hễ chị Năm đứng yên thì nó đứng yên, hễ chị Năm bước tới thì nó bước lui.

— Em, em lại đây với cô. Chị Năm gọi ngọt ngào.

— Em, em tên gì? Chị Năm hỏi dịu dàng.

— Em, ba má em ở đâu?

Tiếng cô giáo êm ái. Nhưng đứa trẻ chỉ biết ngước mắt lên nhìn; cặp mắt trong sáng thông minh, nhưng tại sao có vẻ im lặng và buồn quá sớm?

— Em đến đây có việc gì?

Vẫn im lặng. Nhưng bây giờ chị Năm có thể chú ý đến em nhỏ hơn. Nó mặc quần áo lành lặn, mấy cuốn tập cấp nơi tay đã quần bìa ở góc nhưng có vẻ còn khá mới. Mặt mũi nó sáng sủa, chân tay sạch sẽ.

— Em đến lớp học phải không ?

Em nhỏ khẽ gật đầu, vẻ sung sướng hiện ra trong mắt nó. Chị Năm nghe văng vẳng có tiếng dạ hiền lành gió.

— Nhà em ở đâu ?

Em nhỏ nghiêng đầu nhìn về phía ngược với xóm ấp. Đó là vùng những trang trại nhỏ mà những tiểu địa chủ khai thác đã lâu ngày. Họ bám lấy đất khi chiến trận tới nơi, và chịu đựng đủ mọi thứ nguy nan, đau khổ. Nhưng đến khi chiến trận tàn lụi dần thì một số ít người còn lại sẵn sàng tiếp đón và giúp đỡ một số đồng bào di cư đến lập ấp ở gần.

Nhưng rồi chiến tranh tái diễn, quyết liệt hơn và ghê gớm hơn trước nhiều. Số người bị giết âm thầm trong đêm tối có lẽ bằng số người ngã gục ngoài trận địa. Nhiều gia đình sợ hãi, bỏ ruộng đất về tỉnh lỵ, về đô thành, nhưng vẫn còn một số gia đình khác, ít hơn, gan góc ở lại, sống lén lút dưới bom đạn và khó khăn giữa hai chế độ quyền hành.

Em nhỏ ở vùng trong trại cũ thì chắc hẳn nó thuộc vào một trong những gia đình thật sự là chủ nhân có công khai phá nơi đây. Chị Năm tự nhiên có thiện cảm nhiều hơn. Chị hỏi tiếp :

— Sao bạn chiều em không đến học ?

Im lặng và ngược nhìn câu hỏi. À, chị Năm nghĩ, có lẽ ở nhà bạn việc trồng nom lợn gà, hay chăn nuôi trâu bò, em nhỏ này đến tối mới có giờ rảnh rỗi. Nếu thật thế, em là đứa nhỏ ham học đáng thương lắm.

— Bây giờ em có muốn học với cô không ?

Tiếng gió thoảng trả lời có, có. Chị Năm ít thấy có học sinh nào nghe nổi đến học mà nét mặt đang buồn bỗng trở thành vui như một tiếng cười rạng rỡ. Chị quay mình đi vào, tay phải vẫy cho em nhỏ đi theo. Chị ngồi xuống ghế, nửa người trong ánh sáng, nửa người trong bóng tối. Chị ra hiệu gọi em nhỏ đến ngồi bên cạnh. Nhưng nó đứng lại nơi cuối giường chị, ngay gần cạnh cửa ra vào. Chị không muốn ép nó, bảo nó ngồi luôn xuống mép giường, xong chị hỏi :

— Em học gì ? Em biết làm toán chưa ? Em viết tập không ?

Mỗi câu hỏi một cái lắc đầu chăm chăm trả lời. Em không biết làm gì hết, thì em học gì bây giờ ? Chị Năm nghĩ thật nhanh : đứa trẻ nào cũng thích nghe kể chuyện, đọc truyện.

— Cô đọc truyện cho em nghe, em chịu không ?

Chịu chịu... em nhỏ gật đầu lia lịa. Chị Năm với lấy một cuốn sách in, mở vào quãng giữa. Đây là truyện hai anh em nhà kia đã ở riêng sau khi cha mẹ nối tiếp nhau qua đời. Đến chối mùa gặt lúa, người em nghĩ đến anh có vợ con, cần chi tiêu nhiều hơn, nên xác lúa của mình đem cho anh. Trong khi đó, người anh lại nghĩ đến em chỉ có một mình, không có người giúp đỡ mà lại cần dành dụm để cưới vợ sau này. Nghĩ như thế, người anh cũng xác lúa của mình đem cho em. Truyện không nói hai anh em gặp nhau ở đâu, nhưng họ đã gặp nhau và cùng khóc vì sung sướng.

(Còn một kỳ)



tăng cường bồi dưỡng

CHỦ NGHĨA TẬP THỂ

kiên quyết chống

CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

Ghi chú của Tòa soạn.— Từ 11 năm nay (1960—71), người miền Nam bị Cộng sản xâm lăng, phải quyết tử kháng chiến. Trong tình trạng ấy, không ai nên trách chính quyền chỉ có tuyên truyền một chiều.

Bây giờ, Cộng sản đã yếu, và cuộc xâm lăng vũ trang của họ sắp chấm dứt. Bằng mọi cách, họ sẽ cố gắng mở những mặt trận chính trị, nhằm mục đích kích động đại chúng, hoặc lũng đoạn tinh thần giới trí thức lãnh đạo xã hội. Một trong những lợi khí của họ là sự hay nghĩa ấy, vì đã có hoàn cảnh thực nghiệm. Nhưng còn nhiều người chưa biết.

Các bạn trẻ ít đọc sách ngoại ngữ, mà sách Việt ngữ của Cộng sản thì bị cấm ngặt. Cho nên rất nhiều người trẻ còn hiểu lầm rằng Cộng sản chủ trương « Tự do, hạnh phúc », và lý tưởng xây dựng một đời sống công bằng và tốt đẹp cho mỗi cá nhân. Cũng có người tưởng Cộng sản chỉ chống đối những cá nhân đại tư bản, chỉ chống đối những chế độ độc tài đế quốc...

Sự hiểu lầm không thể bị đánh tan bởi lý luận của những người cùng ở một trận tuyến. Các bạn trẻ cần hiểu Cộng sản qua tài liệu của chính họ. Chúng tôi sẽ tìm kiếm để đăng tải những bài viết, có thể là những cuốn sách, của nhà lãnh tụ miền Bắc. Sự đăng tải cam kết hoàn toàn nguyên vẹn.

Trong số báo này, chúng tôi đăng lại bài « Tăng cường bồi dưỡng chủ nghĩa tập thể — kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân » của SONG HẢO, một thượng tướng phụ trách Chính ủy Toàn quân của Quân đội Nhân dân miền Bắc. Bài đăng trên báo HỌC TẬP, « tạp chí lý luận và chính trị của Đảng Lao Động Việt Nam » số 105, năm thứ 10 (1964).

Điều đáng ghi nhớ là bài báo này đã cũ — từ 6 năm trước, nhưng đường lối Cộng sản từ 50 năm nay không thay đổi. Chúng tôi nhắc lại là bài viết được đăng tải trọn vẹn và y nguyên từ những đoạn chúng tôi cho sắp chữ nghiêng để lưu ý những bạn có ít thì giờ, không đọc được cả bài; và a chú thích có ghi rõ L.T.S. Lời Tòa Soạn.

CHỦ nghĩa tập thể là hạt nhân của đạo đức cộng sản chủ nghĩa, nền đạo đức cao nhất của xã hội loài người. Sự hình thành và phát triển của đạo đức cộng sản chủ nghĩa phải dựa vào sự hình thành và phát triển của cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa đi đôi với việc rèn luyện của mỗi đảng viên, mỗi chiến sĩ cách mạng trong cuộc chiến tranh lâu dài gian khổ, dưới sự lãnh đạo, giáo dục Đảng, của giai cấp vô sản.

Có tích cực xây dựng chủ nghĩa tập thể, đặt ích lợi riêng tư bé nhỏ của mình vào trong ích lợi to lớn lâu dài của Đảng, của quần chúng kiên quyết tẩy trừ chủ nghĩa cá nhân, thì mới thật sự là người chiến sĩ cách mạng, mới thực hiện được lý tưởng vĩ đại của giai cấp công nhân là chủ nghĩa cộng sản. Tích cực xây dựng chủ nghĩa tập thể, kiên quyết tẩy trừ chủ nghĩa cá nhân, đối với cán bộ, đảng viên chúng ta là vấn đề then chốt trong việc rèn luyện tư tưởng theo yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng.

Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay là vừa xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã

hội ở miền Bắc, vừa đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông-dương, Đông-Nam Á và thế giới. Nhiệm vụ nặng nề đó yêu cầu mỗi người chúng ta, trước hết là mỗi cán bộ, đảng viên, phải có một tinh thần cách mạng triệt để, một sự phấn đấu hy sinh không sợ chết. Không vứt bỏ chủ nghĩa cá nhân, không bỏ đường và phát huy chủ nghĩa tập thể giữ được vai trò người chiến sĩ tiên phong trên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, con đường cộng sản chủ nghĩa, con đường của chủ nghĩa tập thể cao nhất và vẻ vang nhất trong lịch sử xã hội loài người.

Người đảng viên, người chiến sĩ cách mạng nào chưa xây dựng được chủ nghĩa tập thể, còn mang nặng chủ nghĩa cá nhân thì không thể nào hoàn thành tốt được mọi nhiệm vụ cách mạng, thậm chí còn có thể thoái hóa về tư tưởng lầm lạc về chính trị nữa. Trong hoàn cảnh hiện nay, khi chủ nghĩa xét lại hiện đại đang tích cực tìm kiếm đồng minh để hoạt động, thì việc chống chủ nghĩa cá nhân — miếng đất tốt cho chủ nghĩa xét lại bám rễ — càng có tầm quan trọng đặc biệt.

CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN LÀ SẢN PHẨM CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU

Tư tưởng cá nhân chủ nghĩa không phải tự nhiên mà hình thành, nó có nguồn gốc sinh ra và cũng có điều kiện để diệt vong.

Trong chế độ công xã nguyên thủy, mọi người đều bình đẳng, không ai có đặc quyền đặc lợi gì; do đó, mọi người đều phải thân ái gần bó với nhau và đều có nghĩa vụ bảo vệ lợi ích chung. Chỉ đến khi chế độ công xã nguyên thủy tan rã, chế độ tư hữu ra đời thì ý thức hệ chỉ sống cho mình bằng cách làm thiệt hại đến lợi ích kẻ khác, mới bắt đầu xuất hiện.

Chủ nghĩa cá nhân khi mới nảy nở chỉ có trong ý thức tư tưởng của một số người có đặc quyền đặc lợi, dần dần trong quá trình hình thành và phát triển của chế độ tư hữu, nó trở thành nhân sinh quan chính thức chi phối mọi tư tưởng và hành động của các giai cấp bóc lột.

Trong lịch sử của xã hội loài người, các giai cấp bóc lột đã thay nhau thống trị xã hội. Lễ sống của chúng là vor vét, bóc lột, làm giàu trên mồ hôi nước mắt của con người

tăng cường bồi dưỡng...

lao động, ý thức tư tưởng của chúng là chủ nghĩa cá nhân. Tuy nhiên, hình thức biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân ở mỗi giai cấp bóc lột khác nhau, tùy theo lực lượng kinh tế, phương thức bóc lột và vai trò của nó trong lịch sử. Bọn chủ nô, với sức sản xuất cực kỳ thấp kém, biểu thị chủ nghĩa cá nhân một cách thô bạo và trắng trợn. coi nô lệ là những công cụ biết nói, có thể tùy tiện chém giết, giam cầm. Bọn chúa phong kiến với nền sản xuất thủ công và cát cứ, với hệ thống vua chúa phức tạp sống bằng chiếm đoạt ruộng đất bóc lột tô tức, thì lại gói ghém chủ nghĩa cá nhân vào trong cái vỏ của hàng nghìn hàng vạn lễ giáo giả nhân giả nghĩa để lừa bịp mọi người. Chủ nghĩa tư bản ra đời, giai cấp tư bản công khai tuyên bố lấy chủ nghĩa cá nhân làm lẽ sống duy nhất. Chúng coi mọi tư liệu sản xuất mà chúng chiếm đoạt được từ bóc lột giá trị thặng dư của người lao động là tài thiêng liêng, là bất khả xâm phạm. Chúng coi quyền tự do bóc lột và tự do cạnh tranh là một thứ tự do tuyệt đối, không bị một quyền lực nào hạn chế cả.

Quyền tư hữu về tư liệu sản xuất đã đề ra chủ nghĩa cá nhân lịch kỷ. Chủ nghĩa cá nhân đã trở thành hạt nhân của đạo đức chiếm địa vị thống trị trong các xã hội có giai cấp. Nền đạo đức này bảo vệ quyền tư hữu. Nó khuyến khích, cổ vũ những cuộc chém giết, đàn áp quy mô lớn nhằm rộng quyền tư hữu.

Đúng như Lê-Nin đã phân tích: «Xã hội cũ xây dựng trên nguyên tắc sau đây: hoặc là anh ăn cướp của người khác, hoặc là người khác ăn cướp của anh, hoặc là anh làm việc cho người khác hưởng, hoặc là người khác làm việc cho anh hưởng; hoặc là anh làm chủ những người nô lệ, hoặc là bản thân anh làm nô lệ. Và rõ ràng là những kẻ được nuôi dưỡng trong xã hội đó, có thể nói là từ khi

bú sữa mẹ đã nhiễm phải tâm lý, tập quán và quan niệm hoặc là của chủ nô, hoặc là của nô lệ, hoặc là của tiểu chủ, hoặc là của người làm công nhỏ, của người viên chức nhỏ, của người trí thức, tóm lại, của người chỉ lo cho mình mà không quan tâm đến người khác»⁽¹⁾. Có thể nói, thời đại tư bản chủ nghĩa là thời đại hoàng kim của chủ nghĩa cá nhân. Ý thức chỉ sống vì mình mà bọn chúa phong kiến cổ ý che giấu thì giai cấp tư sản công khai truyền bá trong nhân dân, biến nó thành lợi khí để chia rẽ nhân dân lao động, củng cố quyền lực của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa. Giai cấp tư sản xây dựng một thứ đạo đức riêng, có lập luận, triết lý hân hoan. Nguyên tắc cơ bản của nó là làm giàu trên hết, «lợi nhuận tối đa». Lẽ sống của nó là «mạnh được yếu thua», «cá lớn nuốt cá bé», «tiền là Thượng Đế», «đó là là cha mẹ»... Triết lý của nó là: nếu ai không vì cá nhân mình thì sẽ bị trời chu đất diệt.

Trong lịch sử, chủ nghĩa cá nhân tư sản chính là thứ chủ nghĩa cá nhân có sức lan truyền mạnh mẽ nhất có những độc tố nguy hiểm nhất. Đó cũng là thứ chủ nghĩa cá nhân nhất triển tới đỉnh cao nhất.

Trong các chế độ bóc lột, bên cạnh các giai cấp chủ yếu của xã hội — chủ nô và nô lệ, phong kiến và nông nô, tư sản và vô sản — còn có các giai cấp trung gian; dưới chế độ phong kiến hay tư bản chủ nghĩa, đó là những người sản xuất nhỏ. Do địa vị kinh tế và chính trị của họ có tính chất hai mặt nên ý thức tư tưởng của những người sản xuất nhỏ cũng có tính chất hai mặt: một mặt, vì là người lao động sản xuất, lại bị các giai cấp bóc lột

(1) Lê-nin: «Nhiệm vụ của Đoàn thanh niên»
Truyện Táp, bản tiếng Việt, nhà xuất bản Sự thật,
Hà-nội, 1959, quyển II phần II, trang 418.

chèn ép, họ ít nhiều cũng có ý thức tập thể, tương trợ, có quan hệ tốt với những người lao động khác để cùng nhau chống lại sự đàn áp của giai cấp thống trị và giữ quyền lợi của mình và những người cùng cảnh ngộ với mình. Địa vị kinh tế bấp bênh và cảnh ngộ của người bị áp bức không cho phép họ sống hoàn toàn chỉ biết đến mình mà không biết gì đến bạn bè, phường hội, xóm hòm tất lửa tối đèn có nhau.

Mặt khác, vì là người tư hữu nhỏ lại có vị trí địa vị của kẻ bóc lột, họ cũng có ý thức cá nhân chủ nghĩa, hơn nữa có khi họ còn tiếp thụ cả chủ nghĩa cá nhân của giai cấp bóc lột. Nhưng « vì cạnh tranh, những cá nhân hợp thành giai cấp ấy (giai cấp tiểu tư sản — S.H.) luôn luôn bị đẩy xuống hàng ngũ giai cấp vô sản » (2), cho nên chính các tầng lớp trung gian ấy cũng không thể không phản ứng mạnh mẽ với chủ nghĩa cá nhân tư sản.

Ở người sản xuất nhỏ, ý thức tập thể và ý thức cá nhân cùng tồn tại và đấu tranh với nhau, thế mạnh, yếu của hai luồng tư tưởng ấy tùy thuộc vào bậc thang kinh tế mà họ đang bước lên trong xã hội. Vì mặt lao động là mặt chủ yếu trong địa vị kinh tế và chính trị của họ, nên họ dễ tiếp thụ chủ nghĩa tập thể của giai cấp công nhân, nhưng mặt khác cũng do địa vị kinh tế và chính trị của họ nên họ lại bị chủ nghĩa cá nhân chi phối. Chủ nghĩa cá nhân trong người sản xuất nhỏ phản ánh tính tư hữu của họ, đồng thời lại phản ánh cả cái phần cổ leo lên địa vị kẻ bóc lột mà Lên-in gọi là « tự phát đi theo chủ nghĩa tư bản » trong địa vị kinh tế của họ. Hình thức và mức độ biểu hiện của nó phụ thuộc vào địa vị và lực lượng kinh tế của những người sản xuất nhỏ. Vì vậy, ta thấy chủ nghĩa cá nhân ở người sản xuất nhỏ

thường biểu hiện một cách vụn vặt tinh vi... che giấu...

Khi bọn thống trị, nhất là giai cấp tư sản, công khai truyền bá chủ nghĩa cá nhân trong toàn xã hội thì không phải chỉ những người tiểu tư sản, nông dân lao động, mà cả một bộ phận công nhân cũng chịu ảnh hưởng của nó. Đối với anh chị em công nhân, ý thức cá nhân chủ nghĩa có bị pha loãng ít nhiều, nhưng trước sau nó vẫn là tư tưởng của giai cấp bóc lột xâm nhập vào, chứ không phải là tư tưởng vốn có của họ.

Ở nước ta (cũng như ở nhiều nước khác), giai cấp công nhân và nhân dân lao động là những người bị áp bức bóc lột thậm tệ, bị tước đoạt hầu hết tư liệu sản xuất và thành quả lao động, cho nên chủ nghĩa cá nhân đối với họ không phải là động lực để hoạt động, cũng không phải là mục đích của cuộc sống. Nhưng vì họ sinh ra, lớn lên dưới chế độ áp bức bóc lột, vì các giai cấp bóc lột thống trị xã hội dùng mọi phương tiện, thủ đoạn (chính trị, văn hóa, pháp luật, tôn giáo...) để duy trì và bảo vệ chủ nghĩa cá nhân nhằm củng cố chế độ tư hữu của chúng và phá hoại tư tưởng của giai cấp công nhân, cho nên tùy hoàn cảnh riêng của từng người anh chị em công nhân và nhân dân lao động vẫn có thể bị tiêm nhiễm tư tưởng cá nhân chủ nghĩa của các giai cấp bóc lột với mức độ khác nhau. Nhân dân ta đã sống dưới chế độ phong kiến hàng nghìn năm, dưới chế độ thực dân phong kiến gần một trăm năm, đương nhiên không thể không bị ảnh hưởng của chủ nghĩa cá nhân tư sản đem từ Tây phương đến pha trộn với chủ nghĩa cá nhân phong kiến. Đó là thứ chủ nghĩa cá nhân

(2) *Mác và Ăng-ghen* : « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản », *Tuyên tập, bản tiếng Việt*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, quyển 1 trang 53.

rất phức tạp mà bon thống trị thực dân cổ
duy trì để đầu độc nhân dân ta nhằm duy trì
ách thống trị của chúng.

Từ khi Đảng ta ra đời, trải qua trên 30
năm đấu tranh, nhất là từ khi Cách mạng
tháng Tám thành công, kháng chiến thắng
lợi, nửa đất nước được giải phóng đang tiến
lên chủ nghĩa xã hội, tư tưởng của các giai
cấp địa chủ phong kiến, tư sản và mọi tư
tưởng không vô sản khác liên tiếp bị đánh
bại. Tuy nhiên, những tư tưởng không vô sản
đó chưa bị tiêu diệt hoàn toàn. Chủ nghĩa

cá nhân còn lên lút hoạt động "bất hợp pháp"
trong tư tưởng của mỗi người chúng ta ; nó
còn biểu hiện trên nhiều mặt, trong chủ
tư tưởng, công tác tổ chức, lề lối làm việc,
 nếp sống... Xét về bản chất mà nói, chủ
nghĩa cá nhân bất kỳ của giai cấp nào cũng
đều là kẻ thù của chủ nghĩa tập thể của giai
cấp công nhân. Vì vậy, cuộc đấu tranh giữa
chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân chính
là một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh
quyết liệt, lâu dài và gian khổ để giải quyết
vấn đề ai thắng ai giữa chủ nghĩa tư bản và
chủ nghĩa xã hội.

CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN LÀ KẼ THÙ CỦA CHỦ NGHĨA TẬP THỂ

Từ khi Đảng ta ra đời, việc giáo dục nhân
sinh quan cách mạng cho cán bộ, đảng viên và
quần chúng luôn luôn được đề cao. Trong Cách
mạng tháng Tám và trong cuộc kháng chiến
lâu dài gian khổ, cán bộ, đảng viên ta đã được
rèn luyện thử thách nhiều trong thực tế chiến
đấu. Trong 10 năm (3) hòa bình, cán bộ, đảng
viên ta lại được Đảng giáo dục về lý luận,
chính trị và tư tưởng một cách có hệ thống
hơn, do đó tư tưởng vô sản đã chiếm phần
chủ đạo. Nhưng bên cạnh mặt tốt, mặt tích
cực là cơ bản, trong tư tưởng cán bộ, đảng
viên còn có mặt xấu, mặt tiêu cực như : công
thần địa vị, suy bì hưởng thụ, tự do vô kỷ
luật, cực bộ bản vị, tự tư tự lợi, ngại hy sinh,
ngại khó khăn gian khổ v.v...

Đó là những biểu hiện của chủ nghĩa cá
nhân. Nguồn gốc của chủ nghĩa cá nhân trong
cán bộ, đảng viên ta chủ yếu là do địa vị kinh
tế trước kia của họ và do ảnh hưởng của xã hội
cũ. Cán bộ, đảng viên ta phần lớn đều xuất thân
từ tầng lớp tiểu nông và các tầng lớp trung gian
khác, lại lớn lên trong xã hội cũ, nên trước khi

tham gia cách mạng đã bị ý thức cá nhân chủ
nghĩa của giai cấp bóc lột đầu độc với mức độ
khác nhau. Ở miền Bắc người ta hiện nay, quan
cũ, chủ nghĩa tập thể được bồi dưỡng thường
xuyên, các tư tưởng không vô sản luôn luôn bị
hoàn toàn bị xóa bỏ, tàn dư của nền đạo đức và
giáo dục cũ của bọn đế quốc, phong kiến còn
chưa được tẩy rửa sạch, hơn nữa lại có sự xâm
nhập và ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại hiện
đại ; đó là những nguyên nhân khách quan của
chủ nghĩa cá nhân tồn tại trong xã hội ta và
phản ánh vào trong Đảng ta.

Trong cán bộ, đảng viên ta, nói chung chủ
nghĩa cá nhân không phải là một thứ nhân sinh
quan chính thống chi phối mọi tư tưởng và
hành động của họ ; trái lại, nó luôn luôn gặp
phải sự đấu tranh không khoan nhượng của chủ
nghĩa tập thể, của ý thức vì dân vì Đảng mà
phục vụ. Không gặp dịp thì chủ nghĩa cá nhân
lặng xuống, âm thầm lặn lẽ như dòng nước

(3) Bây giờ là 16 năm — L.T.S.

nhỏ trong một cái lồng ngầm, nhưng khi có cuộc đấu tranh gay go giữa lợi ích chung và lợi ích riêng thì nó lại bộc lộ khá rõ rệt. Mặt khác, không phải bao giờ lợi ích chung của Đảng, của cách mạng cũng bị đặt xuống dưới lợi ích riêng của cá nhân; ý thức cá nhân chủ nghĩa chỉ biểu hiện sau khi ý thức tập thể đã đấu tranh mà không chiếm được địa vị ưu thế. Chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên ta thường biểu hiện một cách tinh vi, tế nhị, trầm lặng, có khi che giấu, gói ghém trong cái vỏ cách mạng. Nó diễn đi diễn lại một cách dai dẳng và chuyên biến rất tricky; người mắc khuyết điểm dễ coi nhẹ, dễ bỏ qua, vì chung quanh còn có những « đồng minh » ủng hộ, hoặc vì họ coi đó là thứ « bệnh trạng xã hội » thông thường, phải có thời gian và hoàn cảnh mới dần dần khắc phục được. Nhất là ở nơi nào cấp uỷ mắc sai lầm hữu khuynh trong công tác tư tưởng và công tác lãnh đạo, thì chủ nghĩa cá nhân lại càng được dung dưỡng và lớn lên không ngừng.

Biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên ta thường xoay quanh hai khâu lớn: trong chiến đấu là cuộc đấu tranh giữa vấn đề sống và chết, trong thời bình là cuộc đấu tranh giữa vấn đề cống hiến và hưởng thụ.

Trong thời kỳ hoạt động bí mật và thời kỳ kháng chiến, ranh giới dễ phân biệt chủ nghĩa cá nhân là khi tiết cách mạng trước uy vũ của kẻ địch là tinh thần dũng cảm hy sinh trong chiến đấu, công tác hay tư tưởng cầu an bảo mạng, đầu hàng rút lui.

Trong thời kỳ hoạt động bí mật và thời kỳ kháng chiến, chủ nghĩa cá nhân thường biểu hiện trong sự tính toán được, mất trước yêu cầu phải phấn đấu hy sinh để chiến thắng quân thù. Từ đó sinh ra câu an bảo mạng:

tăng cường bồi dưỡng...

trước sức mạnh của địch, không dám chiến đấu, hy sinh để giành thắng lợi; trước hoàn cảnh phức tạp thì lừng chừng, do dự, không dám anh dũng chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Trong Cách mạng tháng Tám cũng như trong cuộc kháng chiến lâu dài, đã có những người bị chủ nghĩa cá nhân làm cho dao động trước cuộc chiến đấu gay go quyết liệt chống quân thù, không hoàn thành nhiệm vụ hay nửa đường bỏ dở nhiệm vụ. Thậm chí có những người sa ngã, rời bỏ hàng ngũ cách mạng.

Ngày nay, miền Bắc nước ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh hòa bình, chủ nghĩa cá nhân thường biểu hiện trong việc tính toán giữa cống hiến và hưởng thụ. Những người bị chủ nghĩa cá nhân chi phối thường đòi hỏi địa vị cá nhân, suy bì dãi ngộ, do đó, trước yêu cầu cống hiến thật nhiều cho chủ nghĩa xã hội, họ đã tìm tòi mọi cách lẩn tránh để làm khó bề. Khi nhiệm vụ đòi hỏi phải chăm lo xây dựng đời sống chung, xây dựng nền nếp làm ăn tập thể, họ lại toan tính đến con đường riêng tư; trước yêu cầu xây dựng con người mới, nếp sống mới, phù hợp với chế độ xã hội mới, họ lại không muốn vứt bỏ những tàn dư tư tưởng, tác phong lối sống của xã hội cũ. Trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, đã có những người vì bị chủ nghĩa cá nhân chi phối mà có thái độ giao động, hoài nghi. Họ luôn luôn bị chủ nghĩa cá nhân ám ảnh, giày vò, mỗi khi làm việc gì, chủ nghĩa cá nhân lại buộc họ dằn đo suy tính, cân nhắc từng ly từng tý: nào là được gì, mất gì, quyền lợi địa vị như thế nào, hưởng thụ ra sao, v.v... Nhất là khi có mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, thì sự suy tính dằn đo càng làm cho họ vô cùng khổ sở.

Do nhiệt tình cách mạng giảm sút, do lập trường cách mạng không vững vàng, người

mang nặng chủ nghĩa cá nhân rất dễ đi đến những sai lầm về chính trị. Về mặt này, chúng ta có thể lấy một vài sự kiện lớn trong khoảng thời gian 10 năm gần đây làm dẫn chứng : khi Đảng ta phát hiện sai lầm trong cái cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, bọn Nhân văn —

Giai phẩm lợi dụng thời cơ tiến công vào cách mạng, vào Đảng ta, thì trong nội bộ Đảng, một số người mang nặng ý thức cá nhân chủ nghĩa cũng đã vùng dậy công kích một số chủ trương chính sách của Đảng, phủ nhận thành tích cái cách ruộng đất, phủ nhận sự cần thiết của chuyển chính vô sản, đã kích vào đường lối căn bản của Đảng, cổ động cho chủ nghĩa tự do tư sản, đòi một thứ dân chủ cực đoan không có lãnh đạo, đòi thị trường tự do cho chủ nghĩa tư bản, v.v...

Những năm gần đây, khi trong phong trào Cộng sản quốc tế xuất hiện cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai đường lối, chủ nghĩa cá nhân, lại có dịp ngóc đầu dậy. Nó mượn những lý luận và quan điểm của chủ nghĩa xét lại hiện đại để phân đôi phương châm tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, đòi lấy biện pháp kích thích bằng lợi ích vật chất, biện pháp tổ chức để thay thế công tác chính trị, công tác tư tưởng. Trong công tác xây dựng Đảng, nó đòi xét lại xem nên nếp sinh hoạt chính trị của các tổ chức Đảng, việc quản lý tư tưởng cán bộ, đảng viên có « công thức, nặng nề » không...

Mất đầu được nguy trang dưới hình thức nào, chủ nghĩa cá nhân thực chất là muốn buông lỏng sinh hoạt Đảng, buông lỏng ngọn cờ công tác tư tưởng, muốn sinh hoạt thoải mái, muốn từ bỏ nguyên tắc rèn luyện tư tưởng, đấu tranh phê bình và tự phê bình trong Đảng, muốn hưởng thụ nhiều hơn cống hiến.

Tưóc kẻ thù vô cùng xảo quyệt và hung

ác đang đàn áp, bóc lột nhân dân ta ở miền Nam và âm mưu phá hoại thành quả lao động của nhân dân ta ở miền Bắc, nhiệm vụ cách mạng của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay rất nặng nề, nó đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên, phải có dũng khí, quyết tâm cao, phải anh dũng hy sinh phấn đấu, mới hoàn thành được. Nhưng chủ nghĩa cá nhân lại có ảo tưởng muốn thay thế đường lối cách mạng bằng đường lối hành động « ôn hòa », « mềm mỏng », khôn khéo », ít gian khổ hy sinh hơn, có thể nghỉ ngơi nhiều, mau hưởng thụ, và giữ được cái « tôi » thoải mái, vừa được tiếng là đã hoàn thành » nhiệm vụ cách mạng. Về mặt chính trị mà xét, những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân thường ngại gian khổ, hy sinh, không triệt để cách mạng, do đó, họ thường đi vào con đường hữu khuynh tiêu cực, điều hòa giai cấp, thậm chí, nếu không kịp thời ngăn chặn có thể sẽ đi đến đầu hàng, phản bội giai cấp. Đôi khi bề ngoài họ tỏ ra rất « tã » muốn đánh một cú đấm tãi, « được ăn cả, ngã về không », nhưng thực chất rất hữu, sợ hy sinh gian khổ, ngại phấn đấu lâu dài.

Chủ nghĩa cá nhân không những đặt lợi ích của cá nhân mình, gia đình mình cao hơn lợi ích của người khác, gia đình khác, mà còn đưa đến tư tưởng bản vị, cực bộ, chỉ thấy lợi ích của đơn vị mình, cơ quan mình, địa phương mình mà không thấy lợi ích của đơn vị, cơ quan, địa phương khác. Trong quan hệ quốc tế, người mang ý thức cá nhân chủ nghĩa không thể có tinh thần quốc tế vô sản cao cả, mà rất dễ sa vào bệnh vị kỷ dân tộc hoặc sô vanh nước lớn.

Về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, giữa lãnh đạo quần chúng, người mang ý thức cá nhân chủ nghĩa đương nhiên không thể thực hiện dân chủ thật sự : đối với cấp trên thì họ phản đối tập trung, đối với cấp dưới thì họ

chuyên quyền độc đoán. Xuất phát từ quan điểm cá nhân chủ nghĩa, họ thổi phồng vai trò cá nhân, hạ thấp vai trò quần chúng, chỉ một chiều thấy vai trò của cá nhân mà không thấy sức mạnh của quần chúng. Vì thế, đối với đồng chí, đồng đội, họ thường không có tình thương yêu giai cấp, đoàn kết giai cấp.

Về mặt tổ chức, người mang ý thức cá nhân chủ nghĩa thường hành động tùy tiện theo ý riêng, không muốn có nguyên tắc kỷ cương nào ràng buộc cái « tôi » của họ cả. Họ chỉ muốn lợi dụng tổ chức, lợi dụng cương vị công tác để xây dựng uy quyền cá nhân; họ đặt tổ chức dưới cá nhân lấy tổ chức làm công cụ phục vụ cá nhân. Tư tưởng và hành động của họ thường khuôn theo « thời thế » có lợi cho ý định riêng của họ, nói và làm tính nguyên tắc trong lý luận và trong thực tiễn cách mạng nên họ rất dễ rơi vào chủ nghĩa thực dụng: cái gì có lợi trước mắt, hợp với mình thì cho là phải, không đếm xỉa gì đến chân lý khách quan.

Người mang ý thức cá nhân chủ nghĩa, khi gặp hoàn cảnh công tác thuận lợi, có ít nhiều thành tích, hoặc ý kiến nêu lên được quần chúng nghe theo, hoặc người khác có khuyết điểm, mình có ưu điểm, nếu không có đủ sáng suốt và nghị lực để đấu tranh thẳng cái « tôi » của mình, thường có thể đi đến coi thường tổ chức, xem khinh đồng chí,

xem nhẹ công lao tập thể, thổi phồng thành tích cá nhân, sinh ra hân học, kèn cựa, dè dặt người khác để làm nổi mình, do đó dẫn đến mất đoàn kết nội bộ, gây hỗn loạn trong công tác và sinh hoạt. Chủ nghĩa cá nhân là nguồn gốc của muôn vàn tội ác, nó làm cho con người về nhận thức cũng như về tư tưởng, trong sinh hoạt thông thường cũng như trong sinh hoạt chính trị, luôn luôn có những vướng mắc, bế tắc không lối thoát, thậm chí đi đến sai lầm tội lỗi; nó khiến cho con người trở thành bé nhỏ, ti tiện, mất dần phẩm chất và khi tiết cá nhân.

« Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng triệt để nhất, vi đại nhất. Muốn làm người chiến sĩ cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải luôn luôn giữ vững lý tưởng của chủ nghĩa Cộng sản, luôn luôn phát huy tinh thần của chủ nghĩa anh hùng tập thể. » Muốn làm người chiến sĩ cách mạng xã hội chủ nghĩa mà còn mang trong mình một mớ tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, luôn luôn chỉ nghĩ đến mình, đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích tập thể, thì không thể phát huy được ý chí cách mạng, tinh thần sáng tạo, không thể vượt mọi khó khăn gian khổ để phục vụ cho lý tưởng cao cả của mình. Do đó, muốn đóng góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, muốn trở thành người chiến sĩ Cộng sản chân chính, thì phải kiên quyết đấu tranh khắc phục triệt để chủ nghĩa cá nhân là mặt đối lập, là kẻ thù không đội trời chung của chủ nghĩa tập thể.

TĂNG CƯỜNG BỒI DƯỠNG CHỦ NGHĨA TẬP THỂ KIÊN QUYẾT CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

TRONG sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không những phải tiến hành cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất nhằm xóa bỏ chế độ tư hữu, xây dựng chế độ sở hữu

cộng đồng về tư liệu sản xuất, không những phải tiến hành cuộc cách mạng kỹ thuật nhằm xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, mà còn phải tiến hành

cuộc cách mạng về tư tưởng, văn hóa nhằm xây dựng những con người mới có tư tưởng xã hội chủ nghĩa làm cho hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của nước ta và trở thành hệ tư tưởng của toàn dân, trên cơ sở đó mà xây dựng đạo đức mới của nhân dân ta.

Chế độ tư hữu vốn đối lập với chủ nghĩa xã hội, cho nên chủ nghĩa cá nhân — sản phẩm của chế độ tư hữu — không thể không trở thành đối tượng của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên mặt tư tưởng. Ngược lại, chủ nghĩa tập thể là bản chất tư tưởng của giai cấp vô sản, là nguyên tắc cơ bản của nền đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Như nước với lửa, chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân không thể song song tồn tại: hoặc là chủ nghĩa tập thể chiếm lĩnh trên địa, hoặc là chủ nghĩa cá nhân chiếm lĩnh trên địa. Đó là cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp và hai đường lối trên lãnh vực tư tưởng.

Muốn xây dựng chủ nghĩa tập thể, khắc phục chủ nghĩa cá nhân, mỗi người chúng ta cần thấy rõ tính chất ưu việt, tích cực của chủ nghĩa tập thể và tính chất xấu xa, nguy hiểm của chủ nghĩa cá nhân đối với sự nghiệp cách mạng cũng như đối với bản thân mình. Trước hết, cần nhận rõ: chế độ xã hội chủ nghĩa không còn cơ sở kinh tế, xã hội và chính trị cho chủ nghĩa cá nhân sinh tồn và phát triển. Theo quy luật khách quan đó, dưới chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cá nhân nhất định sẽ bị tiêu diệt. Tuy nhiên, ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội. Việc xây dựng và củng cố chủ nghĩa tập thể, khắc phục triệt để chủ nghĩa cá nhân đối với chúng ta còn là một quá trình phấn đấu lâu dài. Cho nên, mỗi cán bộ, đảng viên, phải ra sức bồi dưỡng chủ nghĩa tập thể, kiên quyết thanh toán chủ nghĩa cá nhân, góp phần tích cực

trong việc đẩy mạnh đã phát triển của cách mạng.

Hiện nay, ở miền Bắc nước ta, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi có tính chất quyết định, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã chiếm địa vị thống trị trong nền kinh tế quốc dân, cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội đang được tích cực xây dựng. Đi đôi với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và cuộc cách mạng kỹ thuật, việc bồi dưỡng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, nâng cao ý thức tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong cuộc cách mạng về tư tưởng. Đặc biệt là đối với cán bộ, đảng viên ta, muốn làm được nhiệm vụ lãnh đạo, phát huy được tác dụng tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà, vấn đề tăng cường bồi dưỡng chủ nghĩa tập thể, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân càng trở nên một nhiệm vụ hết sức cấp bách.

Ở miền Bắc hiện nay, toàn thể nhân dân ta đã làm chủ xã hội. Tư tưởng tập thể xã hội chủ nghĩa là tư tưởng chính thống đang chi đạo mọi người hành động, là động lực thúc đẩy cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên. Tư tưởng cá nhân chủ nghĩa là tư tưởng không hợp pháp, cản trở sự phát triển của cách mạng, do đó cần phải kiên quyết chống lại nó, coi nó là kẻ thù tư tưởng ghê tởm nhất của mỗi người chúng ta.

Sự nghiệp cộng sản chủ nghĩa là sự nghiệp tập thể vĩ đại, không dựa vào lực lượng tập thể thì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa không thể thực hiện được. Vì vậy, nguyên tắc cơ bản của đạo đức cộng sản chủ nghĩa là chủ nghĩa tập thể, nó hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa cá nhân, cơ sở đạo đức của giai cấp bóc lột. Chủ nghĩa tập thể sinh ra và lớn lên cùng với giai cấp công nhân. Khi chưa giành được chính quyền, giai cấp công nhân là người bị áp bức, bóc lột nặng nề

nhất trong xã hội, họ không có một thứ tài sản nào khác ngoài sức lao động. Nhưng họ là những người lao động tập thể trong các xí nghiệp quy mô, hiện đại, có sự phân công, phối hợp rất chặt chẽ trong nền sản xuất xã hội. Công nhân hành sản xuất được. Cho nên, trong lao động sản xuất đương nhiên là người họ phải giúp đỡ người kia, phải nương nhờ lẫn nhau, hợp tác với nhau mới có được thành quả lao động. Trong cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột, mỗi người công nhân phải được sự ủng hộ tập thể của giai cấp mình, mỗi nhà máy phải được sự ủng hộ của các nhà máy khác thì cuộc đấu tranh mới có thể đi đến thắng lợi. Có thể nói trong cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột, sức mạnh đoàn kết chiến đấu là thứ vũ khí tốt nhất của giai cấp công nhân, bảo đảm cho họ chiến thắng kẻ thù.

Kinh nghiệm thực tiễn đã làm cho giai cấp công nhân hiểu biết sâu sắc rằng: trong lao động sản xuất cũng như trong đấu tranh, sự đoàn kết nhất trí, sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau là điều không thể thiếu được. Được sự giáo dục của Đảng, họ lại hiểu biết đầy đủ rằng vận mệnh cá nhân của mình và vận mệnh của toàn thể giai cấp là không thể tách rời nhau. Hành động tập thể của giai cấp công nhân trong sản xuất, trong đấu tranh đã tạo nên sức mạnh vô cùng to lớn; nó đã trở thành một nguyên tắc hành động, nguyên tắc đạo đức của loài người tiến bộ.

Trước đây, khi nước ta còn bị đế quốc và phong kiến thống trị, giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng đã biết vận dụng tinh thần của chủ nghĩa tập thể, biết phát huy sức mạnh của sự đoàn kết

nhất trí để tập hợp, tổ chức tất cả những người yêu nước thành một khối thống nhất, một lực lượng vô địch nhằm đấu tranh chống áp bức bóc lột, tiến tới lật đổ nền thống trị của kẻ thù giai cấp.

Ngày nay, trên một nửa đất nước đã được giải phóng, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp thống trị xã hội; họ có nhiệm vụ lãnh đạo toàn thể nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, góp phần giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất Tổ Quốc. Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp vĩ đại của toàn thể nhân dân ta. Muốn cải tạo được xã hội, trước hết phải cải tạo con người muốn chủ nghĩa xã hội toàn thắng, trước hết phải làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa làm chủ trong mỗi người chúng ta. Mấu chốt của việc bồi dưỡng tư tưởng xã hội chủ nghĩa là làm cho mỗi người giải quyết đúng mối quan hệ giữa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân, biết hành động theo nguyên tắc « đặt lợi ích của tập thể, lợi ích của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân; khi có mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể thì phải hy sinh lợi ích cá nhân, phục tùng lợi ích tập thể ». Đối với mỗi thành viên trong xã hội, xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc đó biểu hiện mối quan hệ đúng đắn giữa cá nhân với xã hội. Đối với mỗi cán bộ, đảng viên, nó biểu hiện mối quan hệ đúng đắn với cá nhân đảng viên với Đảng, là vấn đề thuộc về tính đảng. Bất kỳ cán bộ, đảng viên nào muốn góp phần tích cực xây dựng xã hội chủ nghĩa, — một chế độ xã hội dựa trên cơ sở của chủ nghĩa tập thể khoa học — đều phải biến nguyên tắc nói trên thành ý thức và hành động của mình.

Tập thể là do nhiều cá nhân hợp thành. Mỗi cá nhân trong tập thể chẳng khác gì một tế bào trong cơ thể. Tế bào có lành mạnh thì cơ thể mới cường tráng, cơ thể có cường tráng thì

tăng cường bởi dưỡng...

các tế bào mới có điều kiện phát triển. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, mỗi thành viên có hết lòng chăm lo xây dựng đời sống chung thì xã hội đó mới được củng cố và phát triển. Xã hội chủ nghĩa có được củng cố và phát triển thì lợi ích cá nhân mới được bảo đảm. Do đó, trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể về căn bản là nhất trí; lợi ích tập thể ngày càng tăng thì lợi ích cá nhân cũng có điều kiện ngày càng được thỏa mãn; trái lại, ích lợi tập thể bị thiệt hại thì lợi ích cá nhân cũng bị ảnh hưởng. Đương nhiên, có khi lợi ích cá nhân có thể mâu thuẫn với ích lợi tập thể, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn tạm thời, cục bộ và không căn bản.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã và đang thấu suốt tinh thần cách mạng của chủ nghĩa tập thể. Hàng ngày hàng giờ đã có hàng triệu người dâng cảm lao động và chiến đấu quên mình nếu cao ngọn cờ của chủ nghĩa tập thể. Dưới hầm mỏ, trong nhà máy; với khí thế "mỗi người làm việc bằng hai", những công nhân đang hăng say ngày đêm khai thác, sản xuất ra bao nhiêu tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng; trên khắp bản làng, đồng ruộng, với tinh thần làm chủ nông thôn, làm chủ hợp tác xã, những người nông dân không quản vất vả đang sôi nổi thi đua phấn đấu để chiến thắng thiên nhiên nhằm đạt mục tiêu "năng suất cao, hoa màu nhiều, cây công nghiệp tăng, chăn nuôi giỏi". Trên bãi tập, với khẩu hiệu "Đồ trận địa", những chiến sĩ quân đội nhân dân đang ngày đêm rèn luyện để sẵn sàng đập tan mọi âm mưu đen tối của kẻ thù. Trên các đồn biên phòng hào lánh, trên các hải đảo xa xôi, những chiến sĩ công an đang năm chắc tay súng, mắt không rời mục tiêu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ bản làng. Trong các cơ quan nghiên cứu, cán bộ ta ngày đêm say mê

tìm tòi, phát minh sáng chế để phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng. Để xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, bao nhiêu nam nữ thanh niên đã nhất quyết "không chịu làm bông hoa trong phòng xanh mát rượi, mà làm cây tùng, cây bách đứng trước gió hiên ngang sẵn sàng tới bất cứ nơi nào Tổ quốc cần đến, sẵn sàng lao mình vào nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu. Trên tuyến đầu Tổ quốc, đồng bào ta hăng ngày hăng giờ đang đấu tranh và cùng quyết liệt với bọn xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai để giải phóng một nửa đất nước thân yêu, đưa miền Nam ruột thịt về với Tổ quốc Việt-nam thống nhất. Tất cả những tấm gương sáng chói đó là kết quả của quá trình rèn luyện lâu dài gian khổ của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhằm thấu suốt quan điểm lao động, quan điểm chiến đấu, bồi dưỡng nhiệt tình cách mạng, thấm nhuần những nguyên tắc của chủ nghĩa tập thể biết đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân. Đó là những trường học đại đang đào tạo lớp người mới mang ý thức xã hội chủ nghĩa, tập thể chủ nghĩa.

Tinh thần tập thể chủ nghĩa của người cộng sản không chỉ dừng lại ở quan hệ giữa cá nhân với tập thể, nó còn biểu hiện trong tinh thần yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả. Người cộng sản thiết tha yêu mến Tổ quốc mình, vì họ đã cùng hàng nghìn, hàng vạn người lao động khác, dùng bàn tay và khối óc của mình để sáng tạo nên bao nhiêu của cải vật chất và công trình văn hóa, làm cho Tổ quốc ngày thêm giàu đẹp. Cho nên họ ra sức quyết bảo vệ những thành quả lao động của mình. Mặt khác, họ cũng mong muốn cho nhân dân lao động các nước khác đều được hạnh phúc yên vui, họ hết sức qui trọng Tổ quốc của các dân tộc khác. Họ đoàn kết chặt chẽ với

nhân dân lao động ở tất cả các nước, cùng đấu tranh chống lại mọi áp bức bóc lột cùng xây dựng một thế giới hòa bình hạnh phúc, không có chế độ người bóc lột người. Họ chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và chủ nghĩa sô vanh nước lớn. Đối với người công sản, tình thân yêu nước chân chính và tình thân quốc tế vô sản là hoàn toàn nhất trí.

Trái với quan điểm đứng đắn nói trên, những người theo chủ nghĩa xét lại hiện đại lấy chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sô vanh (4) nước lớn làm nguyên tắc chỉ đạo mọi hành động của họ. Họ đang âm mưu gây chia rẽ công khai trong phong trào cộng sản quốc tế, phá hoại chủ nghĩa tập thể, phá hoại cách mạng thế giới để dễ bề thỏa hiệp và hợp tác với chủ nghĩa đế quốc. Đứng trước tình hình ấy, Đảng ta luôn luôn giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng phải bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, bảo vệ sự đoàn kết nhất trí của phong trào cộng sản quốc tế, bảo vệ chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Đảng ta cũng luôn luôn nhắc nhở mỗi người chúng ta phải thường xuyên học tập chủ nghĩa Mác—Lê-nin để xây dựng cho mình một thế giới quan và nhân sinh quan đúng đắn. Có hiểu được sâu sắc chủ nghĩa Mác—Lê-nin, xác định được nhân sinh quan cách mạng, mới có cơ sở vững vàng để bồi dưỡng chủ nghĩa tập thể, tăng cường ý chí chiến đấu, nêu cao tinh thần trách nhiệm phát huy tính chủ động sáng tạo dám nghĩ dám làm để cống hiến ngày càng nhiều hơn cho chủ nghĩa xã hội.

Mỗi đồng chí chúng ta cần kết hợp sự cố gắng bản thân với sự giúp đỡ của tập thể, kiên quyết bồi dưỡng chủ nghĩa tập thể và chống chủ nghĩa cá nhân. Đối với mình, phải luôn luôn nghiêm khắc kiểm tra, nếu có ý thức cá nhân chủ nghĩa thì phải thành khẩn bộc lộ và ra sức đấu

tranh để khắc phục. Đối với người khác, cần thường xuyên giúp đỡ, nhắc nhở họ cảnh giác đối với chủ nghĩa cá nhân; nếu thấy có hiện tượng chủ nghĩa cá nhân nào xâm nhập vào tổ chức, vào đồng chí thì phải kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng.

Phải luôn luôn quản lý chặt chẽ tư tưởng của mỗi người, không để cho chủ nghĩa cá nhân có chỗ len vào hoạt động. Trong sinh hoạt, trong công tác hằng ngày, không được chủ quan lơ lửng, coi thường những biểu hiện nhỏ của chủ nghĩa cá nhân; phải đề phòng tình trạng một đ. mỗi có thể làm vỡ một quả đ. dài, gây thành nạn lụt lớn.

Để chiến thắng chủ nghĩa cá nhân, phải phát huy cao độ hiệu lực của vũ khí phê bình và tự phê bình, đồng thời hết sức tránh tình trạng lợi dụng vũ khí phê và tự phê bình để đ. kích lẫn nhau, gây tình trạng mất đoàn kết nội bộ. Phải nắm vững nguyên tắc xuất phát từ mục đích đoàn kết mà tiến hành phê bình, đấu tranh nội bộ để tăng cường đoàn kết, tránh dùng "đao to búa lớn", "đánh một đ. chết mười", "nói cho h. dạ", làm cho người được phê bình khó tiếp thụ hoặc không tiếp thụ được.

Hiện nay, trong công tác tư tưởng, Đảng ta đ. ra nhiệm vụ chống ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại hiện đại xâm nhập vào nội bộ Đảng. Chúng ta cần chú ý nghiên cứu, phân tích mối quan hệ giữa chủ nghĩa xét lại hiện đại và chủ nghĩa cá nhân, nắm huy luật vận động của nó, có biện pháp ngăn chặn, quét sạch ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại hiện đại ngay từ khi nó mới nảy mầm. Chúng ta không đ. cho chủ nghĩa xét lại hiện đại lây

(4) Phân âm chữ Pháp: CHAVINISME, là chủ nghĩa yêu nước cực đoan, coi nước mình trên mọi nước khác. L.T.S

chủ nghĩa cá nhân làm chỗ dựa và ngược lại, cũng không dễ cho chủ nghĩa cá nhân hoặc vô tính hoặc hữu ý tiếp tay cho chủ nghĩa xét lại hiện đại.

Kết hợp với việc chống chủ nghĩa cá nhân, chúng ta cũng cần tích cực chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, hòa bình chủ nghĩa, vì các loại tư tưởng này vốn cùng một nguồn gốc xã hội và có mối quan hệ khăng khít tư tưởng cá nhân chủ nghĩa.

Muốn tăng cường bồi dưỡng chủ nghĩa tập thể thì phải tích cực chống chủ nghĩa cá nhân; ngược lại, muốn triệt để chống chủ nghĩa cá nhân, phải ra sức xây dựng chủ nghĩa tập thể vững mạnh. Đó là hai nhiệm vụ để đạt một mục đích: xây dựng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm cho hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa trở thành hệ tư tưởng của toàn dân ta.

*

N G A Y nay trên miền Bắc nước ta, chủ nghĩa tập thể đã giành được thắng lợi căn bản, chế độ tư hữu đã và đang bị xóa bỏ. Tư tưởng của chủ nghĩa tập thể, tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã chiếm địa vị chủ đạo. Nhưng, theo quy luật đấu tranh cách mạng thì việc cải tạo kinh tế thường không gặp nhiều khó khăn, gian khổ và lâu dài bằng việc cải tạo tư tưởng; việc

xóa bỏ chủ nghĩa tư bản không gặp nhiều khó khăn bằng xóa bỏ tư tưởng của giai cấp bóc lột; việc xây dựng quan hệ sản xuất mới không gặp nhiều khó khăn, phức tạp bằng việc xóa bỏ những tập quán của nền sản xuất cá thể, những tập quán đã ăn sâu bám rễ vào cuộc sống của hàng chục triệu người trong hàng chục thế kỷ dưới chế độ phong kiến và thực dân. Thêm vào đó, trong thời gian gần đây, chủ nghĩa xét lại hiện đại đang cố gắng tranh thủ đồng minh để hoạt động, thì tư tưởng cá nhân chủ nghĩa lại càng có cơ hội ngóc đầu dậy.

Cuộc đấu tranh để xây dựng tư tưởng của chủ nghĩa tập thể và xóa bỏ tư tưởng chủ nghĩa cá nhân là một cuộc đấu tranh rất phức tạp và rất lâu dài. Mỗi đồng chí chúng ta phải có đầy đủ quyết tâm giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa tập thể, mở những đợt tấn công liên tục và quyết liệt vào dinh lũy của chủ nghĩa cá nhân, phá tan những lỗ cốt cố thủ cuối cùng của nó. Xã hội chúng ta, với cơ sở của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh, đang tạo đầy đủ điều kiện thuận lợi để hoàn toàn chiến thắng chủ nghĩa cá nhân, giành thắng lợi triệt để cho chủ nghĩa tập thể. Trong việc tu dưỡng tư tưởng của mỗi đồng chí chúng ta, có bồi dưỡng được chủ nghĩa tập thể, chiến thắng được chủ nghĩa cá nhân hay không, đó chính là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá phẩm chất và đạo đức của người chiến sĩ cộng sản.

SONG-HÀO

SỐ ĐUÔI, SỐ ĐỀ

Phép tính xác suất cho biết trong 100 số, nếu bạn mua đến 21 số khác nhau, thì bạn có đến 7% phần trăm trúng ít ra là một số. Quả số 21, tỷ lệ trúng lại yếu dần.

Cũng theo máy điện toán, trong 10 con số — từ đến số 0 đến số 9 — mấy số 2, 4, 8, 9 thường ra nhiều nhất trong các cuộc số số. Mấy số 5, 7, 1, ra ít nhất. Vì thế, nếu bạn có gan mua mấy số 24, 42, 84, 48, 29, 92 v.v... trong nhiều kỳ thì bạn rất có thể có lần được đến một gấp mấy nghìn.

dương nghiễm mậu
TRUYỆN

SỚM MAI

Buổi sáng bắt đầu chiếu ánh nắng xuống khoảng sân cỏ, trên những phiến lá xanh non, người trẻ tuổi ngồi nơi tam cấp nhìn ra phía cửa nhà nguyệt, con đường đưa xuống phía nhà xác có mấy người ăn mặc chỉnh tề đứng nói chuyện từng tốp nhỏ, hồi chuông nơi nhà nguyệt ngày hôm qua báo tin một người vừa qua đời... Người lớn tuổi chống nạng từ trong dãy hành lang đi xuống nhìn người bạn mỉm cười.

— Đêm qua ngủ ngon không?

— Ngủ rất ngon, mơ thấy được trở về nhà...

Người lớn tuổi ngồi xuống, bỏ chiếc nạng chống xuống khoảng cỏ ở bên:

— Trở về nhà, hôm trước, đã lâu tôi có kể câu truyện ấy cho một người bạn vào thăm nghe, câu truyện của một giấc mơ hết sức nhẹ nhàng và kỳ cục, tôi thấy tôi trở về nhà, đóng lá cửa nhà những năm thơ ấu, vẫn còn đó hàng

dậu xanh với những bông dâm bụt đỏ chói tươi vui, vẫn khoảng sân đất rộng với vườn cây phía sau, vẫn mái nhà ngói nâu cũ thân mật, nhưng tôi không thấy bóng dáng một người, tôi kêu lớn nhưng không có tiếng ai đáp lại... Sau đó tôi không biết mình đã làm thế nào mà thấy bay đi bay lại trên mái nhà... Người bạn cười tôi: làm gì có nhà nữa mà trở về...

Tiếng người bạn mơ hồ quanh quất trong không khí lạnh lẽo buổi sớm mai. Hai người bỗng cùng im lặng nhìn đám tang đi vào nhà nguyệt, chiếc quan tài màu gỗ bóng trên vai những phu đám mặc quần áo đen, những người khăn tang áo trắng lặng lẽ đi phía sau, không có một tiếng khóc nào. Đám người theo cổ quan tài vào trong nhà nguyệt, lúc sau tiếng chuông ngân vang. Người trẻ tuổi đứng lên:

— Minh ra đây kia phơi nắng chút đi, da tôi mãi trong rệp miết rồi như con thằn lằn...

Người trẻ cúi cầm cái nạng lên đưa cho người bạn, hai người đi qua nhà nguyện tới khoảng trống phía giữa sân bệnh viện, tiếng đọc kinh rì rào phía sau và loảng đần. Người xuống ghế đã người lớn tuổi nói :

— Người này chết sung sướng nhỉ, chẳng có ai khóc...

— Chắc già rồi, người có phúc mới được sung sướng, thời buổi này có mấy người được chết như thế...

— Ông thân tôi chết vì nước độc năm tuốt mồi trên mạn ngược, mẹ tôi mất sớm đến cha tôi cũng khóc ngất, đời sống bọn mình thực tệ, không ra thế nào cả...

Người trẻ cười, vẻ ngậm ngùi ngửa mặt lên trời nằng chối, không khi ếm ả vấy quanh. Tôi cũng không có niềm hạnh phúc nào để nhớ : con ngựa chết kéo chạy trong chợ huyện, chiếc hăm và người cha những ngày chót trước khi lên đường. Ông còn sống hay đã chết ?

— Anh cũng còn hạnh phúc hơn tôi, một yên tâm...

— Ông cụ anh vẫn còn ở ngoài, từ ấy đến nay anh có được tin tức gì không ?

— Tôi mong ông cụ tôi đã chết, như vậy có thể tốt hơn...

— Bọn mình đều có vẻ độc ác.

— Không đâu, tôi không nghĩ như anh, đã không mong tội ghê cha tôi cũng không thể sống được, làm sao để tôi tưởng tượng được rằng cha tôi có thể sống hơn hai mươi năm dưới một cái hăm không chót ánh sáng, lại nữa, nếu ông lên khỏi cái hăm đó người ta có để cho ông được sống không, nếu cho thì liệu cha tôi có thể chấp nhận được những điều sẽ đến không ? Tôi mong ông đã chết. Tôi muốn được yên tâm như thế...

— Tôi không thể tưởng được về những điều anh đã nói...

— Chính tôi, nhiều khi tôi cũng tự hỏi, đó có phải là sự thực không, hay mình sống ở trong một cơn mê nào, nhưng đó là sự thực. Tôi còn nhớ như in đây... Nhưng sao lại như thế ?

— Thế sao anh không đưa ông cụ vào trong này, tình trạng ông cụ hồi ấy ra sao, tôi không hiểu...

— Thực thế, nhưng câu truyện đâu có đơn giản, để tôi trở lại câu truyện ấy, tôi cũng muốn được anh giúp đỡ...

— Anh thực tình nghĩ thế !

— Vì tôi nghĩ, anh cũng thuộc vào thế hệ cha chú tôi, anh có thể trả lời được những điều mà đáng lý ra cha tôi phải trả lời, tôi tin anh hiểu rõ...

— E rằng tôi cũng không giúp được gì cho anh, và lại anh cũng nên nhìn thấy những khác biệt ngay trong lớp tuổi chúng tôi, cùng thế hệ nhưng mỗi người theo một đường, có những chung đồng nhưng cũng có những cá biệt, anh đã thấy tôi, cuộc chiến từ đó về nay được tặng cho nó một cái chân và một tâm thức đã mới... trong khi có những bạn mình nay đang đứng ở bờ bên kia gọi mình là lính nguy, anh em một nhà bởi mặt vào cuộc đấu... có lẽ cha anh giống tôi một phần, cái ảo tưởng, như một niềm tin và thực tế thức bách. Nhưng anh, anh đã nói gì với ông.

— Để tôi trở lại câu truyện...

Như anh thấy đó, cuộc sống ở quê hương tôi những ngày trở về như cuộc sống của một cõi âm, có cây quạnh bầu buồn bã, người sống tan hoang. Ngày một cơn, đêm một cuộc sống. Cái chết tình cờ. Tôi trở về một mong ước tìm lại, nhưng tất cả đã vỡ một thiên đường

tuổi thơ... Tôi cũng đã biết một sự thật ? Cha tôi với căn hầm thì giữa một lựa chọn khe nứt. Tôi đã nhìn thấy ông. Cha tôi nói với tôi cuộc hành trình của ông, những ngày tháng tranh đấu cho một lý tưởng, thực tế đẩy ông tới và ông hiểu thì bây giờ anh là phản bội: đi với kháng chiến thì bị anh mưu thành toán, trở về cộng tác với giặc sao. Sau này tôi mới thấu hiểu với những gì mà cha tôi phải chịu đựng. Nhưng không phải vì thế mà tôi không nghĩ tới ông, nghĩ tới ông với những vấn đề từ đầu : sao lại để cho mình phải đứng ở một chỗ như thế ! Tôi hỏi cha tôi : cha định sống mãi như thế này sao ? Cha tôi nhìn ngẩn nhìn tôi, đôi mắt vẫn còn một tình thần nào đó, trong bóng tối tôi có cảm tưởng như ông đang cố gắng nhìn tôi với một tim hiểu. Tôi không quên được cái nhìn lặng lẽ đó. Những nếp nhăn trên trán, cha tôi chậm chạp, giọng vững vàng : Không, cha nghĩ tới con đường rã khỏi cái hầm này, nhưng bây giờ thì chưa. Thái độ của cha tôi khiến tôi lóe lên một niềm tin. Tôi hỏi : tôi bao giờ ? Cha cũng chưa biết, nhưng cha tin nó phải đến, những người như cha đang đứng ở hai bên một mặt trận, họ sẽ nhìn thấy họ và phản tỉnh. Cái mưu đồ của những người ở ngoài khu sẽ sáng tỏ ra, có lẽ phải đợi tới lúc thực dân thất bại... sau này con sẽ hiểu... Những điều cha tôi nói đưa đến cho tôi một tin tưởng mơ hồ, không vững chắc... Nhưng tôi cũng không thể nói được gì lúc đó tôi chưa đủ một nhận thức nhưng cho tới nay thì tôi vẫn quan hoài với những điều đó. Anh, anh lớn hơn tôi anh có nhận thấy không ? Trong ánh sáng mơ hồ của căn hầm, chúng tôi đã nói với nhau thật nhiều điều. Cha tôi nói với tôi từ đầu một lịch sử, một lịch sử được viết lại, cha tôi nói về Tiên Rồng, về huyền thoại lập quốc, những chứng phả của tư tưởng Việt với giống Hán trong suốt quá trình tranh đấu giành tự chủ. Nói tới nước Tàu to

lớn, cha tôi lúc đầu : cái cối đá, hay khối đá
sơn trên vai chúng ta, ngay cả thời độc lập
chúng ta phải lấy nó để được yên, nó loạn thì
minh được nhờ, nó chưa được hóa được mình
đó là giới. Từ trong bài học lịch sử đó cha tôi
nói về vai trò kẻ sĩ trong lịch sử đấu tranh :
thực ra chỉ có một giai tầng thuần nhất và
yêu nước đó là nông dân, kẻ sĩ lưu lạc và dễ
biến tính khi không nhìn thấy cái gốc của
mình... Trong căn hầm tối cha tôi nói về một
trương lai khi kẻ sĩ lãnh đạo nông dân đi trên
một con đường mới thoát ra khỏi hai phe tranh
chấp hiện nay... Tôi chờ đợi, và hai mươi
năm sau tôi vẫn chỉ thấy đó là một mộng tưởng
rực rỡ dành cho những kẻ bại trận... Tôi cũng
đã được nhồi vào trong một cơn mê đắm của
lý tưởng... Anh, anh có bao giờ nghĩ tới những
điều như cha tôi đã nghĩ không ? Sau này,
với những hiểu biết có được, tôi nhìn thấy
những điều cha tôi nói không phải riêng ở cha
tôi, nơi nhiều người khác cùng thời, điều ấy họ
không phải đã hết sức mà nhiều người vẫn
còn tin và nuôi dưỡng về một ngày mai như
thế : khôi phục lại một nước Việt, đưa đất
nước thoát ra trong một đời đời, vượt khỏi
những tranh chấp của hai phe để quốc, dựng
lên một văn hóa... Nhưng tôi, cho đến nay
vẫn chưa nhìn thấy bóng dáng nào về một viễn
tượng như thế, tôi chỉ nhìn thấy tôi, đất nước
tôi ở thân phận một nước nghèo tiểu hèn mọn...
Tôi nói cho cha tôi biết những gì đang diễn
ra trong cuộc sống của tôi : con đường tôi đi
những đồn lính Tây, những trận càn quét vào
trong làng, muốn lấy gì thì lấy, muốn giết ai
thì giết, nhà cửa có thể bị đốt không có gì
bảo vệ, người dân như ngọn cỏ yếu dưới những
tàn phá... Nào đâu đã hết, ban đêm những
người ở bên kia sông trở về nhón vào mặt
người này người khác : phần động, như vậy
là chết. Người bạn của cha tôi khi xưa : ông
phải được cứu, nhưng nếu bắt được cha tôi

họ sẽ cứu như thế nào : một viên đạn hay một mũi dao nhọn. Phải cứu ông ta. Tôi nói với cha tôi. Ông mỉm cười chưa chút ; chữ nghĩa đã biến dạng, đổi nghĩa, nó ngược lại, rồi xoay chiều lại, những yêu nước, cách mạng, tự do... Khuôn mặt cha tôi nhiều lúc thay đổi bất thần, tôi nói : khi hoạt động cha mơ tưởng tới một đời sống như thế nào ? Cha tôi mỉm cười, nhìn tôi ; chắc điều cha mơ tưởng cũng là điều con mơ tưởng, một đời sống tự do, không nô lệ, một đời sống có lẽ phải có hạnh phúc, mình không phải vâng dạ với sai nha, không phải cúi đầu, không phải nhìn thấy những tên nghiêng ngàng, cha tôi nghĩ tới được những điều như hiện nay, tại sao cùng một lý tưởng mà anh em mình lại giết nhau đã hơn hơn giặc cướp... chắc con buồn về những điều con được biết ? Tôi không nói tới câu hỏi của cha tôi. Tôi kể lại ngày sống êm đềm trong gia đình bác tôi cùng với những nóng lòng tha thiết được trở về sống trong gia đình, ở một nơi hạnh phúc hơn, êm đềm hơn nhưng dù thế nào đi nữa tình thân của ruột thịt vẫn lớn lao hơn, tôi nói tới đời sống của bác tôi cho cha tôi nghe, tôi kể lại những buổi sáng, những đêm trăng trên bãi biển cát trắng, những ngày loạn lớt qua nhẹ nhàng trong thị trấn, cuộc trở về của tôi và những ngày sống ở Hà Nội nhìn về quê hương với bao mong ước. Tại sao con lại trở về ? câu hỏi của cha tôi như một oán trách, tôi nói : tôi cũng không rõ nữa, nhưng tôi ước ao được trở về...

Suốt cả thời gian của căn hầm tối, cha tôi chỉ nói với về những gì đã diễn ra, tôi được nghe về những hoạt động của bạn bè cha tôi, tôi mơ hồ hiểu rằng cha tôi có chân trong một đảng kín (sau này tôi hiểu rằng đó là đảng của Nguyễn Thái Học), những hoạt động mạo hiểm với lời kể của cha tôi càng khiến nó có một cuốn hút, trong không khí của một thế giới

chí đó tôi nhìn thấy cha tôi đắm chìm vào trong một hư ảnh rực rỡ, cái dĩ vãng bỗng trở thành một thứ đất sống, trở thành một cái nôi êm đềm... Trong câu chuyện tôi được dẫn tới ngọn Ba-vi cao ngất huyền bí trong sương mù, được đưa tới đi dạo trong thị trấn Lạng Sơn vào mùa mưa có tuyết lạnh, tôi được dẫn vào những con đường núi hiểm trở của vùng Hòa bình hoang vu... tất cả những nơi đó trở thành quê hương, trở thành thánh địa của những người hoạt động cách mạng. Cha tôi nói tới ngày lên đường tới biên giới chờ sang Tàu, nhưng chuyến đi không thành, cha tôi nói tới con đường mà Nguyễn Du khi xưa đã ngang qua trên đường đi sứ... Tôi không được sống, được đi, qua những lời kể cha tôi vẽ ra trong tâm trí tôi những chuyến đi trong mộng tưởng... Khi nói lại những điều đó có lẽ cha tôi, thực tình chỉ muốn được chính mình sống lại một quãng đường mà ông hải lòng, nhưng nó như một ngọn lửa được thổi vào tâm trí tôi, tôi mơ tưởng tới một đời sống như cha tôi đã được sống thực sự... Chỉ trong những câu chuyện cũ ấy tôi mới nhìn thấy nơi cha tôi một đời sống có thực, và chính trong quá khứ ông có, khi gọi lại ông như sống trong một thế giới khác, thế giới của căn hầm tự do tiêu tan... Nhưng có lẽ những điều đó không đến một lần thứ hai... Đó là câu nói tôi nhớ, câu nói chừng như tôi được nghe cha tôi nhắc lại một vài lần trong căn hầm tối... Lịch sử không bao giờ diễn lại cũng như sự may mắn...

Nặng lên mỗi lúc một đầy trong sân bệnh viện, đám tảng đã rời khỏi nhà nguyện, tiếng đường nhỏ và mất dần như bị pha loãng vào bầu trời trong xanh tĩnh khiết.

— Nhưng nếu anh ở trong hoàn cảnh của cha anh, anh sẽ làm thế nào ?

— Tôi không ở trong hoàn cảnh đó.

— Nhưng nếu anh ở trong đó, tôi nói giả dụ.

Người trẻ cười, người lớn nhìn chờ đợi. Không khi lặng lẽ. Một vị linh mục đi từ phía nhà nguyện ra con đường đưa tới cổng bệnh viện. Giọng người lớn tuổi trầm nhẹ :

— Tôi năm 1951 thì tôi và gia đình trở về Hà Nội, ông cụ tôi đã chết, ông anh tôi đi công tác vùng sông Mã không thấy trở về, đồn điền của ông bác tôi bị tịch thu và bà bác thì bị cô lập, gia đình tôi thấy không yên nên trở về, tôi đã nhìn thấy một đổi thay, lúc đó anh cũng biết là cuộc kháng chiến đã đổi khác và là bài Bảo Đại đã được dùng đến. Bọn chúng tôi nhiều người đã chết nhưng những người còn sống thì thấy rõ là chúng tôi phải lựa chọn, con đường chừng như trở thành khác nghiệt, người quốc gia bị mắc bẫy : một là thành người Cộng sản, hai là tự mình biến là thành người Cộng sản, và đợi chết, ba là từ bỏ cuộc kháng chiến mà từ đầu là một chính nghĩa đích thực nhưng chính nghĩa này

sau đã ở trong tay những anh em đệ tam cấp mưu đồ có thủ đoạn. Từ bỏ thì mình có mặc cảm, nhưng nếu tiếp tục thì cũng thấy rõ mình đang được đưa tới đâu. Đó là lựa chọn đau lòng. Nhưng tôi đã lựa chọn và chờ đợi. Mang tiếng phản bội kháng chiến nhưng tôi chờ đợi tới lúc ranh giới được rõ ràng và điều đó đã đến với biển cổ chia hai đất nước. Tôi hy vọng từ đó mình có thể bắt đầu lại. Từ niềm tin đó tôi chiến đấu cho đến nay. Tôi nhận rõ những lỗi lầm, tôi biết trách nhiệm mình phải gánh vác, tôi sống và thoát ra... Và như vậy anh hiểu vì sao tôi hài lòng với cuộc sống của mình. Các anh, ở sau thời chúng tôi, các anh không chia xẻ được điều này, tuy nhiên đó không phải lỗi của các anh mà lỗi của chúng tôi một phần. Nhưng tôi hỏi anh, với anh, các anh đã làm được gì...

Người trẻ tuổi lấy một điều thuốc chàm hút, trời nắng mỗi lúc một oi nồng. Các anh đã làm được gì. Câu hỏi như một tra khảo đau đớn. Một cuộc sống tù túng. Một tâm thế rã rời bệnh hoạn và cái chết. Căn hầm tôi từng nói và thế giới một đi vắng... Con mắt nai tơ mờ lớn dịu dàng... Các anh đã làm được gì ?

DƯƠNG NGHIỆM MẬU

❶

MA NÀO IT ? MA NÀO NHIỀU ?

Trên màn ảnh nhỏ : cảnh một nghĩa địa hoang vắng, âm u. Một hồn ma lớp ngóp từ trong mộ ngồi lên, vừa múa lượn vừa kêu than : " Tôi chết vì cần sa ! Tôi chết vì thuốc phiện ! Tôi chết vì bạch phiến. "

Trong một « quang minh điện » một cụ già phả lên cười :

— Mẹ kiếp ! Cứ ba thứ hợp lại mới giết được có một thằng ! Còn những ngôi mộ khác, chắc toàn những nhôn nhố trong sạch, lành mạnh, bị bom đạn, lựu đạn hay mìn hồi thấm sức khoẻ, ngã một lúc hàng trăm...

Một ông... choai choai đưa thêm ý kiến :

— Con ma lành lặn, bay lượn khá lắm, tỏ ra xuống Âm-ty vẫn còn đầy đủ. Còn các chủ khác, chắc không quá thì gầy, nên giữa đêm trắng mới không hiện hồn lên nhảy múa được !
Câu truyện vui...thế thắm trên đây xin dành để riêng cơ quan tuyên truyền bộ Y-tế.

sớm mai

LÊ AI • DOẢN QUỐC SỸ

CHAN CHỮA HƠN NGƯỜI?

TÔI tới phi trường Paya Leba, Tân Gia Ba khoảng 8g30 tối, giờ địa phương. Sớm hơn giờ Saigon nửa giờ. Một trận mưa ngắn bất ngờ đổ xuống, Tân-gia-ba đương ở thời kỳ ít mưa. Tôi lên taxi về một khách sạn cỡ trung. Trên đường đi người tài xế gốc Trung Hoa cũng đã đứng tuổi phát biểu say mê lập trường chính trị của anh.

Tôi bình tĩnh nghe, đôi lúc mỉm cười, kèm thêm vài lời diêm xuyết. Tôi hiện lúc đó tuy chỉ mới xa nước có một giờ rưỡi bay, cách một cái eo biển nhưng cũng đã cảm thấy lòng bình tĩnh lắm. Người tài xế nhắc đến cuộc ngoại giao bóng bần, nhận định đó là một thắng lợi của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Người Mỹ muốn là thù thì được thù, muốn là bạn thì được bạn, Mỹ viện trợ nơi nào muốn ngồi lên đầu lên cổ nơi đó sao được.

Một trong những cuốn sách khá nổi tiếng của Mỹ hiện nay dùng để cho sinh viên đọc thêm trong ngành nhân loại học là cuốn *The Silent Language* (Ngôn ngữ vô ngôn) của Edward T. Hall. Tác giả Mỹ này công nhận là đồng bào của ông ở hầu khắp nơi trên thế giới đều

bị các dân số tại ghét cay gét đắng, hoặc nếu sơ sơ ra thì cũng bị nhìn bằng con mắt giận hờn ác cảm. Ông Hall cho rằng chỉ tại đồng bào ông «gà» quá không ý thức được mỗi dân tộc có một nếp sống văn hóa riêng mà mình nhập gia thì phải tùy tục. Trong nếp sống văn hóa, người ta không chỉ giao cảm bằng lời, mà rất nhiều khi giao cảm với nhau bằng «vô văn» nhưng cử chỉ, thái độ thâm lặng, ý nhị không tên, đó là thứ «ngôn ngữ vô ngôn» dùng làm đầu đề cho cuốn sách. Rồi suốt ngót hai trăm trang sách ông Hall bày ra cả một viện bảo tàng nhân chủng học với những nếp sống văn hóa khác nhau của năm châu bốn biển những mong đồng bào của ông ở hải ngoại biết rút tay dấy ra một bài học nhập gia tùy tục.

Ông Hall là con người văn hóa nên chỉ nhìn về khía cạnh văn hóa. Kẻ viết bài này mỗi lần theo dõi cuộc phóng phi thuyền của Hoa kỳ lên nguyệt cầu vẫn nghĩ nhiều đến những người bạn Hoa kỳ tốt của mình trên đất Hoa kỳ, và nghĩ rằng phi thuyền Mỹ đã thành công trong việc vượt ra khỏi sức hút của trái đất để lên nguyệt cầu, với kỹ thuật ấy, với cái nhìn tự trên cao vũ trụ ấy chính

sách Mỹ có thể vượt khỏi sức hút của lòng vị kỷ. Giá như được vậy. Đó là điều tôi muốn bỏ khuyết ý kiến ông Hall. Và tôi cũng biết trong việc xây dựng mối liên hệ lành mạnh Việt—Mỹ, chính quyền Việt chúng tôi phải đảm đương nửa phần thiện chí, điều đó rất tiếc đã không có. Tiền trách kỷ hậu trách nhân, tôi không dám trách chính sách Mỹ ở đây là vì thế.

Ba ngày sau tôi trở lại phi trường Tân-gia-ba ngồi đợi phi cơ đi Kuching, thủ đô tiểu bang Sarawak (Mã Lai). Tôi ngược nhìn bức bích họa trên lầu một của phòng giải khát và chờ đợi, bức bích họa hải cảng Singapore với những nhà lầu chín, mười tầng cửa sổ ghép bằng vàng lá — mosaic gold — nền lấp lánh như ánh đèn thoát ra ban đêm. Một điệu valse của Strauss được mở rất dịu nghe khắp phòng đợi.

Đã tới giờ lên phi cơ. Tuy chỉ là đường bay nội địa của hãng hàng không Mã Lai Singapore nhưng cách tiếp đãi lịch sự trang nghiêm y hệt trên đường bay quốc tế liên lục địa.

Phi cơ cất cánh, tôi mở đọc nhật báo *The Straits Times* ngày 18-5-1971 của Singapore do một chiều dài viên đưa tới, tờ báo cùng một trang đăng hai tin thật trái nghịch.

Tin đầu tôi đọc cho hay hôm trước cảnh binh ở tiểu bang này đã bắt gặp ba tên cộng sản đương kẻ biểu ngữ. Thấy cảnh sát tới, chúng vội chạy tản đi các ngã, hai tên bị bắn trọng thương, ít giờ sau thì chết, một thoát. Cảnh sát nơi đây cảnh giác việc này vì ngày 28 tháng Tư vừa rồi đã có xuất hiện một số biểu ngữ Cộng sản; bài báo còn nhắc thêm tháng tám năm ngoái một nhân viên Cảnh sát ở Sibú đã bị một nhát dao găm lúi chết khi ông ta định bắt giữ một đám người đương kẻ biểu ngữ chống chính quyền.

Cùng trang báo đó là tin phái Đoàn thương mại Mã Lai được Chu Ân Lai tiếp đón nồng hậu ở Bắc kinh. Họ Chu đã bỏ ra ngót một tiếng đồng hồ để chuyện vãn với trưởng phái đoàn Mã để tài đủ thứ từ văn chương mỹ thuật đến chính trị. Trang 24 — trang chốt của tờ báo — là cả một tấm ảnh lớn chiếm đến một phần tám trang báo chụp Chu đương bắt tay với vị trưởng phái đoàn Mã sau khi nhận món quà tặng. Trên đường từ phi trường Kuching về khách sạn bằng xe hơi ông bạn giáo sư Mã Lai đã chỉ cho tôi thấy một trại tù ở bên tay trái: đó là trại những tù nhân Cộng sản.

Rồi mấy ngày sau báo chí Mã Lai tiếp tục nói về chuyến du hành thành công của phái đoàn thương mại Mã Lai. Những bức hình du ngoạn ở Bắc kinh, những bức hình du ngoạn nơi Vạn Lý Trường Thành.

Trên chuyến bay từ Kuching trở về Singapore trưa ngày 21-5-71, cũng trên nhật báo *The Straits Times*, tôi đọc tin thủ tướng Mã Lai Tun Razak được nhiệt liệt hoan nghênh khi ông kinh tế tới Malacca. Nơi đây ông đã nói đại ý:

Chương trình đầu của Mã Lai (1957 — 1969) đã qua giai đoạn củng cố chính trị và kiện toàn kinh tế đã xong, nay Mã Lai bước sang chương trình hai xúc tiến việc san bằng giàu nghèo và san bằng mọi kỳ thị chủng tộc. Thủ tướng Tun Razak có nhắc đến sự thành công của phái đoàn thương mại Mã ở Bắc kinh, hoan nghênh thái độ cởi mở của Bắc kinh, nhưng ông nói ngay là dân chúng vẫn phải luôn luôn cảnh giác để phòng bọn đặc công phá hoại Cộng sản lén lút từ miền Nam Thái Lan xuống và ông cho hay ông đã chỉ thị cho giới chức chính quyền nơi đó phải tuyệt đối giữ đúng thái độ thân dân để quần chúng bộ Cộng sản không thể lợi dụng.

Thì ra chính sách trung lập Đông Nam Á là như vậy, trung lập trên thế mạnh của một chính quyền trung tín với dân. Thân thiện với nhau đến mức nào, ở nơi nào được thì cứ thân thiện, trong khi ngay tại nước nhà hết sức thực thi chính sách công bằng xã hội đồng thời hết sức cảnh giác và thẳng tay trừng phạt những phần tử đặc công Cộng sản. Cơ thể lãnh mệnh đâu có ngăn vì trùng ! Tôi nghĩ rồi đây ngày nào cả Đông Nam Á đều có những lãnh tụ yêu quê hương, yêu những người cùng một cộng đồng với mình như vậy, ngày đó chính chúng ta đã cứu những lãnh tụ cộng sản đối nghịch (mới chỉ đến dân chúng trong vùng cộng sản.) Tôi còn nhớ câu thơ của một nhà thơ Đông Âu thì phải.

Ôi, đặc ác mãi sao mà một mới !

Cái gì trên đời này cũng vậy, một mới thì một mới, nhưng như còn đã thì dễ gì mà ngăn nổi. Cơ thể lãnh mệnh đâu có ngăn vì trùng, hơn thế nữa cơ thể Đông Nam Á, lãnh mệnh còn giúp cho những lãnh tụ cộng sản thoát khỏi cảnh tự đầu độc mình trong bầu không khí một mùng độc tố của gian manh lọc lừa, phản bội ; đặc biệt giải độc cho những lãnh tụ cộng sản chưa hẳn khỏi giấc mộng dầm lên một quê hương mà xây dựng thế giới đại đồng, trong đó nước Việt nhà đã là nạn nhân thể thâm nhất, một trường hợp điển hình của một lịch sử đau thương vô tiền tuyệt hậu trong lịch sử đau thương của nhân loại.

Tôi nhìn ra bên ngoài, phía cơ chưa lên cao lắm, qua cửa kính Mã-Lai rừng núi ngút ngàn xanh, trên đó con đường đất đỏ lớn rộng ngoằn ngoèo như một chữ ký mệnh mạng bằng phân ngữ. Những cụm mây nổi rải rác đây đó cả một vùng như bông rắc. Tôi nhắm mắt nhớ lại mấy hôm ở Kuching. Vào một buổi chiều tối đương nằm trong phòng khách sạn, tiếng máy điều hòa không khí chạy đều và êm

như ru, bỗng có tiếng đám trẻ con vang lên bên ngoài, chắc hẳn chúng đương đồng ca một bài đồng dao trò chơi chi đó, những tiết điệu bằng trăm rất đều đặn và ần ỷ, thỉnh thoảng chúng cũng oà lên reo vui. Chỉ nghe tiếng chúng đồng ca tôi cũng đoán ra đó là đám trẻ con nhà nghèo, giọng chúng thuần phác làm sao, đơn sơ làm sao, không một vết nờ kèn kiêu của trẻ con nhà giàu. Chắc chúng lóe lên với đất mẹ hồn nhiên bao nhiêu thì khi chết trở về với đất mẹ cũng hồn nhiên như vậy.

Buổi chiều hôm sau tôi được dẫn đi thăm một bản nhà sàn của người Dyak, tiếng Anh gọi là *Long House*. Tôi nhớ đã đọc một tài liệu nói về một nếp sống của người Dyak hao hao giống với những nét vẽ ghi trên trống đồng Đông-Son, thành thử khi leo lên bản nhà sàn tôi có cảm giác bồi hồi như bắt đầu một cuộc hành hương về nguồn Bách Việt. Đây là cả một cộng đồng sống theo văn minh nhà sàn—xin hãy cho phép tôi được tạm dùng danh từ đó. Quả là *long house*, nhà dài như một dây phở, gia đình họ chỉ ngăn cách gia đình kia có tấm tường gỗ, một hàng hiên rộng dưới mái nhà được chừa ra làm lối đi chung, thấp hơn hàng hiên một chút là đường, tất nhiên đường cũng là sàn lát bằng tre nứa. Những trẻ em có đứa trần truồng, có đứa áo quần cũng xúm lại nhìn chúng tôi, lớn tiếng chào lớn bình tĩnh hơn họ đứng nguyên chỗ, hoặc ngồi nguyên chỗ, hoặc dùng đinh vào nhà, hoặc tiếp tục công việc. Tôi đứng lại trước một em bé Dyak rất xinh đương dùng một chiếc gậy xinh làm chày giã gạo, thóc đỏ trong một cái cối cũng rất xinh bằng thân cây khoét. Nước da em bánh mật, em cắt tóc ngắn, khuôn mặt tròn, đôi mắt to và đen. Khi thấy tôi đứng lại em không những không ngừng giã, trái lại em còn giã rất nhịp nhàng như để biểu

đến cho xem. Khuôn mặt xinh xắn thơ ngây, đôi mắt to và đen thơ ngây, em quả còn cùng với vũ trụ vạn vật bên ngoài trong cái Một thuần nhất. Em tiếp tục nhịp nhàng già, thỉnh thoảng lại ngược nhìn chúng tôi, thoáng có nụ cười, nụ cười hồn nhiên thuần nhất của một sinh vật cười với những sinh vật khác, tuyệt nhiên không một gợn mặc cảm về nếp sống thiếu số, về dòng máu thiếu số. Đi dọc theo hết bản, chúng tôi trở về, lần này các em bé đã bạo hơn, cùng giờ tay nói to lời chào từ biệt *Bye Bye!*

Tôi nhớ ngờ hỏi người bạn Mĩ-Lai :
"Tiếng chào *bye bye* là tiếng Dyak sao ?" Người bạn cười bảo đó là tiếng Anh, vì ngay gần bản đây có trường tiểu học của nhà nước. Ở liên bang Mĩ-Lai, Anh ngữ vẫn được dùng làm ngôn ngữ chính thức.

Xuống khỏi bản nhà sàn đi chừng một quãng nhỏ quả nhiên tôi nhìn thấy một ngôi trường tiểu học thật khang trang ngự trị trên một khoảng sườn đồi. Tôi nghĩ đến em nhỏ già gạo. Có thể em đã bắt đầu trường sẽ lôi dẫn trường. Rồi đây tri thức nhà trường sẽ lôi dẫn em ra khỏi cái Một thuần nhất nguyên thủy, em sẽ ý thức được em là một cá nhân của một dân tộc thiếu số, nằm trong một liên bang thuộc thế giới chậm tiến so với liệt cường Âu Á Mỹ khác. Tôi còn mong cả các nơi khác khi đó — sao lại không tất cả các nơi khác nữa — đã là những cơ thể lành mạnh để tránh cho em những ray rứt não nề mà biết bao thế hệ kể từ ngày có cuộc giao tiếp với Tây phương đã phải chịu đựng tưởng có thể đến mòn mỏi thần kinh.

Bữa trưa trên phi cơ vừa xong, phi cơ bắt đầu giảm cao độ, chắc cũng sắp tới Singapore rồi.

Tôi nghĩ về Việt-Nam quê hương. Miền Bắc đáng thương, những thanh niên trai trẻ bị bắt lính rồi vào Nam làm bia cho bom đạn suốt dọc đường, nhất là bom của B52. Miền Nam đáng thương vì cũng phải tự động góp lính cho chiến trường. Những Việt kiều lưu vong, về sớm thích ứng thì sớm thành vòng quốc, kẻ không thể thích ứng thì sống lắt lay héo hắt, nếp sống của con côi nhớ sữa mẹ.

Đặc biệt nếp sống của miền tự do là như thế kia : khi người có quyền thế chỉ biết có danh lợi vì kỷ tài những người con gái nghèo đáng thương khi bị đẩy đến một tình thế cực chẳng đã chỉ còn thân thể cho thuê ; những người con trai nghèo túng chỉ còn biết xúi dục tri thông minh, tài tháo vát của mình vào những việc xoay xở, lừa đảo bất tin, bất nghĩa, gài quẻ ăn lần cối xay.

Lệ ai chan chứa hơn người

Giang-Châu Tư-Mã đượm mùi áo xanh

Không, chúng ta còn hơn thế nữa, thực ra chúng ta khóc gấp trăm lần, hoặc tắc nghẽn không khóc nổi, vì chúng ta đau ở tư thế một quan Tư mã đất Giang-Châu khóc thương cảm cho người Kỳ nữ bến Tầm-Dương, chúng ta ở vị trí người con chứng kiến mẹ mình bị hiếp, mẹ mình bị bán.

ĐOÀN-QUỐC-SỸ



Lệ ai chan chứa hơn người

VỀ MỘT CHÍNH SÁCH DẦU HỎA

Ưu thế và nhược điểm của Việt Nam
Thế nào là một chính sách thực tế và dân tộc !

Lời Tòe soạn. — Luật sư Vương Văn Bắc là một trong ba nhân viên tư nhân trong Ủy ban Quốc gia Dầu hỏa, do Thủ tướng chính phủ làm chủ tịch. Ngoài tư cách luật gia phục vụ xã hội, luật sư Bắc còn là một nhà suy tư luôn luôn băn khoăn lo nghĩ về quyền lợi và vận mệnh dân tộc. CHÍNH VĂN nhân hạnh đăng bài sau đây — mà luật sư Bắc viết đặc biệt cho CHÍNH VĂN — để bạn đọc thấu đáo hơn về một vấn đề rất quan trọng trong tương lai và đồng thời cũng để bạn đọc theo dõi quan điểm riêng của một luật gia uy tín.

CHÍNH VĂN

CÁCH đây vài ba tháng, thiên hạ bàn tán rất nhiều về vấn đề dầu hỏa ở Việt Nam. Ngày nay không còn thấy mấy người nhắc đến chuyện ấy nữa. Sự lãng quên mau chóng ấy thật đáng tiếc vì dầu hỏa không phải là một thứ vấn đề thời thượng, hoặc một loại chuyện nghe qua rồi bỏ, mà chính là một yếu tố quan trọng của tiến độ kinh tế nước nhà. Thực tại ở các quốc gia Trung Đông cho thấy số thầu về ngành khai thác dầu hỏa lên tới từ 37% (trường hợp Bả Tu) đến 95% (trường hợp Kuwait, Qatar) tổng số thầu của ngân sách quốc gia. Chẳng những thế, số thầu về dầu hỏa lại thực hiện bằng ngoại tệ, một điểm rất đáng chú ý trong lúc khối ngoại tệ sở hữu của Việt Nam vơi dần theo nhịp hồi hương của binh sĩ Hoa

Kỳ. Giả thử sau này nước bạn đồng minh có chịu thanh toán trọn vẹn tiền hóa đơn chiến phí chẳng nữa, sự tài trợ công cuộc phát triển kinh tế và xã hội ở miền Nam Việt Nam cũng vẫn phải trông cậy vào tài nguyên trong nước, trong đó hứa hẹn nhất và dễ khai thác nhất có lẽ là tài nguyên dầu lửa. Bởi vậy, vấn đề dầu hỏa ở Việt Nam xứng đáng được hưởng nhiều hơn là một sự quan tâm nhất thời.

Khi bàn về vấn đề này, nhiều người chỉ nêu lên một câu hỏi là Việt Nam có dầu hỏa hay không. Như tôi đã có dịp trình bày, chúng ta chỉ có thể trả lời chắc chắn là « có » hay « không » khi nào giếng dầu hỏa đã được đào. Cho đến khi ấy, các dữ kiện được cung cấp bởi những cuộc thăm dò sơ khởi do tổ chức ECAFE

và công ty MANDREL tiến hành cho phép chúng ta lạc quan một cách vừa phải về triển vọng có đầu hòa trong thêm lục địa của Việt Nam Cộng Hòa. Trong phạm vi bài này, tôi sẽ không đi xa hơn nữa trong lĩnh vực chuyên môn để định nghĩa và định giới thêm lục địa Việt Nam, để giải thích ý nghĩa sự hiện hữu của những lớp thủy tra thạch, hay để so sánh quá trình cấu tạo địa chất của Việt Nam và của các nước đã sản xuất dầu. Tương chỉ cần khẳng định rằng chúng ta có lý do để hi vọng là Việt Nam có đầu hòa.

Tuy nhiên, có dầu hay không có dầu chưa phải là tất cả vấn đề. Chúng ta còn phải xét xem trong trường hợp có đầu hòa, Việt Nam sẽ khai thác nguồn tài sản ấy dưới hình thức nào: khai thác trực tiếp, hợp tác với các công ty dầu ngoại quốc để cùng khai thác, và chia lời lỗ, hay ban quyền đặc nhượng cho các công ty dầu hóa để họ nhận lãnh tất cả các rủi ro của công cuộc khai thác? Nếu quyết định cấp quyền đặc nhượng cho các công ty dầu hóa quốc tế thì các đòi hỏi của Việt Nam đối với các công ty ấy phải như thế nào? Trong các cuộc thương thuyết với các công ty dầu hóa xin cấp đặc nhượng Việt Nam nên đặc biệt chú trọng đến quyền lợi gần hay quyền lợi xa, đến số tiền bạc có thể thu hoạch hay đến sự khai thác hợp lý tài nguyên quốc gia, đến ngạch suất thuế khóa có thể đòi hỏi được hay đến kế hoạch huấn luyện người Việt Nam để dần dần thay thế ngoại nhân trong các ngành tìm kiếm, sản xuất, phân phối và biến chế dầu lửa? Lợi tức thực hiện được nhờ đầu hòa phải được sử dụng như thế nào, sắp nhập vào ngân sách quốc gia để đài thọ tất cả các loại kinh phí của quốc gia hay sung dụng cho một ngân sách phát triển đặc biệt để nâng cao mức sống của dân tộc? Tất một lời, chúng ta cần đặt vấn đề chính sách đầu hòa của quốc gia. Bài viết này nhằm

đóng góp một vài ý kiến cá nhân cho sự giải quyết vấn đề trọng đại ấy.

*

Vì quyền lợi thiết thực của quốc gia, chính sách đầu hòa của chúng ta phải là một chính sách thực tế.

Trước hết, thực tế trong sự lựa chọn hình thức khai thác đầu hòa. Ta không thể vì câu nệ lý thuyết hoặc chủ nghĩa kinh tế mà đưa quốc gia đi vào những cuộc thí nghiệm mơ hồ và đắt giá. Ta không thể coi công cuộc khai thác đầu hòa như một dịp tốt để áp dụng kinh tế xã hội chủ nghĩa hay để thăng tiến một giới tư bản nội địa. Trái lại, ta cần thực tế nhận xét rằng phi tồn đảo một giếng dầu từ một triệu rưỡi đến hai triệu rưỡi mỹ kim và theo kinh nghiệm tìm kiếm dầu trên thế giới thì trung bình phải đào tới mười giếng mới gặp được một giếng có dầu. Nước láng giềng Phi Luật Tân đã đào gần hai trăm năm mươi giếng dầu mà vẫn chưa sản xuất được đầu hòa. Liệu trong hoàn cảnh kinh tế tài chính khó khăn hiện thời, Việt Nam Cộng Hòa có nên ném hàng trăm triệu mỹ kim vào một cuộc phiêu lưu không biết trước kết quả ra sao hay không? Thiết tưởng câu trả lời đã rõ ràng: trong giai đoạn hiện thời, chúng ta không nên lựa chọn hình thức khai thác trực tiếp, bằng một công ty quốc doanh nắm độc quyền khai thác đầu hòa và chỉ thuê mướn dịch vụ của các công ty ngoại quốc. Chúng ta phải tạm biệt bỏ hình thức này trong hiện tại mặc dầu nó phù hợp nhất với ý niệm chủ quyền quốc gia. Đây không phải là trường hợp độc nhất trong đó lợi ích quốc gia trong một giai đoạn mâu thuẫn với lý tưởng chủ quyền quốc gia toàn vẹn.

Hình thức khai thác hợp doanh, thể hiện qua sự hợp tác của quốc gia hay của một công ty quốc gia đầu hòa với các công ty dầu hòa

ngoại quốc, tỏ ra khá hấp dẫn và đã được nhiều nước Trung Đông áp dụng. Nhưng trong tình trạng thiếu người, thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm của Việt Nam Cộng Hòa hiện nay, một sự hợp tác như thế dễ biến thành hữu danh vô thực và dễ có hại hơn là có lợi. Rất có thể các công ty ngoại quốc sẽ lợi dụng danh nghĩa của sự hợp tác để dành cho họ những sự ưu đãi quá đáng và đẩy chúng ta đến chỗ chấp nhận những phương pháp khai thác có hại lâu dài cho tài sản quốc gia. Rốt cuộc, quyền lợi của một vài cá nhân được cử ra để hợp tác với công ty ngoại quốc có thể được thỏa mãn nhưng quyền lợi quốc gia sẽ không được thỏa mãn.

Như vậy chỉ còn lại một hình thức là thẳng thắn cấp quyền đặc nhượng tìm kiếm và khai thác cho các công ty ứng tuyển, trong thực tế là cho những công ty dầu hỏa quốc tế đã có cơ sở và kinh nghiệm vững vàng. Thiết tưởng càng nhấn mạnh rằng ban cấp đặc nhượng không có nghĩa là phổ mặc, khoán trắng cho các công ty thụ nhượng khai thác tài nguyên của quốc gia, cời lấy một số tiền nộp dưới hình thức lệ phí, thuế kim, khoáng nghiệp vũng vãng. Thiết tưởng diện tích và thuế lợi tức. Trái lại, chúng ta sẽ phải tranh đấu từng bước, tranh luận từng chữ, từng câu trong bản hợp đồng ký kết với công ty thụ nhượng để giành lấy những điều kiện tốt đẹp nhất cho quyền lợi quốc gia. Công việc thương thuyết với các công ty dầu hỏa ngoại quốc chắc chắn sẽ là công việc khó khăn nhất và gay go nhất của người hữu trách. Lập trường và chiến thuật thương thuyết của ta phải được quan niệm như thế nào?

*

Về việc thương thuyết với các công ty ứng tuyển cũng như về việc lựa chọn hình thức khai thác, chính sách của chúng ta cũng phải là một chính sách thực tế, nghĩa là dựa trên những dữ

kiện xác thực và trên sự nhận định khách quan tình hình.

Điều đáng nhận xét đầu tiên là tính cách hữu hạn của tài nguyên dầu hỏa. Phải mất bao nhiêu thế kỷ, những phản ứng hóa học hợp hữu cơ và những hình thức địa chất thuận lợi mới tạo được một tấn dầu trong lòng đất. Vì thế, mỗi một tấn dầu hỏa, được khai thác lên là đất nước lại nghèo đi một tấn dầu hỏa không thể thay thế được. Do đó, khi ban cấp quyền đặc nhượng khai thác tài nguyên ấy cho người ngoài, chúng ta không nên ngần ngại hay thối nặc gì mà không ráo riết mà cà để đòi lấy những điều kiện cao giá nhất. Mọi sự dễ dãi hay nhân nhượng phi lý trong cuộc thương thuyết với các công ty ngoại quốc đều là những lỗi lầm không tha thứ được. Tuy nhiên, để có thể mà cà một cách thông minh và hợp lý, chúng ta cần biết rõ thế mạnh và thế yếu của mình.

Một lợi điểm lớn lao của các nước sản xuất dầu hỏa là thế giới hiện nay đang cần dầu hỏa và càng ngày càng cần nhiều dầu hỏa, ít nhất là cho đến đầu thế kỷ sau. Thật vậy, vì kỹ nghệ khai thác than đá đang tàn tạ và kỹ nghệ sản xuất năng lượng nguyên tử hầu còn phôi thai, dầu hỏa hiện thời là nguồn năng lượng chính. Thế giới càng kỹ nghệ hóa thì lại càng cần năng lượng, nghĩa là cần dầu hỏa. Một thí dụ : mức tiêu thụ dầu hỏa của Pháp từ 1956 đến 1970 đã tăng lên 150%. Người ta đã tính rằng cứ theo nhịp độ tiêu thụ gia tăng hiện thời, thế giới sẽ cần đến 6 tỷ tấn dầu một năm trong hai mươi năm sắp tới. Cũng vì nhu cầu lớn lao ấy mà người ta đã bất chấp băng tuyết vùng Alaska và bão tố trên Bắc Hải mà tiến hành công cuộc tìm kiếm và khai thác dầu hỏa ở ngay những vùng này. Nhưng với đà tiêu thụ gia tăng mau chóng, dự trữ của Alaska và Bắc Hải cũng chẳng thấm vào đâu : thế giới mỗi năm phải

khám phá nhiều Alaska mới thì mới có thể duy trì tỷ lệ sản xuất dự trữ hiện thời (1/30). Do tình trạng khan hiếm ấy, thị trường dầu hỏa thế giới càng ngày càng là thị trường của người bán. Vì vậy mà các quốc gia sản xuất dầu hỏa trong nhóm OPEC đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, từ thỏa ước Teheran ngày 14-2-71 đến thỏa ước Tripoli ngày 2-4-71. Nếu Việt Nam Cộng Hòa sản xuất được dầu hỏa trong những năm sắp tới thì tất nhiên sẽ được hưởng ưu thế ấy.

Một lợi điểm quan trọng khác của chúng ta là vị trí địa dư của Việt Nam Cộng Hòa. So sánh với Trung Đông và Phi Châu. Việt Nam ở gần hai vòng kỹ nghệ quan trọng nhất trên thế giới là Nhật Bản và Hoa Kỳ. Dầu hỏa của Việt Nam nếu có sẽ lợi thế hơn là dầu hỏa Trung Đông để cạnh tranh trên hai thị trường này. Đây cũng là một lợi điểm rất đáng kể vì ta không nên quên rằng tính trung bình, cước phí chuyên chở dầu hỏa (6,9%) gần bằng tiền mà công ty dầu phải trả cho quốc gia sản xuất (7,9% của giá tiêu thụ).

Đối lại những ưu điểm lớn lao ấy, ta phải nhìn nhận rằng ta cũng có những nhược điểm đáng kể.

Nhược điểm rõ rệt nhất là tình trạng chiến tranh đang tiếp diễn ở Việt Nam và trên bán đảo Đông dương, tạo ra hệ số bất trắc cho các sự cam kết cũng như cho công cuộc khai thác sau này.

Nhược điểm thứ hai là Việt Nam đã phần nào chậm bước. Hai thỏa hiệp Teheran và Tripoli kể trên tạm thời bảo đảm cho Tây phương một sự tiếp tế dầu hỏa về dầu hỏa trong thời gian năm năm. Ngoài ra, các nước láng giềng của ta như Thái Lan, Mã Lai, Kampuchia, In Đô Nê Xi A đều đã ký kết với các công ty dầu hỏa ngoại quốc. Do đó, các công ty này có thể đứng vững hơn đối với

công cuộc tìm kiếm và khai thác dầu hỏa ở Việt Nam.

Một nhược điểm khác của chúng ta là Việt Nam chưa bao giờ sản xuất dầu hỏa. Do đó, triển vọng tìm thấy dầu hỏa ở Việt Nam tự nhiên ít hơn là triển vọng ở những miền đã sản xuất dầu rồi, như Nam Dương và Trung Đông.

Sau khi đã cân nhắc tất cả những ưu điểm và nhược điểm ấy, chúng ta có thể dễ dàng ấn định một mức hợp lý, thực tế cho những đòi hỏi của chúng ta. Người thương thuyết với các công ty dầu ngoại quốc sẽ phải đòi cho Việt Nam Cộng Hòa tất cả những điều kiện và lợi ích mà các quốc gia trong nhóm OPEC đã đòi được cho họ, được điều hợp với một vài nhân nhượng có tính giới hạn và nhất thời để làm cho việc tìm kiếm và khai thác dầu hỏa ở Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn đối với các công ty này.

Trên đây, tôi đã nói nhiều đến tính cách thực tế cần có của một chính sách dầu hỏa. Để không ai còn có thể ngộ nhận rằng thực tế đồng nghĩa với nhượng bộ và cơ hội chủ nghĩa, tôi tưởng cần phải nói rõ thêm rằng chính sách dầu hỏa của chúng ta phải là một chính sách thực tế và dân tộc.

Vì quyền lợi dân tộc, nhất là vì quyền lợi của những thế hệ mai sau, chúng ta không có quyền phung phí tài nguyên quốc gia vì một mối lợi lớn nhất thời. Chúng ta không thể vì số thầu hoạch lớn mà cho khai thác một cách cấp tốc và bừa bãi, làm khô cạn nguồn dầu lửa trong một thời gian ngắn ngủi, hoặc làm nhiễm độc vùng biển và vùng trời chung quanh nơi khai thác. Trái lại, chúng ta chỉ có thể chấp nhận được một sự khai thác hợp lý và thận trọng, phù hợp với chính sách bảo tồn tài nguyên và thiên nhiên. Mối quan tâm này phải

được thể hiện trong sự ổn định những chu vi tìm kiếm và khai thác, trong sự đòi hỏi công ty thu nhượng phải tôn trọng những tiêu chuẩn khai thác hợp lý, trong việc sớt sảng buộc công ty thu nhượng thi hành điều khoản thời hoàn (relinquishment) những diện tích chưa khai thác theo đúng kế ước...

Vì quyền lợi dân tộc, nhất là vì ý niệm chủ quyền quốc gia, chúng ta không thể mãi mãi bải lòi với hình thức độc nhượng, với canh có pháo phải nhờ người đốt, mà trái lại phải tìm cách tiến lên hình thức hợp doanh, rồi hình thức tự quản. Bởi thế, kế ước ký kết với các công ty ngoại quốc để ban cấp đặc nhượng không những không nên dự liệu những thời hạn quá lâu dài mà còn phải dự trù khả năng duyệt xét lại sau mỗi kỳ hạn năm năm hay ba năm. Những kế ước ấy phải cho phép quốc gia Việt Nam, trong tương lai, giữ một vai trò tích cực, trong tất cả các hoạt động tìm kiếm, khai thác, chế biến, phân phối, tiếp thị của ngành kỹ nghệ dầu hỏa.

Vì quyền lợi dân tộc, nhất là vì tương lai của thế hệ thanh niên ngày nay, chúng ta phải đòi hỏi một kế hoạch "Việt Nam hóa" ngành dầu hỏa ở Việt Nam ngay từ lúc đầu. Các công ty thu nhượng phải có những cam kết rõ ràng về việc sử dụng nhân công Việt Nam và việc huấn luyện người Việt Nam để dần dần thay thế ngoại kiều trong tất cả các

chức vụ then chốt, trong tất cả các lãnh vực quản trị, kỹ thuật, thương mại, giao tế... Ngoài ra, chúng ta cũng phải có một kế hoạch gửi người đi tu nghiệp về ngành dầu hỏa ở ngoại quốc, ngõ hầu sớm có đủ người để đảm đương doanh nghiệp dầu hỏa của quốc gia.

Đến đây, những ai bản tính hoài nghi và bi quan chắc sẽ hỏi: số người được huấn luyện và tu nghiệp ấy để làm gì, nếu sau này Việt Nam không tìm ra một giọt dầu nào?

Xin mượn một bài thơ ngụ ngôn cũ kỹ để trả lời. Những người con đào sỏi, cấy bừa thửa ruộng để tìm kiếm cái kho tàng mà người cha di ngôn là để lại đã không tìm thấy kho tàng nhưng lại được mùa màng tốt. Biết đâu dầu nhưng lại tìm được người?

Đất nước này không thiếu của cải bằng thiếu người. Chúng ta đã quá chán ngán với những kẻ không làm được một việc gì cụ thể mà chỉ biết ba hoa vài danh từ to lớn như cách mạng, công bằng xã hội, tự do, dân chủ v.v. Nếu có được một lớp thanh niên được đào luyện trong một ngành doanh nghiệp tiến bộ nhất, có lòng nhiệt thành tham dự vào một công cuộc lớn, đã làm quen với phương pháp làm việc tập thể, có óc tổ chức khoa học thì thiết tưởng đó cũng là một tài nguyên cần và quý. Có lẽ còn cần và quý hơn cả dầu hỏa.

VƯƠNG VĂN BẮC

22-5-1971

GIÁ TRỊ CỦA BẠN ĐỌC

Bạn đọc gửi bài cho

CHÍNH VĂN

xin cần cứ vào giá biểu tiền nhuận bút sau đây:

- truyện ngắn và tùy bút, phóng sự
- tham luận, khảo luận, bình luận thời sự

Tiền nhuận bút được trả ngay khi báo được phát hành.

: 100 đồng mỗi trang in
từ 500 đến 800 đồng một trang

ALDOUS HUXLEY
HOÀNG HẢI THỦY
dịch



tình nữ

CÁI rắc rối đối với những chuyện tưởng tượng — John Rivers nói — là chúng có nhiều ý nghĩa quá. Những chuyện thật không bao giờ có ý nghĩa.

— Không bao giờ sao? Tôi hỏi.

— Có thể có theo quan điểm của Tao Hóa. Anh nhìn nhận với một chút nhượng bộ — nhưng không bao giờ có theo quan điểm của chúng ta. Tưởng tượng có sự đồng nhất, tưởng tượng có mạch lạc. Những sự kiện không có hai đặc tính ấy. Cuộc sống số bộ là sự liên tục của một sự việc này tiếp theo sự việc kia. Tiêu chuẩn của sự thật là ở nội dung không thể tin được của nó.

Khi tôi hỏi: «Không tin được về những điểm gì?» Anh giơ bàn tay về tất cả những sách và nói: «Không tin được về tất cả những gì đã được nghĩ và nói ra. Cả chỉ và giọng nói của anh có vẻ long trọng ngạo mạn. Anh tiếp: «Điều là lung lay đáng kể nhất, là sự kiện gần với sự thật nhất bao giờ cũng là những chuyện tưởng tượng có vẻ ít sự thật nhất.

Anh nhớ người ra và chạm ngón tay vào cái bìa đã cũ của cuốn The Brothers Karamazov:

— Nó ít hợp lý đến nỗi nó gần như là thật. Điều này cũng có thể dùng để nói với tất cả những ngành học thuật khác. Như những giả tưởng của vật lý học. Lịch sử giả tưởng. Triết học giả tưởng «Ngón tay kết tội của anh đi chuyển trên những tên tác giả trên giá sách, từ Dirac đến Toynbee, từ Sorokin về Carnap. Ngay cả những chuyện tiểu sử cũng vậy. Đây là một điển hình mới nhất của loại truyện tưởng tượng này.

Anh cầm cuốn sách bìa xanh từ mặt bàn bàn tay giơ lên cho tôi coi.

— «Cuộc đời Henry Maartens» Tôi đọc tên cuốn sách với sự dửng dưng như khi tôi gọi tên bất cứ một vật gì trong nhà này. Rồi tôi nghĩ rằng với John Rivers tên nhân vật đó phải là một cái gì quan trọng hơn tên những người khác. Tôi hỏi: «Anh là học trò của ông, phải không?»

Rivers chỉ gật đầu mà không nói gì.

— Cuốn này là cuốn tiểu sử chính thức được công nhận của ông ấy ư ?

— Truyện giả tưởng chính thức. Anh sửa lại, ghi lại hình ảnh không thể nào quên được của một khoa học gia có đời sống khôi hài như ta thường thấy trong những vở kịch rẻ tiền — anh biết loại nhân vật đó mà — một chú trẻ nít có thân hình người lớn và một trí thông minh khổng lồ, thiên tài đau yếu vật lộn không ngừng với những sự kiện lớn, nhà suy tư cô đơn nhưng cũng là người chủ gia đình từ ái nhất, nhà thông thái đáng kính, đầu óc lúc nào cũng phơi phới ở trên mây nhưng trái tim lúc nào cũng nằm đúng chỗ. Nhưng, sự thật, chẳng may, lại không chỉ giản đơn như thế.

— Anh cho rằng cuốn tiểu sử này viết không chính xác hay sao ?

— Không đâu. Những gì viết trong sách này về Henry đều đúng cả. Nhưng cho đúng hơn đều là những gì không đáng kể. Nói cho đúng hơn đó là những gì không quan trọng. Nhưng có lẽ như thế lại hơn — Anh nói tiếp sau vài giây suy nghĩ — Có thể sự thật là một cái gì vô nghĩa hoặc là quá kinh dị để có thể đưa vào tưởng tượng. Dù sao thì đó cũng là một sự khó chịu cho kẻ nào đã biết những sự kiện thật, tôi coi như bị sỉ nhục, khi thấy những cuốn tiểu sử loại này.

Tôi đưa ra lời ước đoán :

— Như vậy có nghĩa là anh sẽ can thiệp vào vụ này để làm sáng tỏ sự thật chăng ?

— Làm thế để cho ai ? Cho quần chúng ư ? Làm gì có chuyện ấy.

— Cho mình tôi vậy. Riêng cho tôi thôi.

— Riêng cho anh ? Anh nhắc lại rồi nhưn vai và mỉm cười — Sao lại không ? Cũng nên có một cuộc trở về đi vắng nhỏ để mừng một cuộc viếng thăm hiếm có của anh.

— Người ngoài nghe được lời anh vừa nói có thể tưởng rằng anh đang nói đến một thứ thuốc độc.

— Nhưng đó chính là thuốc độc nguy hiểm. Con người thường trốn thực tại bằng cách uống gin hay sodium amytal.

— Anh quên — tôi nói — tôi là người viết truyện và Cầm Hứng Thần là con gái của Ký Vãng ?

John nói đến Thượng Đế và sau cùng nói đến Helen. Tên người đó gọi cho tôi nhớ đến một khuôn mặt trẻ và trắng hồng, đóng khung trong một vòng tóc đen tròn như vòng chuông, mái tóc có màu đen như tóc đàn bà Ai Cập, tên người ấy cũng gọi tôi nhớ lại những thân cột vàng lớn ở Baalbek với bầu trời xanh và những bông tuyết trắng xứ Lebanon ở đằng sau. Những ngày ấy tôi là một nhà cổ vật học và thân phụ của Helen là ông chủ của tôi. Cũng ở Baalbek, tôi ngỡ lời xin cưới nàng và bị từ chối.

— Nếu nàng bằng lòng làm vợ tôi — tôi hỏi — không biết tôi có học được ở nàng những gì anh đã học được ở nàng không ?

— Helen luôn luôn làm những gì nàng cố gắng không bắt người khác phải làm. Thật khó mà không học được ở nàng.

John nói đến những ngày sống cuối cùng của Helen. Trước đôi mắt trí nhớ của tôi, Baalbek nhường chỗ cho cư xá của Viện Đại

học Berkeley và mái tóc đen giống như một cái chuông không có tiếng động ngày xưa đã biến thành những lọn tóc khô và xám, và ở cho khuôn mặt người thiếu nữ, tôi nhìn thấy làn da căng và khô khan của người đàn bà đã có tuổi. Tôi nghĩ rằng ngay từ ngày đó nàng đã bị đau yếu.

Tôi nói lớn lên :

— Ngày nàng chết tôi đang ở Athens.

— Tôi nhớ — John gật đầu, rồi tiếp — Ngày ấy tôi muốn có mặt anh khi nàng sắp ra đi. Vì nàng — nàng vẫn rất mến anh. Và cũng vì anh nữa. Bởi vì chết là một nghệ thuật. Và ở vào số tuổi của chúng ta, chúng ta cần phải học chết. Hữu ích cho chúng ta nhiều nếu chúng ta được nhìn một người biết cách chết như thế nào cho phải, cho đẹp. Helen biết chết vì nàng biết sống. Helen đã chết từ từ, chết dần mỗi ngày nên đến giây phút cuối cùng, gần như nàng chẳng còn gì để mà chết nữa...

Rivers nói tiếp sau vài giây im lặng :

— Mùa xuân năm ngoái đây, tôi cũng có dịp đến cửa giảng son của Từ Thần. Thật ra, nếu không nhờ Penicillin, hôm nay tôi không còn ngồi đây nói chuyện với anh. Đau phổi, người bạn quen thuộc của những người già. Nhưng bây giờ người ta cứu được mình mà để mình sống thêm được ít ngày nữa mà đề mình sống thêm được ít ngày nữa hay tình thường thức chừng phong thấp hay tình trạng ung thư thận của mình. Anh thấy đó. Gần như tất cả những người thân của tôi đều chết cả rồi. Tôi cũng như thêm một chết rồi nhưng còn được sống mượn thêm một thời gian ngắn nữa. Tôi như một người đã chết, nói về chuyện của những người đã chết, một hồn ma nói chuyện những hồn ma. Và đêm nay lại là Đêm Giáng Sinh, chuyện ma được kể trong đêm nay, thật là hợp. Hai nửa,

anh là một người bạn rất thân, nếu anh có đặt chuyện này trong một tiểu thuyết nào đó của anh thì chẳng sao.

Khuôn mặt có nhiều nếp nhăn của John sáng lên một cảm nghĩ mến thương quen thuộc của tôi.

Tôi trấn an John :

— Nếu có sao, tôi sẽ không bao giờ viết ra đâu.

Lần này anh cười lớn thành tiếng :

— Lời thề để tiêu tan như rom gặp lửa. Tôi nên trao con gái tôi cho Casanova giữ đêm hơn là kể chuyện bí mật của tôi cho một tiểu thuyết gia nghe. Lửa văn chương còn nóng hơn cả lửa đức. Những lời thề văn chương còn dễ bóc lừa hơn cả những lời thề vợ chồng hay tu hành.

Tôi muốn biến mình nhưng anh không chịu nghe.

— Nếu tôi muốn giữ chúng bí mật — Anh nói — Tôi đã không kể chúng với anh. Nhưng nếu sau này có bao giờ anh viết đến chúng, mong anh nhớ đến thủ tục thường lệ của tiểu thuyết. Đây là sản phẩm của tưởng tượng, mọi sự trùng hợp với những người đã chết hay còn sống đều chỉ là ngẫu nhiên. Nhớ nhé... ngẫu nhiên mà thôi. Bây giờ chúng ta trở về với gia đình Maartens. Tôi có một bức hình đầu đây.

Anh đứng lên đi tới mở một ngăn tủ :

— Tất cả chúng tôi đều có mặt trong hình này — Henry với Katy, bọn trẻ và tôi. Và đúng là nhờ phép lạ... — Anh nói sau vài giây lục lọi xáo trong đồng giấy tờ trong ngăn tủ —... nó vẫn nằm nguyên đây.

— Anh đưa cho tôi bức hình phóng đại đã nhạt màu vì năm tháng. Trong hình có ba người lớn đứng trước một căn nhà nghỉ mát bằng gỗ một ông già thấp nhỏ gầy, tóc bạc và mũi điều hâu, một thanh niên lực lưỡng bận áo sơ mi trắng, và giữa hai người đàn ông một già, nờ, ngực lớn, một nàng Valkyrie tuyệt vời trong vòng xiêm bông. Dưới chân họ ngồi hai đứa trẻ, một chú bé chừng chín, mười tuổi và cô chị đề tóc đuôi ngựa chừng mười ba, mười bốn tuổi.

— Sao trông ông ấy già quá — Đó là lời phê bình đầu tiên của tôi — Già đến có thể là ông nội của bọn con ông.

John tiếp :

— Và tính nết con nít đề có thể, với năm mười sáu tuổi, làm đứa con nít của Katy.

— Một cuộc loạn luân rắc rối hả ?

— Nhưng cuộc sống chung ấy đã có hậu quả tốt — John nhấn mạnh ở tiếng « tốt » — Ông ấy sống nhờ vợ. Và nàng sống để cho người khác sống nhờ.

Tôi nhìn bức hình kỹ hơn.

— Một cuộc hòa hợp lạ kỳ. Maartens có những nét Gô-tích thuần túy trong khi bà vợ là một nhân vật của Wagner. Hai đứa con họ là sản phẩm đặc biệt của giai cấp tư sản Âu Châu. Còn anh, anh...

Tôi nhìn lên khuôn mặt vuông có nhiều nếp nhăn đối diện tôi bên kia mặt bàn và nhìn lại tấm hình :

— Tôi quên mất ngày xưa anh đẹp trai chừng nào. Đẹp như người hùng La Mã Praxitéles.

Nét mặt John khi tôi khen như thế biểu lộ sự tiếc hận hơn là hoan hỉ :

— Tuổi trẻ và bảnh trai với tôi đúng là vô ích. Ngày ấy, chắc anh cũng còn nhớ rằng tôi chỉ là, tôi vẫn là sản phẩm của một cuộc nuôi dưỡng đáng buồn. Tôi là con một mục sư Tin Lành và đến năm tôi mười hai tuổi, là nguồn an ủi duy nhất của một bà mẹ góa. Đúng, nguồn an ủi duy nhất mặc dầu bà mẹ tôi vẫn tự cho mình là người ngoan đạo. Chú bé Johnny giữ ngôi thứ nhất, ngôi thứ nhì và cả ngôi thứ ba trong tâm hồn bà với mẹ tôi, Chúa hơn tất cả những vẫn chỉ giữ ngôi thứ tư. Trong những điều kiện ấy, lẽ tất nhiên nguồn an ủi duy nhất không còn có thể làm khác hơn là việc trở thành một người con kiểu mẫu, anh học trò sáng nhất lớp kiêm học sinh lãnh đủ các thứ học bổng của nhà trường, lãnh học bổng không hề biết mệt. Anh học trò gương mẫu đó học gạo qua những năm Trung học, đều đều lên lớp với số điểm cao nhất nhì, và vào Đại học, anh không biết gì khác ngoài việc học và chơi thể dục, đá banh, cử tạ và mỗi tuần chăm chỉ đi nghe giảng đạo.

Tôi chỉ tay lên chàng thanh niên lực sĩ trong tấm hình :

— Nhưng những cô thiếu nữ thời anh đâu có đề cho anh yên thân với khuôn mặt bảnh trai như thế này ? Họ đâu có chấp nhận việc anh không biết gì đến sự có mặt của họ ?

Rivers yên lặng một lúc, rồi anh trả lời bằng một câu hỏi khác ? mà người con trai có thể đem tặng cho vợ mình đêm tân hôn là sự thanh tân trinh bạch của hắn ?

— May cho tôi là không.

— Mẹ tôi đã nói với tôi như thế. Hơn thế nữa, mẹ tôi nói lời đó với tôi trong lúc bà

đang quí gối nhân một buổi cầu nguyện chỉ có hai mẹ con tôi. Mẹ tôi rất thành kính trong việc cầu nguyện và rất hay cầu nguyện riêng với con. Bà còn chăm cầu nguyện hơn cả ba tôi nữa. Vừa quí gối cầu nguyện như thế bà vừa dạy dỗ hay trách cứ tôi. Dường như bà nói đến những chuyện tâm thường như chuyện tôi tham ăn, tôi lười biếng trong những lúc bà quí gối như thế dễ hơn những lúc khác. Bà dùng những từ ngữ của Kinh Thánh để răn dạy tôi. Cứ kể về phương diện xử dụng ngôn ngữ, mẹ tôi đáng kể là một tay cừ khôi. Những lúc ấy bà nói chuyện với con mà cũng là nói chuyện ấy giữa Chúa. Hoặc ít nhất, cuộc nói chuyện ấy giữa hai mẹ con tôi cũng có Chúa chứng kiến. Vì vậy tôi có bốn phần phải coi đó là những gì rất quan trọng. Dù anh có tin hay không tin, tới năm tôi hai mươi tám tuổi, tôi vẫn còn nguyên cái món quà quí báu để dành tặng cho cô dâu đó.

Chúng tôi im lặng một lúc khá lâu. Sau cùng, tôi nói :

— Tôi nghiệp cho John.

Nhưng John lắc đầu :

— Đúng ra, phải nói tôi nghiệp mẹ tôi mới đúng. Bà đã khổ công tình đầu vào đây hết cả. Bà muốn tôi trở thành giáo sư ngay trong cái đại học đã đào tạo ra tôi. Tôi học ở đó rồi tôi lại đây học ở đó. Tôi sẽ không phải đi xa nhà, xa mẹ, nghĩa là tôi sẽ không phải đi xa nhà, hoặc gần Đê rồi đến năm tôi ba mươi năm, hoặc gần bốn mươi tuổi, bà sẽ cưới cho tôi một cô vợ cũng thuộc đạo Tin Lành, một cô gái ngoan đạo nào đó yêu thương mẹ chồng hơn cả mẹ đẻ. Nhờ sự can thiệp của Chúa toàn thiện, toàn thiện anh chàng John Rivers hiền lành, thánh thiện ấy sẽ sống như thế cho đến hết đời, một cuộc đời đã được mẹ anh tưởng tượng, sắp xếp trước thềm chỉ tiết. Nhưng...

thiệp của Chúa — một cuộc can thiệp ngược vào một buổi sáng đẹp trời ít ngày sau khi tôi lấy được bằng Ph. D... tôi nhận được bức thư của Henry Maartens. Ngày đó, ông ấy đang ở Saint Louis, ông đang nghiên cứu về nguyên tử. Ông cần một người phụ tá mới và ông có nghe các giáo sư của tôi nói đến tôi, ông chỉ có thể trả thù lao cho tôi một số tiền nhỏ thật không tương xứng với tài năng của tôi. Nhưng không biết tôi có chịu đến làm việc với ông hay không ? Với một nhà vật lý mới ra trường, được làm việc dưới quyền của Henry Maartens là cơ hội quí báu cả đời người mới có được một lần. Và không phải bất cứ ai muốn ngành, cũng biết không phải bất cứ ai muốn cũng có thể được làm việc với Maartens. Với tôi đó là dịp may độc nhất vô nhị. Với mẹ tôi việc tôi đi xa bà là việc quan trọng khó giải quyết nhất đời bà. Bà cầu nguyện Chúa rộng rãi nhiều đêm ngày, xin Chúa cố vấn cho bà và không hiểu tại sao, Chúa lại làm thế, Chúa khuyến mẹ tôi để cho tôi đi.

Mười ngày sau một chiếc tắc-xi bỏ tôi xuống vỉa hè trước cửa nhà Maartens. Tôi nhớ tôi đứng đó mồ hôi lạnh ra đầy người, cố gắng thu can đảm để nhấn chuông cửa. Tôi như một gã học trò tội phạm đến gặp Tổng Giám Thị nhà trường. Nỗi hân hoan khi thấy mình được chọn của những ngày đầu tiên trong tôi đã tan đi từ lâu. Ngay trong mấy ngày cuối cùng còn ở nhà nhất là trong những giờ trên đường đi chuyên dài đằng đặc và nặng nề, tôi đã nghĩ nhiều đến sự bất tài vụng về, ngu dốt của tôi. Một người như Henry Maartens sẽ mất bao nhiêu thì giờ để nhìn suốt qua một con người như tôi ? Một tuần ? Một ngày ? Rất có thể chỉ là một giờ ! Ông ta sẽ khinh tôi. Tôi sẽ là kẻ tài cho đám chuyện viên chế nhạo. Tôi sẽ vụng về, ngu dốt trong phòng thí nghiệm. Và tôi cũng sẽ chẳng hơn gì khi tôi ở ngoài phòng thí nghiệm. Gia đình Maartens mời tôi là khách của họ

trong thời gian tôi mới tới đây chưa tìm được phòng trọ. Việc họ mời tôi thật tốt, thật quảng đại nhưng cũng thật là tàn ác. Bởi vì giữa bầu không khí trí thức nghiêm trang của gia đình họ, tôi sẽ tự đề lộ con người thật của tôi một gã trai tình lẻng nhếch, một anh ngỗ. Nhưng... dù có sợ hay không, Ông Thầy đang đợi và anh học trò run rẩy vẫn phải vào gặp mặt. Tôi nghiêng mình nhìn chuồng cửa. Cánh cửa được mở do một người đàn bà da đen, loại nghĩa bộc mà chúng ta chỉ còn thấy trong những vở kịch với bối cảnh đầu thế kỷ này. Beulah, tên chị vú của gia đình Maartens, không những chỉ là một nghĩa bộc hiếm còn mà thôi, như sau đó tôi thấy chị ta còn là một người đàn bà đang đi trên con đường đến gần tình trạng thánh thiện nữa. Tôi tự giới thiệu với Beulah tôi là ai và trong khi tôi nói, chị nhìn tôi từ đầu đến chân. Cuộc quan sát đó dường như làm cho Beulah hài lòng, chị lập tức dung nạp tôi như một người trong gia đình, một người thân, đi vắng lâu giờ mới trở về, một đứa con hư trở về với gia đình như trong Kinh Thánh. «Đề tôi làm thấy ăn cái sáng-huýt và ly cà phê sữa nóng», chị nhấn mạnh việc cần thiết tôi phải ăn cái gì để lấy lại sức sau chuyến du hành và tiếp: «Ông bà ở cả trong nì». Chị mở cửa và đẩy tôi vào đó. Tôi đứng người ra đề chờ gặp Ông Tổng Giám Thị. Tôi chờ đợi gặp cả một hàng rào chương ngại trí thức ngăn chặn tôi bước vào gia đình này. Nhưng cái cảnh mà hôm ấy tôi bước chân vào giống cái cảnh mà mười lăm năm sau tôi nhìn thấy trong một phim riều của anh em anh hề họ Marx. Tôi ở trong một căn phòng khách lớn nhưng rất bừa bộn, lộn xộn. Trong ghế sofa nằm một ông già tóc bạc với nút áo ngực mở, ông già có vẻ đang chết — vì mặt ông xanh xám trông không còn chút

huyết sắc, hơi thở của ông ta ra vô với tiếng lao thảo của lá khô chạm nhau. Sát cạnh ông già, trong chiếc ghế xích đu, tay trái nâng đặt trên trán ông già, tay phải nâng cầm cuốn Pluralistic Universe của William James—người thiếu phụ đẹp nhất mà tôi được gặp trong đời tôi đang bình tình đọc sách. Trên sàn có hai đứa trẻ — chú bé con tóc đỏ đang chơi con tàu máy và cô gái 14 tuổi với cặp chân dài đi vớ đen, năm sắp, đang viết thơ. Thơ đây là thi ca chứ không phải là thư tư. Tôi nhìn thấy hình thể của bài thơ đang được sáng tác dở dang. Cô gái viết bằng họ đang làm. Chơi, viết, đọc và chết. Nên mỗi đến nửa phút sau sự có mặt của tôi trong phòng vẫn không được ai biết đến. Tôi ho, không thấy phản ứng gì, tôi ho nữa. Chú bé ngược lên nhìn tôi, mỉm cười lễ phép nhưng không chú ý rồi lại cúi xuống với con tàu của chú. Tôi chờ thêm 10 giây đồng hồ nữa rồi vì tuyệt vọng, bước sâu hơn vào phòng. Nhà thơ nữ năm sắp cần đường tiến của tôi. Tôi bước qua chân nàng và nói nhỏ: «Tôi xin lỗi.» Nữ sĩ vẫn không biết gì đến tôi nhưng người thiếu phụ đọc Williams James nghe tiếng và nhìn lên. Đến đến sửa xanh sáng. «Ông có phải là người nàng rục rỏ đáng yêu đến nổi trong một lúc, tôi không nói lên được thành tiếng.» Chân ghê — chú bé nói «Người sửa bắp ga có râu cơ mà.» Sau cùng, tôi cố gắng thốt lên được mấy tiếng: «Tôi là Rivers..» Người thiếu phụ nhắc lại: «Rivers?» «Rõ ràng nàng không biết Rivers là ai. Rồi chợt nàng nhớ ra «Rivers? Ồ.. Rivers.. Chào anh.. Chúng tôi đang chờ anh.»

(Còn tiếp)

BÀI HỌC CỔ SỬ

từ cổ sử

đến sử quan

đến ý nghĩa lịch-sử

CHÍNH-VĂN

ĐỊNH NGHĨA

CỔ SỬ học là một bộ môn nghiên cứu phụ thuộc vào lịch sử nói chung, nhưng mới phát triển mạnh trong vòng mấy chục năm gần đây.

Công việc làm của nhà cổ sử học thường có 2 phần : phần tìm kiếm dấu vết, nhất là xương, các giống vật đã bị tiêu diệt từ lâu, để so sánh với đặc tính của các giống vật hiện còn đang sống, và nhờ thế mà phẳng lần được sự biến thiên của đời sống từ khi có loài loài sinh vật đầu tiên cho đến khi có loài người ; phần thứ hai tìm kiếm dấu vết của loài người từ khi mới hình thành, rồi trải qua bao nhiêu hưng vong của bao nhiêu dân tộc cho đến nền văn minh hiện đại.

Công việc làm của nhà cổ sử học mới phát triển mạnh nhờ cách đây hơn 1 thế kỷ, nhà thông thái DARWIN lập thuyết tiến hóa, chủ trương và chứng minh loài người chính là hậu thân của loài khỉ. Sự chứng minh của nhà thông thái nước Anh chỉ có tính chất hoàn toàn lý thuyết, cho nên người đời sau tự coi như có nền phận tìm cách chứng nghiệm

thuyết tiến hóa nhờ những bằng cứ cụ thể. Sự chứng nghiệm mới đến cách đây khoảng 3 năm mới được coi là đầy đủ trước hết nhờ các nhà kỹ thuật về nguyên tử, có khả năng quan sát và đo lường chu kỳ của một vài loại nguyên tử nhất định (nitơ, cacbon) mà xác định được niên kỷ của một lớp xương, một viên gạch. Rồi sau đó, cũng nhờ kỹ thuật tìm kiếm và đào bới các di tích lịch sử, như một ngôi đền hay cả một thành phố đã bị đất cát phủ kín từ hơn 2.000 năm.

Kinh nghiệm, được khoa học và kỹ thuật hỗ trợ, cho phép các nhà cổ sử học xem một vài mảnh xương không còn nguyên vẹn mà ước tính được tuổi tác, giống nòi của sinh vật, cách mấy trăm nghìn năm, đã để lại những mảnh xương đó. Nhiều khi nhờ một vài dấu vết, các nhà cổ sử học mô tả được đời sống trong một thời kỳ nào đó của lịch sử : vết khời trên một mảnh đá nhon, cho máu dính vào trên một mảnh đá nhon, cho người ta biết đây là di tích của thời « đá đèo », mà loài người đã biết xử dụng ngọn lửa,

chức hân đề « thui » cái giò của kẻ thù trước khi vào tiệc.

Kinh nghiệm cũng cho phép các nhà cổ sử học khai quật được hẳn những kinh đô chỉ được nói đến trong sách vở, mà ngày nay không ai còn biết ở đâu. Đó là trường hợp kinh đô Pella của vua Alexandre đệ Nhất, một ông vua nổi tiếng tài giỏi về chiến trận: sau hơn mười thế kỷ biệt tăm, mới đây một nhà giáo, rất đam mê cổ sử học, mới tìm thấy dưới sâu từ 2 đến 15 thước đất bồi đã trở thành vườn, ruộng. Người ta, muốn đem toàn bộ thành Pella trở về dưới ánh sáng mặt trời, phải nhờ đến uy quyền của chính phủ Hy-lạp, truất hữu cả nghìn mẫu ruộng vườn, và đuổi trọn một làng dân đi chỗ khác. Công việc đang tiếp tục, nhưng từ bây giờ người ta đã hy vọng có thể nhờ di tích quan trọng này mà hình thành được toàn diện cuộc sống xã hội dưới triều đại của Đại đế Alexandre.

TÁC DỤNG

Như vậy, cổ sử học vừa tìm kiếm nguồn gốc của loài người, vừa khám phá những bí ẩn của lịch sử. Sự thành công mới đây của các nhà cổ sử học danh tiếng như P. Teilhard de CHARDIN, H. WEINERT, G. SCHENK v.v... đã minh xác được 5 điều:

Thứ nhất, thất quả loài người là hậu thân của loài khỉ.

Thứ hai, một nền văn minh đã xuất hiện cách đây khoảng 60 thế kỷ, chung quanh Địa Trung hải, và nền văn minh đó chính là nguồn gốc của nền văn minh kỹ thuật của Tây phương ngày nay.

Thứ ba, trên ven bờ Địa Trung hải, nhiều dân tộc đã đạt tới mức độ văn hóa khá

cao; tới mức độ kỹ thuật khá tinh vi, nhưng rồi theo định luật thăng trầm, các dân tộc ấy bị tiêu diệt hoặc tự lụn bại dần dần, mà không lần nào kết hợp được với nhau khiến cho đời sống của dân chúng được phần thịnh trên một khu vực rộng lớn.

Thứ tư, người ta phải chờ sự xuất hiện của Chúa Jesus Christ mới thấy một số dân tộc, vốn dĩ là những dân tộc man mọi miền Tây và Bắc châu Âu, thực hiện được sự kết hợp ấy « dưới bóng Thánh giá ».

Thứ năm, chính nhờ sự kết hợp nói trên đây mà đời sống ở Tây Âu trở nên phồn thịnh, mở đường cho sự tiến bộ của khoa học và nghệ thuật trong mấy thế kỷ cận đại — từ thế kỷ thứ 16 đến thế kỷ thứ 20.

Năm điều minh xác trên đây cho người ta thấy tầm quan trọng của bộ môn cổ sử học. Tuy nhiên, với tư cách người Việt ở Đông phương, chúng ta nhận thấy một cách dễ dàng rằng, cho đến nay, tất cả các nhà thông thái cổ sử học đều là người Âu Mỹ, cho nên họ có thái độ thiên lệch rất đáng trách, nhưng cũng rất dễ hiểu, là chỉ biết có lịch sử Tây phương với nền văn minh kỹ thuật xuất phát từ Tây Âu mà thôi.

Sự khiêm khuyết bề ngoài có vẻ nhẹ nhàng, nhưng thật ra rất trầm trọng. Vì cổ sử học ảnh hưởng đến triết học, khiến cho tất cả các nhà triết học. Tây phương—nhất là Marx, Chardin, Carrel, Du Nouy — đều không chú ý nhận biết rằng đời sống nghèo nàn, lạc hậu về kỹ thuật, của giống người Á châu, không phải là kết quả của sự ngu dốt hay lười biếng, mà chính là kết quả của một nền nếp suy tư và sinh hoạt trái hẳn với giống người Âu châu.

SỪA SAI

Trong khi nền văn minh Tây phương lan tràn khắp thế giới, tạo nên sự ganh đua quyết liệt về kinh tế chính trị, thì một số không nhỏ người Á châu, không kể người Nhật Bản, vẫn tỏ ra ngại ngùng, kháng đối nếp sống hưởng thụ vội vã, vất vả và không có ý thức rõ rệt, của người Âu, người Mỹ.

Sự kháng đối, tiêu cực ở đại chúng, trở nên tích cực ở một thiểu số trí thức. Thiểu số trí thức này không chấp nhận những kết luận nửa chừng của triết học thế lực có khả năng đào tạo cho họ sự quyền thế hay danh giá. Tuy nhiên, họ không tiêu cực ở mọi lý hằng hải và thành thật học tập tất cả mọi lý thuyết hiện hữu của Âu, Mỹ, rồi đem những lý thuyết ấy mà so sánh với những ý thức họ có tầm quan trọng hơn cả ở Á châu.

Sự so sánh làm bật ra những kết luận mới mẻ. Dưới dấu hiệu của đạo Phật, đạo Khổng, người ta nhận thấy các dân tộc Á Châu :

Thứ nhất, ít khi vô cớ tiến quân tấn công một dân tộc láng giềng.

Thứ hai, đời sống của một dân tộc rất ít thay đổi, trải qua hàng nghìn năm.

Thứ ba, sự học rất được tôn trọng, nhưng lại rất bị hạn chế, không phải vì các dân tộc ấy thiếu thông minh, mà vì một quan niệm triết học minh bạch.

Thứ tư, uy quyền tuyệt đối thuộc về vua chúa, nhưng vua chúa thường không sử dụng quyền đó với dân chúng, và ngược lại, dân chúng không đòi hỏi gì ở triều đình — ngoài việc giữ nước, phòng giặc.

bài học có sử

Thứ năm, sự sống rõ rệt không có mục đích hướng thụ vật chất. Một phần lớn dân chúng và hầu hết giới trí thức đều có ý muốn sống sao cho yên ổn, chết sao cho dễ dàng. Nhà không làm cao, người không ở đông, là những đặc tính căn bản của hầu hết các dân tộc Á Châu. Sự đua tranh được thu hẹp tới mức độ thấp nhất có thể được, và, do đó, sự tiến bộ không bao giờ được đặt thành vấn đề, trong triều đình cũng như giữa quần chúng.

Nói tóm lại, thì kể từ thời thái cổ của các dân tộc Ấn độ, Trung Hoa, có lẽ thời gian đã qua cũng vào khoảng 6.000 năm. Sáu nghìn năm lịch sử của Ấn-độ hay Trung Hoa, là sáu nghìn năm lịch sử liên tục, có thời loạn, có thời bình, nhưng không có những giai đoạn văn minh đột khởi, và những giai đoạn chìm đắm trong bóng đêm tiếp theo sau. Sự kiện này đáng cho chúng ta suy ngẫm, mà trong tâm hồn không có một chút mặc cảm nào đối với người Tây phương.

Sự so sánh đưa chúng ta đến một kết luận tạm thời, là đời sống ở Đông phương, không tiến bộ nên cũng không thăng trầm, và con người Đông phương tuy nghèo nàn mà ít lo nghĩ, ít sợ hãi. Đời sống ở Tây phương ngược hẳn lại, như chúng ta đã biết.

Karl Marx, cách đây hơn một năm, chỉ quan sát lịch sử Tây phương mà xây dựng nên triết lý duy vật. Công việc căn bản của ông ta là diễn tả lịch sử Tây phương thành một con đường liên tục của ý chí đấu tranh kinh tế. Karl Marx là nhà thông thái đầu tiên của nhân loại biết diễn trình lịch sử thành một chứng minh cho những hành động về sau : « Ý nghĩa của lịch sử là đấu tranh kinh tế, nên chúng ta không làm gì khác hơn được đấu tranh kinh tế. » Người ta gọi như thế là

một sử quan, một quan niệm lịch sử. Sử quan của Karl Marx vì phiến diện nên sai lầm.

Người phương Đông từ lâu cũng đã biết ôn cố tri tân. Nhưng sự tìm hiểu quá khứ chỉ rời rạc từng việc một vì dụ muốn làm ông vua tốt thì học hỏi Nghiêu, Thuấn, muốn làm tướng phụ thì học hỏi Quan vân Trường, muốn làm gian hùng thì học đòi Tào Tháo — mà chưa ai biết tìm hiểu con đường đi của lịch sử, chưa ai chứng minh được tính chất tất yếu của con đường, khiến cho người khác có thể hiểu được rằng không ai có thể đi ra ngoài con đường ấy mà có thể thành công được lâu dài.

Đó là một lầm lẫn, một thiếu sót.

Cho nên đã đến lúc chúng ta phải «sửa sai» cho Karl Marx đồng thời phải bổ túc cho nền triết học Đông phương. Chúng ta

cần xây dựng một sử quan mới tránh được tính chất tây phương phiến diện của Karl Marx, và bao gồm được những tinh hoa của đời sống nghèo khổ về vật chất nhưng phong phú trong tâm tư của người Đông phương.

Lịch sử có tính chất tất yếu và có những nhu cầu đương nhiên của nó. Bằng cách kinh qua cả lịch sử Âu châu và Á châu, chúng ta phải khởi bước đầu từ một điểm mà cách đây hơn một trăm năm, Karl Marx không thể nào biết được. Điểm đó là cổ sử học, bắt đầu từ khi loài người đã hình thành và có đời sống hoàn toàn khác loài vật.

Sự khác biệt, như ai nấy đều rõ, có 2 phần liên quan chặt chẽ với nhau: phần thân thể và phần tâm tư. Chúng ta sẽ nhờ đến cổ sử học, nhưng đồng thời cũng nhờ đến nhiều bộ môn khác của khoa học như tế bào học, bảo thai học, cơ động chỉ huy, (máy tính điện tử) để thực hiện công việc nói trên.

CỔ SỬ HỌC TỪ GIỐNG KHỈ PROCONSUL ĐẾN LOÀI NGƯỜI

Kết luận chung của các nhà cổ sử học là sự chấp nhận định luật tiến hóa của Darwin — vừa hóa, nghĩa là vừa biến đổi thể chất, vừa tiến bộ, nghĩa là đời sau phải hơn đời trước.

Về sự biến đổi thể chất, người ta đã hầu hết đồng ý: đời sống bắt đầu từ dưới bể. Từ các giống rong rêu, san hô đến các loài ốc cua, tôm cá, có những sinh vật vượt cạn, thích nghi và biến đổi thành cây cối, sâu bọ, thú vật, và sau cùng, giữa các thú vật có loài khi dần dần đứng thẳng, đi hai chân, biến đổi bộ óc v.v... mà thành người.

Sự hiện hữu ở dưới nước của một vài loài cá đẻ con và cho con bú, một vài loài cá

thông minh như cá ông-hoàng (dauphin), cũng như sự hiện hữu của một vài loài vật có bàn tay giống bàn tay người — như con tarsius-tarsius, một loài thú nhỏ cách đây hơn 60 triệu năm và hầu như đã bị tiêu diệt — hoặc một số điều thú có trí thông minh đặc biệt, đã không phủ nhận lý thuyết Darwin mà, ngược lại, còn minh xác rằng trái qua ngót 10 triệu thế kỷ, không phải riêng một vài giống nào mà tất cả các loài sinh vật đều có tính thích nghi để tiến tới. Như một thân cây, đời sống tỏa ra làm nhiều cành, có những cành mới nhú ra đã thui chột ngay, có những cành vượt tới mức độ nào đó thì đứng lại, trong khi có một cành nào đó, gặp ngoại cảnh hoàn toàn thuận lợi, mới đưa được tới loài người.

Đó là sự biến đổi của thể chất, phù hợp với các điều kiện về thiên nhiên và địa lý (khí hậu, lương thực...)

Còn về sự tiến bộ, thật ra, cho đến gần đây, sự học hỏi trong sách vở chưa bao giờ chứng minh được rằng trên con đường vô tận của đời sống, loài người quả thật đã « hơn » giống vật. Ví dụ có người nói đạo lý, có người nói khoa học có người nói lịch sử là những cái « hơn » đó. Nhưng lại có người cho rằng loại người đã giết nhau khá nhiều vì luân lý mà trở thành vô luân, trong khi khoa học cung cấp vũ khí giết người từng loạt, còn lịch sử thì không biết làm gì.

« BIẾT » NGOẠI CẢNH

Thật ra, tài liệu cho đến nay đã đầy đủ, cho phép chúng ta kết luận rằng sự thích nghi của muôn loài sinh vật để tiến tới loài người thật quả là một sự tiến bộ.

Một sự tiến bộ, nếu không kể giai đoạn tiến bộ từ các sinh vật đơn bào đến các sinh vật đa bào, có thể được chia làm 2 bước, mà bước thứ nhất là THÍCH NGHI ĐỂ BIẾT NGOẠI VẬT, NGOẠI CẢNH.

Thật thế, với tư cách những cá nhân đã trưởng thành, chúng ta nhìn đời sống quanh mình mà không ngạc nhiên chút nào. Nhưng nếu ví dụ chúng ta từ một đi cầm và khấc mới đến ; ví dụ chúng ta vốn đi cầm tay, điếc, và mù và không có môi lưỡi, chân tay, từ nhỏ cho đến lớn, rồi khoảng 40 tuổi mới biết sờ mó, mở mắt nhìn... lẽ tất nhiên chúng ta sẽ kinh ngạc vô cùng, kinh ngạc đến nỗi sẽ không sống được. Bởi chúng ta sẽ khiếp sợ số đông sinh vật ở chung quanh, sẽ khiếp sợ vì trời cao đất rộng, sẽ chóng mặt vì sự vận chuyển và di chuyển vì tiếng động xa gần.

Bây giờ, nếu chúng ta có thể đặt mình

bài học cổ sử

vào địa vị con kiến, chắc hẳn chúng ta có ý muốn trở nên to lớn hơn. Nếu là con rắn, chúng ta muốn cất mình lên cao khỏi mặt đất. Là con vật bốn chân, chúng ta muốn có cách gì cầm được món ăn đưa vào miệng. Là con khi đi được bằng hai chân còn bàn tay đã biết cầm nắm, thì loài người cổ sơ ấy không thể nào không có sự ao ước tự đào lấy lương thực cho mình.

Con đường dài đặc, phức tạp và hơi khó tin, nếu người ta không chấp nhận diễn tiến quyết là sự hiện hữu của Thượng đế, mà nếu Ngược lại, nếu có Thượng đế, thì tại sao Thượng đế toàn trí toàn năng, thì tại sao Thượng đế không đào tạo ngay ra loài người, như kinh thánh của đạo Ki-tô đã gián tiếp chứng minh ? — Sở dĩ nói « gián tiếp » vì kinh Cựu Ước chỉ nói Thượng đế tạo nên con người, và nói rằng con người đã giống như các bậc thần linh (sau khi ăn trái cấm và biết phân phải trái, tốt xấu). Kinh Tân Ước cũng nói Chúa Ki-tô là con Thượng đế. Nhưng cả hai tài liệu vì đại ý đều không nói rõ rằng « giống » là giống về tinh thần hay thể xác, và cũng không nói rõ « là con » thì con về thể xác hay về tinh thần.

Truyền thống nói hai nghìn năm và sự hiện diện của mấy trăm triệu tín đồ Kitô giáo không cho phép chúng ta day khờ diễn Vati-can rằng ông Adam chỉ được coi như giống các thần linh sau khi ăn trái cấm và chính vì ăn trái cấm ; còn Chúa Ki-tô đã được thiên thần Saint Esprit (Tinh thần Thần linh) đưa tin thụ thai nơi bà Mẹ Marie. Như vậy, lý tưởng ra người ta nên hiểu loài người chỉ giống Thượng đế về tinh thần—sự phân biệt thiện ác—và Chúa Ki-tô cũng chỉ là con tinh thần của Thượng đế.

Vấn đề trên đây không có gì quan trọng đối với các tín đồ bình thường của Chúa Ki-tô, nhưng nó có tầm quan trọng rất lớn, và đã từng hành hạ nhiều đầu óc thông thái như Du Noüy, Chardin. Bởi họ là những nhà

khoa học nên cần chứng minh cụ thể, hay ít ra cũng hợp lý... Du Nouy không biết làm cách nào khác để bảo vệ đức tin của ông ta, nên phải dùng đến chứng minh toán học và lý luận. « Đời sống không thể do ngẫu nhiên phải do Thượng đế tạo thành ». Trong khi đó, linh mục Chardin đưa ra kết luận : « Đời sống được hình thành do sự sống lần mò trong môi trường, một cách ngẫu nhiên có chỉ huy, của muôn vạn tế bào sống. Nhưng đời sống đưa đến loài người, rồi loài người đưa đến Chúa Ki-tô, là đỉnh cao nhất trong vũ trụ ».

Như vậy là linh mục Chardin, bằng một cách sáng tỏ trên giấy trắng mực đen không chấp nhận Thượng đế ở đâu sự sống, và Chúa Ki-tô ở đâu nền văn minh Tây phương. Là tất nhiên Chardin đã sai lầm, nhưng trong sự sai lầm của ông có 2 điều giúp chúng ta tìm thấy Thượng đế. Điều thứ nhất là Chardin ghi nhận sự hiện hữu của một năng lực tiến sinh như một ý chí bằng bạc trong các khôn và chính năng lực này làm nên sự sống đơn sơ trong các tế bào đầu tiên, và cũng chính nó (lẽ đương nhiên) chỉ phối sự vận động của các tế bào trong sự lần mò tới tăm, một cách ngẫu nhiên nhưng có chỉ huy để đào tạo ra các sinh vật ».

Năng lực cần khôn, ý chí tiến sinh lần mò tới tăm, ngẫu nhiên có chỉ huy, chúng ta nhận đó chính là Thượng đế. Qua niệm này không hạ thấp mà, trái lại, còn nâng cao quan niệm tây phương về Thượng đế : một năng lực mệnh mông, một ý chí cao cả, dài rộng không biết đến đâu là cùng, và mẫu nhiệm không biết thế nào mà tương tượng cho kịp, vì Thượng đế, từ bao nhiêu nghìn triệu năm nay, đã thu thập được bao nhiêu kinh nghiệm về sự đào tạo và chỉ phối đời sống, trên Địa cầu và trên biết bao nhiêu hành tinh khác !

(Một công phu so sánh đại cương cũng cho thấy đường trục kính của Địa cầu bằng 1 phần

100 đường trục kính của Mặt Trời, và đem đường kính của Mặt Trời nhân lên 100 lần, người ta sẽ có khoảng cách từ Mặt Trời tới Địa cầu. Và người ta tự hỏi đó có phải là những tương quan cần bản, cho phép đời sống nảy nở trên bất cứ hành tinh nào ?)

Đến đây, chúng ta có thể trở lại đoạn đầu, để xác nhận đời sống của loài người và muôn loài không phải là sản phẩm trong khoảng khắc của một đấng chỉ tên đầy hiểu biết nào ; và đời sống cũng không phải là sản phẩm của sự vận động hoàn toàn ngẫu nhiên của vật chất — nhà thông thái Leconte du Nouy đã làm bài toán xuất sắc để chứng minh điều đó. Đời sống là sản phẩm của sự vận động của vật chất là một điều có thật, nhưng sự vận động đó được chủ trị và chi phối bởi một Tinh Thần vô cùng rộng lớn — bao quanh Địa Cầu, bao quanh Thái dương hệ, nối liền các thiên hà xa cách Tinh Thần thoát đầu còn lần mò trong tối tăm, nhưng lâu dần thu thập ánh hồng của hàng triệu triệu con người đã quá vãng, đã trở thành siêu việt, nhiệm mầu như sự hiểu biết của người thường chúng ta miễn viễn không bao giờ thông cảm được.

Nói tóm lại, chúng ta xác nhận chính Thượng đế — theo quan niệm của chúng ta — chủ trị và chi phối đời sống, và làm cho đời sống, có tiến hóa. « Có khả năng đáp tất cho đời sống bị đặt trong giây phút, Thượng đế không có khả năng chỉ huy một con kiến và bất nó đi lại một bước ». Chính vì thế cho nên đời sống, cho đến nay, vẫn còn là một sự lần mò trong tối tăm, một cách ngẫu nhiên có chỉ huy, nhưng mỗi ngày theo một tốc độ càng thêm nhanh chóng.

Chính vì thế nên phải mấy tỷ năm khác loại tế bào mới kết hợp được thành các loài

sinh vật, phải mấy trăm triệu năm mới đưa được đời sống từ dưới nước lên cạn, phải mấy chục triệu năm mới biến được giống khỉ thành giống người, mà trong thời kỳ gần gũi nhất, chỉ có 8 nghìn năm đã làm nên đời sống văn minh hiện đại.

GIẢI THÍCH LƯỢC ĐỒ. NHỮNG KHOẢNG TRỐNG

a.— *Thượng đế chủ trì và chỉ phối đời sống thế nào?* — Như được trình bày trong những bản lược đồ in thành phụ bản (mượn trong cuốn L'HOMME của G. SCHENK, nhà xuất bản Arthaud 1963), đồng thời cũng phụ ý của P.T. de CHARDIN trong công phu nghiên cứu cổ sử học và tự nhiên học của ông, đời sống đã xuất hiện trước chúng ta mấy tỷ năm, ngay sau khi địa cầu, theo lý thuyết về thiên thể vật lý học của lĩnh vực H. LEMAI- TRE, đã nguội dần và đóng thành vỏ đất cứng trên bề mặt.

Bắt đầu là các nguyên tử các chất đơn, sau đến lượng tử của các chất hợp, sau nữa đến một vài thứ acid chưa phải là tế bào, nhưng đã chứa đựng những biến thiên tinh tế trong nội tâm. Một trong các thứ acid DRN trở thành cái nhân của một thứ acid khác, acid RN, có đời sống thời thành giản đơn, bên trong cái màng bọc làm thành hình thê. Đó là một tế bào sống.

Lịch trình của đời sống từ trong một lượng tử dẫn bạch tinh không có biến thiên qua những sinh vật đơn bào, đến đời sống trong một sinh vật đa bào lịch trình đã được trình bày trong một lược đồ in trong cuốn VI TRÙNG HỌC Y KHOA của nhà vi trùng học Bác sĩ Nguyễn Văn Ai. Lược đồ này được trích in trong cuốn MỐI TÌNH

tình nư

MÀU HOA ĐÀO của Nguyễn MẠNH CÔN với sự giải thích theo lập trường riêng của tác giả.

Từ đời sống trong các sinh vật đa bào thì, đại ý, theo G. SCHENK từ trạng 11 đến trạng 32 cuốn L' HOMME, thì thoát tiền hàng nghìn tế bào cơ thể và mầm mống được kết tụ trong một cái màng bọc chất nhầy dính. Một thời gian qua các tế bào cơ thể chết đi, trong lúc các tế bào mầm mống sinh sản liên tục sau cái chết của tế bào mẹ. Lịch trình tiến hóa trong giai đoạn này, dài đến mấy tỷ năm, mới đưa đến các loài bản sinh vật như san hô, rong rêu, và sau nữa mới đến những sinh vật mà toàn thân chỉ là một bộ máy tiêu hóa học trong một làn đa mống.

Đến đây, theo G. SCHENK, các sinh vật lần tìm lên mặt đất. Rong rêu, san hô v.v.. biến thành cây cỏ v.v., thành rừng tràm, trước còn lan mòng trên mặt đất, sau có rễ có cành, làm nơi bầu vú dương tỵ cho các sinh vật từ dưới nước bò lên.

b.— *Nhưng tại sao lại có sự tìm lên mặt đất?* Vì sống dưới nước đang yên ổn, các sinh vật, dù là rong rêu hay tôm cá, không có lý do gì để tìm đến sự biến hóa khó khăn. Câu trả lời theo Thượng đế. Thượng đế được đặt vào tay Thượng đế. Thượng đế trước hết là ngẫu nhiên: do ảnh hưởng của thủy triều, không ít sinh vật dưới nước bị cuốn trôi về khi nước rút. Các sinh vật đó tất nhiên sẽ chết vì khô héo. Nhưng trước khi chết, dù chỉ trong một lúc hay trong nhiều ngày, sinh vật đó được biết thế nào là không khí, là ánh sáng. Rất có thể, dù chỉ trong khoảnh khắc, các sinh vật đó đã phân ứng rất thuận lợi — mầm vườn dài, hoa nở

trước khi chết vì thiếu nước. Nhưng cũng rất có thể sau một thời gian ngắn này nữa, các sinh vật đó lại được một lần sống của lớp thủy triều sau cuốn về đáy bể. Sinh vật đó không trông thấy, không sờ mó, nhưng nó biết, do nội thân phản ứng. Có một nơi nào mà điều kiện sống khác hơn nước mặn. Phản ứng được ghi thành ký ức cần bản trong linh hồn. Một ý chí lần mò, được thử thách không ngừng, sẽ biến đổi sinh vật khiến cho lần sau, nếu có bị dạt lên bờ, nó có thể sống lâu hơn, lâu hơn. Ý chí đó, từ sự xác nhận ngoại cảnh đến sự thích nghi, đã chủ trì và chi phối dần dần đời sống. Ý chí đó, trong những sinh vật được nói ở trên, là Thượng Đế là một phần, không khác biệt và không tách rời, của Thượng Đế bao quanh Địa cầu.

Thượng Đế vừa ở ngoài và bao quanh địa cầu, Thượng Đế cũng ở trong tinh thần của khối óc, ở trong tế bào của các sinh vật. Chỉ có thể người ta mới giải thích được, mà không dùng định đề hay phương pháp quyền bái, vì sao có ý chí thích nghi trong muôn loài mà chính chúng không biết. Ví dụ trong khi loài khỉ dùng bàn tay vịn vào cành cây mà đứng thẳng lên một cách vững vẻ, thì loài óc nó không biết nghĩ, mà hai cặp giò và hai bàn chân biến đổi dần dần, trong rất nhiều đời, khiến cho chúng, khi trở thành người, có thể đi đứng vững chắc, nhẹ nhàng. Và cũng như thế, khi mấy loài vật 4 chân còn sống nhờ vào sự đánh hơi thì phần óc liên hệ đến khứu giác của chúng còn tương đối lớn, nhưng ở loài người dùng mắt nhiều hơn mũi, thì phần óc nói trên quắt nhỏ hẳn lại, trong khi phần liên hệ đến thị giác (xem hình khối óc, với chỉ tiết đầy đủ, nơi bìa sau cuốn MTMHĐ), ở sau gáy lớn hẳn lên. Nói tóm lại, một sinh vật có thể không biết gì về nhu cầu tiến hóa của bản thể của nó, nhưng,

Thượng Đế ở ngoài Địa cầu và ở trong tế bào của nó, có khả năng phối hợp sự hiểu biết ngoại cảnh và nhu cầu nội thân, Thượng Đế mở đầu và thúc đẩy sự tiến hóa cần thiết —
Xem trang 5 phụ bản, phần nói về bộ óc.

c — Nhưng tại sao có những khoảng trống?
Như đã nói trên, linh mục CHARDIN, trong phần lý thuyết của ông về sự sinh trưởng của các loại tế bào, có nói đến một năng lực siêu sinh mà ông không giải thích là gì, nhưng lại được ông đặt vào vị trí cực kỳ quan trọng là làm động cơ cho sự sống của các tế bào. Nói một cách khác, CHARDIN chỉ nhận định về quá trình sinh trưởng của các tế bào sống, và về công phu đào tạo sinh vật đa bào của các tế bào ấy. Chính trên con đường mà ông soi thấu được bằng kính hiển vi, CHARDIN đã xác nhận không có Thượng Đế. Đó là khoảng trống to lớn nhất trong lý thuyết của vị linh mục có tài năng siêu việt này.

Sau CHARDIN đến Nguyễn Văn Ái. Là một tiến sĩ y khoa chuyên về vi trùng học, bác sĩ Ái còn viết nhiều hơn, mặc dù không đặt vấn đề luận lý triết học, về các loại tế bào mà người ta có thể gọi là sinh vật (vi trùng, cầu trùng v.v...) Bác sĩ Ái không nói đến sự chuyển tiếp từ những phân tử, lượng tử vật chất khô cứng, không có sự sống, đến các tế bào có sự sống, nhưng trong bức lược đồ cha ông về quá trình hình thành sinh vật, trong cuốn VI TRÙNG HỌC Y KHOA, cũng có đề một khoảng trống. Y khoa là một trong những bộ môn mang nhiều thực nghiệm tính hơn cả của nền khoa học Tây phương, nên người ta không lấy làm lạ rằng còn phải trải qua một thời gian khá dài nữa y khoa mới chấp nhận sự hiện hữu của một « tinh thần căn bản » trong các tế bào, đồng tính với khoảng chân không bao quanh chúng ta — mặc

đều, ngay từ bây giờ, nhiều nhà y học đã xác nhận có một thứ sinh hồn (bio-conscience) trong các tế bào sống, và sinh hồn này không những có khả năng "biết" và phản ứng lại các điều kiện khách quan, mà còn có kỷ ức để ghi nhận một số sự kiện xảy ra trong nội thân của chúng.

Sau khoảng trống về nguồn gốc của sự sống nói chung của muôn loài, chúng ta vượt lên đến những khoảng trống của con đường đưa từ tế bào đến sinh vật và nhân loại.

Như đã nói, các nhà tự nhiên học, tế bào học, đã mô tả được hợp lý và đầy đủ, con đường đưa từ tế bào đến các loài sinh vật nổi trời, rồi sinh sống trong nước bề. Sinh vật đơn bào, sinh vật đa bào nhưng chưa có bộ phận nào có nhiệm vụ rõ rệt, đến các loài sinh vật chỉ có bộ ruột dưới làn da, đến các loài sâu bọ, ốc cua, tôm cá... rong rêu sẽ lên bờ, tôm cá sẽ lên bờ, kỷ ức lẫn lộn vào nhau thành những loài cây có vảy, những loài vừa là cua tôm vừa là rong rêu. Con đường đến đây được chấp nhận dễ dàng, vì người ta đã tìm thấy những bộ xương cá đang biến thành thân lươn. Người ta cũng giải thích được sự hiện hữu của loài cá sinh vật và cho con bú: trong khi có những sinh vật dưới bề tìm lên mặt đất và thích nghi với đời sống khô cạn, thì chính do ý chí tiến hóa, có những sinh vật khác cứ ở dưới nước, và nhờ cuộc sống thì kéo dài mà có rất ít biến thiên, đã thực hiện được một trong những điều kiện thiết yếu có tác dụng bảo vệ và truyền tiếp các đặc tính của nó giống, là sinh con ngay từ trong bụng, và nuôi con một thời gian dài sau khi nó ra đời.

Nhưng sự liên tục sáng tỏ chỉ đến đây là ngừng lại. Người ta, trên con đường tìm

hiếu quá khứ, sẽ gặp những câu hỏi mà đến nay chưa được trả lời. Ví dụ:

- 1 — tại sao trong quá khứ có những loài sinh vật tồn tại được mãi, có loài khác lại bị tiêu diệt đi?
- 2 — nhiều loại thú sống khoảng 500 triệu năm trước đây đã bị tiêu diệt, có phải cùng một lúc, do một biến cố địa cầu nào hay không?
- 3 — loài khỉ Proconsul xuất hiện khoảng 25 triệu năm trước, do loài vật nào biến thành — nếu chấp nhận thuyết tiến hóa thì không thể nói tự nhiên mà có loài khỉ ấy.
- 4 — tại sao chỉ có một loài khỉ biến thành loài người? Người ta có nên chờ đợi một loài sinh vật thượng đẳng nào do loài cá biến thành ngay dưới bề (nên nhớ thời gian vận động của đời sống ở dưới bề dài gấp mười lần ở trên cạn)?
- 5 — tại sao khi thành hình người loài khỉ lại mất đi một số khả năng có sẵn, như mắt nhìn được ban đêm, mũi và tai rất thính, cánh tay cử động rất nhanh v.v...
- 6 — loài người rõ rệt có nhiều điểm hơn loài khỉ và các giống vật khác, vậy nguyên nhân vì đâu mà có sự tiến bộ đó — những sự tiến bộ không có tính chất liên tục với đời sống của loài vật? Và như thế, phải chăng sau cùng, người ta vẫn phải chấp nhận nguyên tắc cấu tạo tự nhiên, do một đấng thiêng liêng nào?

Trong 6 câu hỏi — giữa rất nhiều câu hỏi khác — có 2 câu sau cũng cần được giải thích hơn cả, vì có liên hệ trực tiếp đến loài người,

và có liên hệ gián tiếp đến trí thông minh ở loài người và loài vật.

d) *Về trí thông minh ở các sinh vật.*—Thật thế, một trong những điều nan giải nhất đối với chúng ta hiện nay là sự so sánh trí thông minh giữa loài người và loài vật.

Một viên kỹ sư, sau khi quan sát một cái đập ngăn nước của loài hải ly, đã thốt lên một cách kinh ngạc: « Tôi dám chắc không phải nhà chuyên môn, người ta thật khó mà đập được một đập nước tương tự chỉ bằng cây và đá không thôi! » Một nhà tự nhiên học theo dõi con đường di cư của loài hạc mầu xám tro, một vị khách nghiên cứu cách thức loài ong vào rừng lấy mật, xa rồi ông hàng chục cây số, rồi lại trở về, đã đồng thanh xác định rằng trên đời khó có người nào, vào hoàn cảnh của loài ong hay loài hạc, có thể ghi nhớ đường đi xa xôi quanh quẩn như thế mà không bị lạc. Như vậy, có phải chăng loài vật có nhiều giống thông minh hơn người?

Câu trả lời là không. Nhưng một nhà khoa học không bao giờ dễ dãi như vậy. Nhà khoa học đã cân thử bộ óc: nhiều loài vật có óc lớn hơn óc người. Giáo sư Cuvier đặt ra tương quan giữa cân nặng của óc và của thân thể. Kết luận là loài chim sẻ thông minh hơn con người. Nhà bác học Malthaner đã đem bình phương của sức nặng của óc chia cho cân nặng của toàn thân. Chúng ta ngã về giải pháp của Cuvier.

Căn cứ vào bản đồ trên đây, chúng ta thấy Cuvier có phần hợp lý, kể từ giống vượn (thứ 3) đến giống đà điểu, có tiếng là蠢 độn—thấy địch thì rúc đầu vào cát—và giống cá voi, bị giới hạn sinh hoạt dưới nước, là hai giống kém thông minh nhất. Ở quãng giữa, chúng ta thấy con đười ươi khôn hơn con khỉ độc, con chim câu khôn hơn con gà mái, con mèo khôn hơn con chó, đều là những tương quan có thể chấp nhận được. Duy còn một điều khó chấp nhận, khi chúng ta là người, là chúng ta chịu kém trí khôn giống chim sẻ. Nhưng đó cũng

LOẠI SINH VẬT	Cân óc bằng gram	theo CUVIER		theo MALTHANER
		I trên 29		
Chim sẻ	0,84	I — 39		0,029
Người	1375,00	I — 175		35,
Vượn	400,00	I — 124		5, 2
Đười ươi	400,00	I — 128		3
Mèo	32,00	I — 152		0, 25
Bò câu	1,90	I — 231		0, 013
Khỉ độc	425,00	I — 250		2,
Chó	102,00	I — 446		0, 37
Gà mái	3,00	I — 534		0, 007
Ngựa	520,00	I — 1200		0, 97
Đà điểu	29,00	I — 15000		0, 024
Cá voi xanh	7.000,00			0, 47

là điều hợp lý, nếu chúng ta chịu khó xem xét sự sống của loài sê, rất phần thịnh và có thật nhiều âm thanh dễ thông tin tức với nhau — và lại, nếu trí khôn ở đôi mắt, thì chỉ việc nhìn thấy cặp mắt long lanh, trong sáng của một con chim sê, là chúng ta đã có một ý niệm rõ rệt về sự thua kém của chúng ta.

khôn hơn giống mèo và chó (0,25 và 0,37) trong khi con cá voi (0,47) lại ngang con chim sê (0,025) đến 20 lần, và con đà điểu (0,024) gấp 3 lần con gà mái (0,007) — con gà mái nuôi con như thế mà chịu bết — thì quả nhiên rất khó !).

(Kỳ sau sẽ tiếp)

(Còn theo Malthaner, chúng ta được thỏa mãn tự ái làm người, với chỉ số 35. Nhưng sau đó, ta phải chấp nhận giống ngựa (0,97)

Trong số **CHÍNH VĂN** số 2 : Bài cổ sử học — Nguồn gốc và đặc tính của trí khôn hiền qua các máy tính điện tử.



SÁCH SÁNG TẠO

● Tuyển Tập Văn Chương Nhi Đồng Đoàn Quốc Sĩ sưu tập.

Đã ấn hành

Quyển 1. Ca dao nhi đồng (Việt-Nam và quốc-tế)

Quyển 2. Ngụ ngôn (Việt-Nam và quốc-tế)

Quyển 3a. Thần thoại Ấn-Độ

Quyển 3b. Thần Thoại Việt-Nam và Trung-Hoa.

(sắp ấn hành Quyển 3c Thần Thoại Nhật-Bản, Đại Dương Châu, Hy Lạp, Bắc Âu)

Đặng Trần Huân

● Chuyện Vợ Chồng tập truyện cười

● Khái Niệm về Ngôn Ngữ và Thi Pháp Anh biên khảo Đỗ Khánh Hoan

Đoàn Quốc Sĩ

● Trái Đứng Trường Sinh tập đoản thiên

Đoàn Quốc Sĩ

● Sầu Mây truyện dài

(ấn bản thường, giá phổ thông)

KỶ NGUYÊN KHÔNG GIAN NĂM 1

nguyên tác :

CHARLES HENNEBERG

phóng tác :

NGUYỄN MẠNH-CÔNG

truyện dài đăng trọn bốn kỳ

*C*hả thích một truyện dài là một việc làm đã không có lợi còn có hại. Nhưng sự chú thích riêng trong trường hợp tác phẩm này của Henneberg, là điều rất cần thiết.

Trước hết, vì đây là cuốn tiểu thuyết hay nhất mà tôi được đọc, trong khoảng vài chục năm gần đây. Nhưng đã bị phóng tác, theo đúng nghĩa của danh từ tức là đã bị cắt bớt ở một vài nơi bị thêm thắt ở một vài nơi khác, và đôi khi, còn bị thay đổi hẳn cả đoạn.

Thứ hai, vì đây là một cuốn truyện dự thi và giả tưởng khoa học, mà nội dung khêu gợi ra 2 vấn đề quan trọng. Vấn đề thứ nhất là sự vượt ra ngoài Thái dương hệ của một không thuyền chúng ta biết, theo Einstein, thì vận tốc tối đa giới hạn của vật thể chính là vận tốc của ánh sáng — 300 ngàn cây số giây. Nhưng dù cho có di động nhanh bằng ánh sáng, loài người vẫn phải đi ít ra là 4 năm, nhiều là hàng triệu triệu năm, mới tới một thái dương hệ khác, một thiên hà khác. Như vậy, muốn nghĩ đến lúc nhân loại đi tìm một địa cầu khác có người ở, tất nhiên người ta phải tưởng tượng ra một cách thức di động vượt ra ngoài lý thuyết của Einstein.

Từ mấy chục năm nay có rất nhiều tác giả viết truyện về loài người chiếm lĩnh không gian, nhưng chưa ai dám nói tới phương tiện di chuyển một cách đầy đủ: người ta chỉ mượn tưởng ra hỏa tiễn vào, rồi ra khỏi siêu không gian, rồi đến đích.

Charles Henneberg là người đầu tiên sáng chế ra một cách thức đa hành trong không gian, vừa hợp lý vừa thật đẹp. Riêng đối với tôi, sự sáng tạo của Henneberg còn có tầm quan trọng, vì biện pháp mà ông ta (đã quá cố) hoàn toàn thích hợp với chủ trương lý thuyết của tôi. Tuy không thật sự giống nhau, hai đường lối suy tư có thể được coi là một: chỉ có tinh thần con người mới vượt qua được hàng rào giới hạn vận tốc của vật chất.

Vấn đề thứ hai liên quan đến cổ sử học và lịch sử văn hóa của nhân loại. Như đã và sẽ được trình bày trong bài "Cổ sử học" cũng đăng trong số này, đời sống sinh vật đã hiện hữu hàng trăm triệu năm nay, và riêng giống khỉ *Proconsul* rất giống loài người đã để lại dấu vết từ 30 triệu năm, và loài người đã biết chế phục ngọn lửa từ 400 nghìn năm, mà trong khi đó nền văn minh hiện đại mới có lịch sử không dài hơn 8 nghìn năm. Hàng trăm triệu, hàng chục triệu, hàng trăm ngàn, đối với 8 ngàn, thật lớn quá. Cho nên các nhà cổ sử học không thể nào không tự hỏi rằng trong khoảng 25 triệu năm loài khỉ đã biến thành loài người mấy lần — nghĩa là đã có bao nhiêu loài người bị tiêu diệt đi rồi! — và trong khoảng 400 nghìn năm, loài người đã kiến tạo được bao nhiêu nền văn minh, nghĩa là đã có bao nhiêu nền văn minh bị tiêu diệt đi rồi.

(Một con Mamouth chết đứng vì bị lạnh ở vùng Tây Bá Lợi á, mà còn giữ trong kẽ răng những bông hoa cỏ *renoncule* chỉ mọc ở nơi nào ẩm áp: một sản rộng minh mông ở Trung Đông, toàn bằng những phiến đá phẳng lì ráp lại, mỗi phiến nặng đến độ chiếc cần trục mạnh nhất thế giới không nhấc lên được: một hòn đảo nhỏ, bờ vờ giữa Thái Bình Dương, có những hàng tượng đầu người quai dị đổ vào đá không hề phôi cấn xuống đất còn cao tới mười mấy thước — đó là những bằng chứng, giữa hàng trăm bằng chứng khác rằng chắc chắn đã có ít ra là một nhân loại, với một nền văn minh đến trước chúng ta và đã bị tiêu hủy hoàn toàn.)

Riêng về Henneberg, ông nhắc đến, bằng một cách cực kỳ nên thơ, một điều quả quyết của Platon, một nhà tư tưởng thông thái của Hy Lạp, trước Chúa Ki-tô Platon viết trong sách ông để lại: bên ngoài Địa Trung hải có một lục địa lớn, mà dân chúng rất tài giỏi, gọi là Atlantis.

Nhiều người tin Atlantis có thật, ở giữa hai châu Âu, Mỹ. Atlantis đã chìm xuống đáy biển Đại Tây. Nhiều nhà văn đã lấy Atlantis làm đề tài tiểu thuyết, thơ kịch. Nhưng không ai được như Henneberg, đặt sự sống và cái chết của giống người Atlante vào những cảnh tình vừa kỳ lạ quái đản, vừa cuồng nhiệt si mê, mà còn có ý hướng giải bày một quan niệm đặc biệt về văn hóa: dân tộc Atlante bị tiêu diệt vì quá ngã, ngã hẳn về khoa học và kỹ thuật, ngã hẳn về hưởng thụ thân xác.

xXx

Tôi không chối rằng cả hai vấn đề càng hợp với quan niệm của tôi trong hai lãnh vực triết học và khoa học. Tôi tin rằng đa số bạn đọc đã đồng ý với tôi, trong khi chúng ta cùng nhau tìm hiểu một ý nghĩa cho đời sống, và một giải pháp trung dung giữa hai nền văn minh mà của Tây phương — mà Platon là một trong những người đặt móng xây nên — và nền văn hóa quê của Đông phương thâm trầm lặng lẽ của cha ông chúng ta xưa.

Tôi hy vọng bạn đọc sẽ hài lòng với tập truyện đăng sau đây của Henneberg. Giữa lúc vô cùng bận rộn vì công việc của chính mình còn chưa làm xong mà thời giờ thì gần hết đến nơi — tôi cố gắng phóng tác cuốn "KỶ NGUYÊN KHÔNG GIAN, NĂM 1" để giới thiệu với các bạn một tác phẩm không-thể-nào bỏ-qua cho được.

N.M.C.

19.6 MCMLXX

kỷ nguyên không gian...

CHƯƠNG MỘT

ĐÍCH TỚI : TÙY TINH THẦN NỮ

Lúa—con gái, gọi tắt là Lúa, đang vội đi bỗng đứng phắt lại, như bị trúng một viên đạn vô hình. Một tiếng gọi cất lên, không liên hệ gì đến thiếu nữ, nhưng không hiểu tại sao làm cho nàng rung động toàn thân.

“Khởi hành đi Tùỳ Tinh Thần Nữ đúng 20 giờ 17 phút. Chuyên viên và hành khách, xin tới phi đạo 12.”

Tất cả các phi đạo khác, cả đến các đường phố bên ngoài nhà ga, không gian, một số dân chúng kỷ lục chen chúc nhau, xô đẩy và đẩy xéo lên nhau trong một tinh thần cuồng nhiệt, say sưa—say sưa vì một thành công vĩ đại. Dân chúng của năm 2500, dân chúng của năm đầu một thế kỷ, của năm đầu của Kỷ nguyên Không gian. Người ta nói như vậy, và tin như vậy.

Những vầng thái dương nhân tạo chiếu ánh sáng vừa phải, và buồng sức nóng vừa tầm, xuống cho đỏ thành Sài-Gia-Điền, tức Sài Gòn với Biên Hòa, Gia Định hợp lại. Dưới ánh sáng chan hòa mà dịu dàng, nhiều người là hết quá sức, mệt mỏi đến tái xanh tất cả các vườn hoa ở chung quanh đó thì không rõ này đã bị hái không còn một búp nụ. Và người ta ôm nhau mà hôn—dù hôn nhau giữa phố vẫn chưa phải là thói quen của người Việt—mà vẫn tục, chứ thế vì vui mừng. Những bà mẹ nâng những đứa con nhỏ lên khỏi đầu, không phải để chúng khỏi bị đe dọa,

mà để chúng được tắm gội trong bầu không khí của một buổi bình minh rạng rỡ. Và hàng triệu tiếng nói, với số máy phóng thanh nhiều không kém, thì nhau cất cao lên tận mây xanh một tên người. Tên của một người: người độc nhất, người thắng được siêu không gian. Người đó mở đường cho loài người trên Địa cầu tiến vào Căn khôn!

Để chúc tụng kẻ ngày hôm qua còn vô danh nhưng ngày hôm nay đã mở rộng kích thước bốn chiều cho mình, cả thế giới tổ son điểm phần như một thứ gái ăn chơi lường gạt. Lúa nghĩ như vậy, và tiếp theo rằng kẻ ấy, dù kiểu ngạo đến đâu cũng phải lấy sự đón tiếp này làm thỏa mãn. Cả đô thành chỉ còn là một đại dương những biểu ngữ muôn màu bằng ánh sáng, cả đô thành đỏ ra ngoài đường phố thành những luồng sóng chảy cuộn cuộn. Và trên ngọn cây, trên sân thượng nhà chọc trời, bọn thiếu niên đồng nghị, mắt đảo lên bầu không gian xanh xanh, để mừng tượng thấy mẫu không mẫu thăm thăm của siêu không gian, mà từ bây giờ chúng biết đã có quyền mộng tưởng.

Bởi vì đây không phải là một thắng lợi vĩ đại theo ý nghĩa thông thường. Người ta biết cả đến những nhà Không hành đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng, bằng chiếc hỏa tiễn nhỏ nhất và chậm rì—hơn 10 cây số một giây—của khoảng giữa thế kỷ thứ 20, và cả đến viên chết ngộp trong biển bụi của ngôi thành tinh thứ tư này, còn cổ gọi điện về báo tin chiến thắng; cả những người đó cũng không được suy tôn, ngưỡng mộ, như hôm nay. Hân được

Lý do dễ hiểu. Từ mấy năm nay, các sở tuyên truyền của mấy chính phủ, được coi như nằm được nhiều ưu thế kỹ thuật nhất về phương tiện di chuyển trong không gian, đều không ngừng ca tụng những tiến bộ của ngành này, ngành nọ. Đại chúng, không những bị dối gạt, vẫn tỏ ra tin tưởng, và nhờ thế, quốc hội của một vài nước lớn vẫn tiếp tục biểu quyết những món tiền khổng lồ cho công việc chạy đua lên 7 tầng trời. Kỹ nghệ, nhờ thế, tiếp tục nhận được những lá đơn đặt hàng, và công nhân đầu óc hay chân tay tiếp tục có việc làm, để có tiền trả nợ những món hàng mua chịu. Người ta nói nền kinh tế của những nước lớn như vậy là những cái kiềng đứng vững bằng hai chân rưỡi. Nhưng dù sao đời sống phần thịnh vẫn còn tiếp tục.

Nhưng trong khi đó, có những người ăn ngủ chẳng yên. Đó là những nhà thông thái, với những nhà quốc khánh, chính khách, mà khoa học không có quyền bịp bợm. Những người đó, ngay từ giữa thế kỷ 20, đã biết rõ, và ngầm ngầm giữ kín với nhau, một sự thật là từ không gian loài người chẳng có gì dễ chờ đợi. Ít ra là không gian của Thái dương hệ, được giới hạn phía ngoài bởi ngôi hành tinh mang tên của Diêm Vương, mà khoảng cách vào trung tâm không dưới 5 tỷ cây số.

Diêm Vương tinh, Hải Vương tinh, Thiên Vương tinh, Thổ tinh, Mộc tinh, tính từ ngoài vào trong, đều bằng giá. Hỏa tinh, ngôi thứ tư ở ngay sau Địa cầu, cũng còn xa Mặt Trời đến nỗi nhiệt độ giữa trưa còn xuống đến số không. Và lại hành tinh này nhỏ quá, không đủ sức hút để giữ lấy bầu không khí cần thiết cho sinh vật.

Trong khi đó thì Kim tinh và Thủy tinh lại quá gần nguồn gốc của ánh sáng và sức nóng. Nói riêng về Kim tinh, cách Mặt Trời

bằng nửa Địa cầu, phải chờ hàng triệu năm Mặt Trời nguội dần. Địa cầu trở nên băng giá, loài người mới tính được chuyển di cư.

Nói tóm lại, không kể gì Mặt Trăng mà người ta biết rõ từ lâu lắm, các hành tinh khác cũng không có ích lợi gì trước mắt. Những ống kính thật lớn, những không thuyền thám dò được phóng đi hàng chục, hàng trăm, và thứ nhất là những bài toán lý thuyết chưa bao giờ sai lầm của các nhà thiên thể vật lý học, tất cả đều xác nhận không có loài người, không có sinh vật trên hành tinh nào khác của Thái dương hệ. Còn vấn đề gửi những đoàn thám hiểm sống trong những căn phòng kín mít hoặc những đoàn chuyên viên đi khai thác quý kim, thì một hỏa tiễn chờ đầy chất U ran trên đường về, cũng không làm lại được cho chuyến bay giá hàng tỷ bạc.

Vấn đề thành thử được gói tròn trong 2 chữ « tuyệt vọng ». Từ giữa thế kỷ thứ 20 đến hết thế kỷ thứ 25, rất nhiều tiền bạc đã gia tăng vận tốc của các không thuyền đến gấp 10 ngàn lần. Một hỏa tiễn nếu có đủ đường dài để tăng dần tốc độ lúc khởi hành, và hãm dần tốc độ khi đến đích, có thể tới Diêm Vương tinh trong vòng 1 tháng. Nhưng tới để làm gì trừ cầu nguyền đời im vắng đó ?!

Loài người, kết cuộc, đã vượt ra khỏi quỹ đạo của Diêm Vương tinh 10 tỷ cây số để lập chung quanh Thái dương hệ một hàng rào vô trang phòng thủ, bao gồm 9 căn cứ tùy tính nhân tạo—mà tùy tính Thần Nữ là tùy tính số 9—mỗi căn cứ có một tùy tính lớn, có vũ khí quyền nhân tạo, cho phép hơn 100 ngàn quân nhân và gia-dình, sống trên một mặt đất nhân tạo, bốn phần nhân tạo, nhưng đất bùn nhân tạo, bốn phần thiên nhiên. lại trồng được cây cối của thiên nhiên.

kỷ nguyên không gian...

Có thể, rồi thôi. Người ta tự biết không làm gì hơn được, mặc dù trong thế kỷ tới đây, vận tốc của hòa tiến có thể tới gần vận tốc của ánh sáng. Sự tiến bộ rất quý, nhưng không có ích lợi thực tế nào, vì khoảng cách giữa các mặt trời to lớn quá, mà không ai dai dẳng gì đi toan tính những cuộc phiêu lưu dài cả cuộc đời là ngắn nhất.

Sự tuyệt vọng được giấu kín, nhưng mặt phần nào dần chúng vẫn biết. Sự tuyệt vọng trở nên trầm lắng chung cho cả loài người, và bao quát cả tương lai. Như thế đã ba, bốn trăm năm nay. Điều đó giải thích sự vui mừng, niềm tin tưởng của chúng cả nhân loại, khi Sầu-đo-đất, chàng hoa tiêu lái chiếc hỏa tiễn Phú Dung, vượt siêu-không-gian khứ hồi và nguyên vẹn trở về.

Sầu-đo-đất, gọi tắt là Sầu, một cái tên bình dân nói lên sự gần gũi đất cát, sao bỗng nhiên trở thành bất tử... Người ta thành khẩn gọi tên chàng như tôn thờ, cầu nguyện, vị thần linh thảo cùm xích cho nhân loại vượt ra ngoài Thái dương hệ.

— « Họ đã đi và họ đã về ! » Không biết bao nhiêu người cũng nhắc lại không khôn xiết tả. « Họ đã từ đó trở về ! Siêu-không-gian thuộc về chúng ta ! »

Nhưng một người nào đó cãi lại :

— « Bạn muốn nói hẳn đã trở về ? Hẳn ! Chàng ! Vị anh hùng, Sầu Đo Đất, SẦU ĐO ĐẤT... »

Và sấm sét rền vang. Tung bừng một tiếng gọi tên người. Nàng lần bốc lên, vượt ve bởi làn sóng âm thanh. Sầu-đo-đất, muốn

nắm Sầu Đo Đất, SẦU ĐO ĐẤT MUÔN NĂM !

Lúa-con-gái bịt chặt hai tai và bắt đầu chạy.

Trên các phi đạo số người chen chúc bắt đầu : thiếu nữ sau cùng dừng lại được đề thờ, và tự nhiên thấy ớn lạnh. Nàng thẫn ngời : đáng lẽ mình không nên nghe, phải chăng nên nghe làm gì... Chung quanh nàng : dù sao toàn thể phi trường vẫn tiếp tục những sinh hoạt bình thường ; cứ mấy phút qua lại có một chuyến địa bay hoặc hỏa tiễn cắt cánh, tiếp tục cuốn hút những ngọn lửa hay những tia sáng nhỏ dần, nhỏ dần rồi mất hết trong mù mịt tối đen, cùng với những hoa tiêu khách thương thoải mái trong những không thuyền du lịch.

Bên ngoài, hầu như lạ lẫm đối với sự cuồng nhiệt của dân chúng, những chuyên viên bình thân đi lại, trên đỉnh đầu mỗi người rung rung một hay hai câyăng-ten thu phát thần giao cách cảm. Sự giúp đỡ của máy móc cho phép họ thực hiện một trong những giấc mơ của loài người từ khi mất khả năng ý ở nhiều giống thú : khả năng thông tin chỉ bằng ý nghĩ không thôi. Những chuyên viên đó đã quen nói trong im lặng, với đồng nghiệp của họ ở cách xa hàng ngàn bộ.

Lúa kín Cáo giương lưng ten cá nhân của nàng. Những tiếng nói bình thân đầu tiên của cả ngày hôm nay :

— « Thăng cha đó ! Người ta chỉ nhớ có hẳn thôi. Còn người ta đã quên, cố quên phần đầu của cuộc du hành : biến cố khủng khiếp trong vũng Tủy tinh Thâm Nữ, với bao

nhiều người bỏ mạng—sụp đổ quý đạo hay một cái gì khác lạ!.

— « Nhưng dù sao đó cũng chỉ là một tỳ tinh nhân tạo », một người đàn bà trẻ lời, lãnh đạm. « Mình đã thấy không thiếu gì tai nạn tương tự! Những tỳ tinh ấy, trước sau gì cũng có lúc tự chúng vỡ tan, biến thành phân tử giữa chân không. Tôi nghĩ thế, đúng hay sai? »

— « Đúng. Nhưng đây là một căn cứ tiên phượng quân sự lớn của Thái dương hệ ».

— « Nhưng hàng rào phòng thủ vẫn còn mạnh! »

— « Ủy hội Vật vận Không gian đã chú ý... »

Mấy phút ngưng đọng rồi tiếng nói xa xa lại tiếp tục:

— « Mặc họ. Nhưng dù sao, theo ý tôi thì chiếc không thuyền ở phi đạo 12 cũng chẳng nên cất cánh làm gì. Người ta nói với tôi—tôi không nhớ là ai—rằng toàn thể căn cứ Thần Nữ chẳng còn lại gì... »

— « Hết tất! »

Thế mà trước mắt nàng, Lúa còn trông thấy tấm bảng quảng cáo không lồ kết hợp bằng ánh đèn nhật quang: trên tấm bảng, một hành tinh vàng rực rỡ ở ngoài ranh giới của Thiên hà, và Địa cầu màu ngọc thạch, và Kim tinh như một viên đá quý màu tươi thắm. Một hòa tiền trắng bạc và hồng tươi hướng đầu về phía tỳ tinh. Một biểu ngữ chào mời người du lịch.

« Hãy đến thăm THẦN NỮ—Thiên đường

giữa Không gian—Một thế giới không lệ thuộc vào luật hấp dẫn—nơi sao sáng giữa ban ngày—nơi hoa hồng nở lớn như những ngôi sao! Hãy đến thăm Tương Lai của quý ngài! »

— « Tại sao không! » Lúa tự nhủ. « Kẽ ra thì cũng đáng chứ! »

Nhưng đó chỉ là một biểu ngữ được thực hiện trước khi biến cố xảy ra, nhất định như vậy...

Thiếu nữ rung mình nhẹ nhẹ, quả đúng thế, rằng thật ngu dại. Nàng cần phải trốn đi. Trái đất này, với những câu chuyện ác hại, những biến cố và chia cách, chỉ là một chấm nhỏ trong không gian: quê hương của nàng không ở đây, quê hương của nàng là cả vũ trụ kia...

Phải trốn.

Một tấm kính phản chiếu cho Lúa hình ảnh của một thiếu nữ mảnh mai—áo khoác ngoài bằng chất vải không hư, không bẩn; một vành khăn nghiêng xuống một bên tai, che một nửa mái tóc ngắn buông màu tro. Mười chín tuổi, hình như thế. Nàng nhận diện không nhầm nhurợng. Khuôn mặt trái xoan hơi dài, mũi xa cừ. Vành môi tái nhợt, nhạy cảm; hai bàn chân nhỏ dưới cặp đùi thon dài. « Biết thế này mình đã chọn một mẫu người khá hơn » thiếu nữ tự trách mình. « Tại mấy thằng cha họa sĩ nổi tiếng ở thế kỷ thứ 20, mấy tên Ngọc Vân, Gia Trí, toàn vẽ người ẻo lả, mặt nhỏ chân dài! Giá mình đậm người hơn một chút thì có lẽ bọn đàn ông con trai thích lắm. Với điều kiện họ đứng nhìn vào mắt... »

Nàng cười với chúng, với cặp mắt—cười bằng miệng không thôi. Còn cặp mắt của

ký nguyên không gian...

nặng quả thật ghê gớm. Cặp mắt lớn mông mênh đã đổi thay, trên khuôn mặt của thiếu nữ, mà có tuổi hàng triệu năm. Chúng đã chìm xuống những vực sâu ngoài lý ức, đã theo dõi những cảnh tượng kinh hoàng hay rực sáng— và rõ rệt là bất cứ một phần tử bình thường nào bắt gặp tia mắt ấy cũng thấy gai người.

Đám đông vẫn lũ lượt chạy quanh nàng, lẫn lộn. Ai nấy đều tìm về nhà riêng, trong bầu không khí khỉu trùng êm ái, đượm màu tươi của những ngọn đèn làm ra ánh sáng của mặt trời. Nhưng cũng có những người không có nhà mà về. Những người ra đi là thanh niên, rồi giàng hồ gần suốt cuộc đời trong khoảng trống của Thái dương hệ, tìm kiếm những cơ hội may mắn đưa đến một sự nghiệp huy hoàng. Nhưng không tìm thấy, và bây giờ trở về, trong bộ áo không hành triu nặng. Những người đó sẽ được đưa vào một cơ sở đặc biệt, để được huấn luyện một thời gian tái-thích nghi với đời sống. Vì giữa chốn mênh mang, thời gian và không gian không còn là những ý niệm có giới hạn như trên mặt Địa cầu. Linh hồn của những người đó đã rời khác. Nếu không muốn nhip sống rồi bời, và không-thời-gian bị cắt thành mảnh nhỏ chồng chất lên nhau, hoặc cài lẫn vào nhau, làm cho họ trở thành điên cuồng trong vòng 8 ngày, họ cần được tái-thích-nghi để trở về cùng đồng loại. « Phải mà — Lúa bật một tiếng cười nhỏ — phải « tái thích nghi » mới sống được. Nhưng rút cục có tên nào so sánh được với mình trong sự tiến sâu và xa vào thời-không-gian ? »

Một câu ngắn dễ tự an ủi cũng làm cho Lúa giật mình. « Có im đi không ! Biết đâu ở gần đây lại tăng có một vài người nói được bằng tâm ý ! »

Lúa sợ bị khám phá, kinh hoàng. Trong

lòng bàn tay nắm chặt có móng nails vô tình xuyên thủng làn da mỏng. Một giọt máu lung lay, rớt xuống.

Một giọt máu màu lá cây. Giọt máu xanh.

Vừa lúc đó, một tiếng hồi âm tồn cất lên bên cạnh thiếu nữ :

— Thưa cô, tôi có giúp cô được gì không ?

Lúa-con-gái quay phắt lại. Một chàng trai cao lớn, mặc đồng phục không hành gia màu rêu chết, đang nhìn nàng với cái nhìn trong xanh của bầu trời. Cậu hỏi nhạt nhẽo, và chắc hẳn đây cũng không phải là lần cuối cùng đến tán tỉnh nàng, nên Lúa thấy vui thích vì hẳn sắp phải lui bước : nàng từ từ ngừng mặt lên, và phóng vào mắt hắn tia mắt vực thăm của nàng.

Trái với sự chờ đợi của nàng, người trẻ tuổi không lui lại.

— Xin lỗi cô. Mới thoát trông, tôi tưởng cô mới từ xa về đó thành.

Chàng trai sắp bước đi. Nhưng trong khoảng khắc, những ánh-tên vô hình như đã vô cùng bên nhảy của nàng đã tiếp nhận được nhiều dấu hiệu kỳ lạ. Và nàng nhận ra, với một nhát cắt làm quần đau trong tâm thời gian cùng thuộc mà cả cái chết lẫn mặt dài, đã trắng xanh quý phái mái tóc gọn sóng biếc và cái nhìn biên khơi... Chính chàng rồi. Mình không thể nhầm, Nhưng chàng là gì bây giờ ? Một kỹ sư, có thể lắm, một

chuyến viên diện cơ — không phải một hoa tiêu không gian. Nhiều xác động, quá thanh lịch, mà không đủ can trường. Và lại, không phải. Nàng tiến sâu vào phía trong vầng trán rộng nhưng bị tuyến phòng thủ tâm thức cản lại, nàng mỉm cười) Tất cả chỉ là nguy trang, một mặt nạ. Can trường, có thể nói chàng liễu lĩnh — nhưng liễu lĩnh một cách sáng suốt. Một thoáng nhìn toàn những biểu đồ: chi li và khô cứng. Một chuyến viên về vì trùng hay vì khuôn rớt lẹ?... Còn ghê gớm hơn? Tiếc quá nhỉ!

— «Tiếc quá nhỉ. Cuộc đời chỉ là những nay & mai đi...» Chàng nói, như ngấm ngấm phù họa với nàng.

Lửa gương cười, lấy giọng êm dịu:

— « Ông nói cho tôi đó sao? »

— « Cho cả cô lẫn tôi. Trong đám đông người như thế kia, thật khó gặp được một người thật sự là người. Nhưng thưa cô, giá cô vui lòng, tôi xin mời cô vào uống nước trong một tiệm giải khát kia.»

Thiếu nữ làm bộ ngần ngừ cho phải phép trước khi nhận lời:

— « Nhưng ông đừng vội tưởng vì ông đẹp trai... »

— « Vì tôi đẹp mà cô nhận lời? Không. Tôi không đánh giá con người tôi cao quá như thế. Tôi tưởng cô cũng thấy tôi có một mình giữa đám đông.»

Hai người ngồi bên nhau, cạnh quầy hàng của một quán nước nhỏ, như người ta thấy có nhiều chung quanh các phi trường. Lửa lung túng, lặng im. Đây là lần đầu tiên trong đời mà nàng ngồi cùng một người đàn ông lạ. Nàng không cần công phu cũng tiếp được những làn sóng tình cảm chứng

tỏ rằng đối phương bắt đầu đi quá mức xa giao. Nhưng vẫn có một chút do dự. Anh chàng bản khoán tự hỏi hay là nàng đã quen lang thang một mình vào chấp tôi, đón những người đàn ông từ xa đến. Sự nghi ngờ thường tình. Thiếu nữ thờ dãi nhẹ nhõm. Nàng lo sợ cái gì hơn như thế.

— « Ông đừng tưởng... tưởng tôi đến đây luôn luôn. Sờ đi tôi nhận lời mời của ông vì tôi có hai điều cần thiết. Điều thứ nhất, tôi là kỹ giả, tôi theo dõi vụ trở về của tay Anh hùng của siêu-không-gian, nên suốt từ sáng tôi chưa kịp ăn gì... »

Ồ, xin lỗi cô. Chàng thanh niên vừa nói vừa bấm liên liên vào mấy cái nút điện. Nhưng thiếu nữ vội gạt đi.

— « Ông đừng mặc tôi. Tôi ăn vài cái bánh nhặt, thêm nhiều muối là đủ. » Bánh nhặt và muối thật ra cũng không phải là thức ăn của nàng. Nhưng ăn ít, có thể thu gọn trong một góc dạ dày, đợi lúc nào thuận tiện thì ra ra cho dễ. Rồi nàng nói tiếp « Bài báo thật ư không cần lắm, điều cần lắm là... anh, & ông, sắp đáp chiếc không thuyền sắp khởi hành để đến khu vực Thần Nữ phải không? »

Chàng không trả lời mà hỏi lại:

— « Sao cô biết? »

— « Ông, à anh, từ phi đạo 12 đi tới. anh lại nói chuyện nay & mai đi... »

Chàng cười thoải mái:

— « Có cô ộc nhận xét rất tinh! Vâng, đúng thế, tôi sắp đến tùy tinh Thần Nữ, nhưng tôi không thuộc vào thủy thủ đoàn, nhưng cũng không phải là một hành khách thường. Tôi đi với nhiệm vụ quan sát viên. Kỹ giả và quan sát viên, nghề nghiệp của chúng ta chỉ là một. »

(Còn tiếp)

kỷ nguyên không gian...

bên kia biển rộng

truyện ngắn

MAI THẢO

CÙNG với những trận mưa lớn, tháng thất, đột ngột báo hiệu một mùa mưa nữa đã bắt đầu, cái diêm hồng leo lét, lay lắt ấy là tia hy vọng cuối cùng trong tôi cũng tắt. Tất hẳn.

Sự chờ đợi không một đời. Nhưng cũng đã kéo dài mười sáu tháng. Khoảng thời gian này gói vừa trọn trong cái lãng thời tiết trong suốt của một luân chuyển đều nhịp, cái chói chang của hai mùa nắng cộng với cái lướt thướt của một mùa mưa. Trời xanh biếc rồi trời âm đục. Đã những cơn trắng, đã những trận nước. Bây giờ, thêm một mùa mưa tới, băng băng trên lá. Và tôi, ném tầm mắt về cái phía cuối dãy xa thăm của con đường hầm vọng tưởng dang đặc, thấy cái ánh lửa tôi thấp sáng thành đối tượng cho chờ đợi, ngày lại ngày đã nhỏ lại, chỉ còn là một điểm tối đen. Tôi ra khỏi đường hầm. Thế là hết. Vì chẳng thấy gì nữa, cái nao nao trong dạ, cái thấp thỏm trong hồn, là cái trạng thái bồn chồn của đợi chờ và ngóng trông khi còn hy vọng. Trời buông ngày, không đếm. Tôi thả tâm chẳng dối, cũng chẳng nghe mãi tiếng xe lăn trong mờ mờ bóng đất để biết là một ngày mới đã dựng. Cũng chẳng nhìn lên mãi cái lưới tím của trời, để đón thêm một buổi chiều nữa vừa lên. Tôi để cho những tờ lịch trên tường được yên. Lãng quên đi những kim đồng hồ đang chạy. Tôi đã ra, đã ra khỏi lòng hầm.

Điều đáng buồn là hiện tại này chừng như đã đánh mất cái hiệu năng huyền ảo dồn đầy con người vào cảnh ngộ và sự trở thành cùng nhập hòa làm một với huyền thoại. Nhưng cũng đã mang ý nghĩa một đời. Huyền thoại linh ứng, tôi đã hóa thân thành đá như người đàn bà chột vót trên đỉnh núi cũ. Bởi vì, hết như trong huyền thoại xưa, tôi cũng đã

ôm con đợi chờ. Và Tường thì cũng đã đi xa, đi hẳn, đi mất, không bao giờ trở lại.

xXx

Tôi nhớ hôm đó là một buổi sáng mưa phùn. Thành phố nằm dưới màn mưa nhỏ hạt, đã yên tĩnh, thư thái trở lại, sau mấy tuần lễ bão loạn. Những tiếng súng nhiều cơ vang động, cũng khắp, làm rung rinh những khung cửa, nhưng vì tường căn phòng tôi ở, đã im tiếng sau trận động độ khốc liệt nhất tôi nghe đâu đã kéo dài suốt mấy đêm ngày ở phía bên kia cầu Chữ Y và trên mấy khu vực vòng đai của thành phố. Đàng phải bị đẹp, tàn nhẫn. Trên cái không thành của một cảnh tượng thấp nhĩ sớ quân huy lữ, tình hình êm lũng tạo dựng những điều kiện thuận lợi thứ nhất cho thành lập Đế Nhất Cộng Hòa.

Phải, đúng là buổi sáng hôm đó, tôi đang ngồi sau khung cửa sổ, mơ màng nhìn ra những tờ mưa bay nghiêng xuống lòng con ngõ khuất tịch, thì một người đàn ông mặc áo toai xám, tay xách một chiếc va-ly lớn, từ ngoài đầu ngõ đi vào. Người đàn ông đó là Tường. Tôi nhìn thấy Tường hôm đó, sáng đầu tiên trong đời. Con ngõ bình dân, sáng chiếu chỉ là sự diễn hành những cái lệch thếch, những cái lăm than của lớp người lao động tầm tãi, chợt như ngọc nhiên bất ngờ trước người đàn ông cử chỉ phong nhã, đáng diệu trí thức ấy là Tường. Đi bên cạnh chàng là một ông lão già. Ông lão mái tóc bạc trắng, chòm râu phơ phất, khăn đóng và áo nhiều, sau này chính là người bạn vọng niên thân thiết gần bó nhất của Tường, người duy nhất tới viếng thăm Tường ở tất cả những lần ngoài đường lớn và trên đất nước, ngoài thế giới, có biến động và đổi thay của tình thế trở chiều.

Ông lão già theo Tường đến đứng dưới cửa sổ phòng tôi thì cả hai cùng đứng lại. Họ chia tay nhau. Tiếng nói trong sáng, âm áp của Tường và giọng chậm, khàn của ông lão già từ lòng ngõ vọng lên tới chỗ tôi ngồi, qua màn mưa bay nghiêng.

Tường cúi đầu, lễ độ :

— Mời cụ về. Trời sắp mưa lớn.

Ông lão nhìn quanh quất :

— Ông Tường về ở hẳn trong con ngõ này ?

Tường cười. Cặp môi chàng đỏ hồng, hàm răng trắng bóng, dài trán rộng, phẳng như một phiến trời sáng láng. Chàng chỉ tay lên cửa lầu bỏ không đối diện với phòng tôi :

— Tam lần thân ở đây ít ngày. Những người như tôi và cụ làm gì có một chỗ ở nhất định. Tôi muốn đợi chờ thời thế xoay chuyển thế nào. Lịch sử là một làm thành của những cái tình cờ. Họ thắng rồi. Nhưng tôi tin không thể dễ dàng như thế. Mình sẽ quật khởi lại.

Ông lão già gật gù :

— Chưa ngay được đâu.

Tường gật đầu :

— Chúng tôi cũng nghĩ như vậy.

Ông lão già ngược nhìn căn lầu trống, ngoa suốt từ đầu đến cuối con ngõ, như muốn đánh giá sự lợi hại của một địa thế.

— Con ngõ khá khuất lánh. Chỗ ở kín đáo, chỉ cần lầu hơi chênh vênh. Nhà ai vậy ? Đáng tin cậy hay nguy hiểm cho ông, ông Tường ?

bên kia biển rộng

Tiếng cười của Tường lớn hơn, hồn nhiên, vui thú, đối nghịch hẳn với cái trầm trọng của những điều chàng vừa nói. Chính sự đối nghịch này khiến tôi chìm chú hơn trong lắng nghe :

— Biết thế nào để phòng được hết mọi nguy hiểm ? Nhất là những nguy hiểm ấy lại vô hình, thường xuyên, muôn mặt. Tôi vẫn nghĩ họ có thể bắt tôi bất cứ lúc nào. Lát nữa, đêm nay, không chừng. Gặp nhau lần nào biết lần đó thôi.

Ông lão già kiễng chân, ghé vào tai Tường thì thầm nói nhỏ. Tôi không nghe được gì. Chỉ thấy Tường gật đầu :

— Vâng. Anh ấy đã chết. Bị bắn vào óc. Hai ngày trước khi tôi về được tới đây.

Ông lão nắm lấy tay Tường, ân cần, thành khẩn :

— Ông Tường nên coi việc giữ mình làm trọng.

— Xin nghe lời cụ.

Ông lão già râu tóc phơ phất, phong thái đĩnh đạc ra khỏi lòng ngõ, Tường đã đi lên căn lầu bỏ trống, tôi còn ngần ngại trước câu chuyện kỳ lạ nghe lỏm được của hai người đàn ông phát đó với tôi là hai kẻ lạ mặt hoàn toàn. Họ. Chúng ta. Họ đã thắng. Chúng ta đã thua. Anh ấy đã bị giết. Một viên đạn bắn vào óc. Chỗ ăn máu kín đáo vậy bọc đêm ngày bởi những nguy hiểm vô hình nhiều mặt... Nhưng gì và những ai vậy ? Câu hỏi đã không tìm được trả lời còn gợi lên những xâu chuỗi bí mật khác dội đập vào cái đầu óc đơn giản của tôi, mà cái thế giới sống bấy lâu chỉ là khoảng diện tích nhỏ chật của một khung cửa lầu ngó xuống một con ngõ khuất tịch ở ngoài những biến động sấm sét nhất của thời thế.

Tôi chỉ mơ hồ đoán được Tường là kẻ thua cuộc trong một canh bạc vĩ đại, chàng vừa thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc, chàng vừa băng qua một trùng vây, thoát khỏi một vòng lưới, và giữa một buổi sáng mưa phùn nhạt nhạt, trong màn mưa nhỏ hạt, kẻ chạy trốn trước việc lớn không thành là Tường đã đến ở căn lầu trống trong ngõ, như căn lầu là một hang hốc kín khuất cho chàng ẩn trú một thời gian. Sự bí mật nào cũng phảng phất hương thơm, thứ hương thơm của một hiện tượng còn ở trong trạng thái của giả định, ước đoán và tưởng tượng. Tường đã như thế. Là như thế. Chàng xuất hiện trước mắt tôi, không chỉ như một con người bí mật, còn như một nhân vật hoang đường. Nơi Tường, cõi bí mật vậy phủ còn đồng nghĩa với một cái gì khác thường và xuất chúng. Sự khác thường ấy, từ Tường toát ra sáng ngời thành một ánh hào quang và tôi đã mơ màng, đã tưởng tượng. Tôi thấy một đời sống. Ngoại lệ. Tôi thấy một con người kỳ ảo, sống cheo leo, khốc liệt trên một đường giây định mệnh căng thẳng, làm bạn với im lặng, hòa lẫn vào bóng tối, chuyển chỗ trong nó một hiệu năng tàn phá tự bảo toàn, nguyên vẹn, đầy ắp, đợi chờ một thời cơ mới. Một trái bom nổ chậm, sẽ chậm ngời khi thời thế bén lửa và trở chiều. Một con sư tử ngủ, nhưng vành tai vẫn nghe ngóng từng tiếng cỏ động, từng tiếng lá rớt trong cánh rừng mênh mông là xã hội chuyển vận ở chung quanh.

Suốt ngày hôm đó, và mặc dầu tôi buổi chiều, trận mưa phùn là lay biến thành trận mưa rào ào ạt, lênh láng tràn ngập lòng ngõ, tôi để khung cửa mở, không rời khỏi cái địa điểm quan sát của mình. Óc tò mò của tôi đã bị kích thích dữ dội. Cánh cửa đóng kín của căn lầu đối diện thành một màn điện ảnh vô tuyến truyền hình im lìm, và tôi là đứa nhỏ

mê đắm ngồi chờ nó mở ra, cháy sáng cho những hình ảnh hiện dần lên. Tôi muốn nhìn nhìn thấy Tường. Trong căn gác.

Thấy lại bàn tay, mái tóc, bóng dáng chàng. Chứng kiến, ngay từ những giây phút khởi đầu cái phần đời sống cô độc ăn náu của Tường. Nhưng suốt ngày hôm đó, cho tới tận muộn buổi sáng hôm sau, theo lời thuật lại của dì Năm, Tường ngủ. Ngủ vùi. Ngủ suốt một ngày một đêm, không thức dậy, không ăn uống.

Dì Năm ở nhà dưới. Dì là người làm của chủ nhà. Chủ nhà đi vắng xa, giao cho dì trông coi ngôi nhà.

Chiều hôm sau dì Năm sang chơi tôi. Tôi giữ đi ở lại nói chuyện. Câu chuyện xoay dần, xoay dần tới người đàn ông lạ mặt mới tới ngõ. Tôi được biết thêm về Tường như thế này. Chủ nhân ngôi nhà là một bạn thân của Tường, tuy hai người rất ít gặp nhau. Trước khi đi xa, chủ nhân đã căn dặn dì Năm nhớ chừng nào Tường đến, cứ để cho Tường ăn tự do trên căn phòng nhỏ trên lầu. Trước lúc dì Năm sang, Tường đã thức dậy. Chiếc va-lý lớn đã được mở ra. Ngoài quần áo, toàn là giấy tờ, sách vở. Dì Năm được Tường yêu cầu quét dọn căn gác thật sạch sẽ, trải cho chàng một tấm đệm trên mặt sàn, kê một bàn viết nhỏ gần cửa sổ, nhận trước một khoản tiền lo việc nấu ăn, mua bán, cho chàng hàng ngày, mỗi tuần lễ hai lần lên dọn phòng, lấy quần áo đem ra tiệm thợ giặt ở đầu ngõ.

Dì Năm cười, lắc đầu :

— Ông ấy chẳng giống ai. Xem chừng cũng chẳng muốn cho ai biết tới.

Tôi hỏi :

bên kia biển rộng

— Sao vậy ?

— Nói thích yên tĩnh một mình. Để đọc sách, không muốn tiếp ai, có người nào hỏi, cũng chỉ trả lời vắn tắt là đi vắng, hay nhà không có ai càng tốt. Tôi hỏi ông ấy có gia đình chưa, vợ con đâu không thấy, ông ấy chỉ cười nói nếu đêm đêm thấy đèn sáng thật khuya trên lầu cũng từng lấy thế làm ngạc nhiên. Chỉ là ông ấy thức, chưa ngủ.

Những tiết lộ của dì Năm chỉ là những chiếu sáng nhỏ hẹp. Như một ánh pha chiếu vào sâu thẳm mệnh mệnh muốn gốc của một cánh rừng già, chỉ làm sáng một gốc cây, một bụi cỏ trong một khoảng khắc ngắn ngủi. Những chiếu sáng hữu hạn đó, với tôi, chỉ có tác dụng ngược lại là làm cho cái mảng tối vây bọc cõi thân thế hoang đường của Tường càng đặc thêm. Ông tò mò của tôi không được thỏa mãn. Nó càng bị kích thích dữ dội hơn nữa. Như ở Tường, chính nó ám ảnh cách biệt khác thường đã toát ra một sức hấp dẫn mãnh liệt. Tôi đã là một cây kim nhỏ. Và bên kia ngõ, sau một khung cửa, Tường đã là một khối nam châm.

Tuần lễ đầu, đúng như Tường đã nói trước cho dì Năm không ngạc nhiên, thối mái, cửa sổ phòng chàng sáng đèn tới tận khuya. Đêm nào cũng tới không giờ. Có khi tới nửa đêm về sáng. Tường không ra khỏi nhà một bước. Chàng tự giam cầm chàng. Ban ngày, cánh cửa sổ chỉ mở hé. Tối chiều, khi bóng tối đã chấp chới, da trời tím thẫm, trời lác đác những sao đầu, đèn đường đã thấp, ngọn đèn trong phòng Tường cũng sáng theo. Cánh cửa bấy giờ được những ngón tay trắng hồng của Tường đẩy cho mở rộng.

Tường sống, rất chừng mực. Thời giờ chia ra, mỗi việc trong một thời gian ngắn